

DANH SÁCH CÁC CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ DƯỢC
(cập nhật đến ngày 31 tháng 5 năm 2024)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1	Đặng Thái	Hải	13/7/1988	01/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2	Hồ Phạm Hoài	Tân	1979	01/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3	Nguyễn Thúy	Duy	12/3/1989	02/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4	Trương Thị Mỹ	Hạnh	1978	02/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
5	CAO THỊ PHONG	VÂN	20/6/1984	03/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
6	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	01/10/1994	04/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
7	Phan Văn	Nho	1983	04/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
8	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12/8/1989	05/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
9	Đoàn Lê Thanh Ngọc Thủy	Tiên	1982	05/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
10	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	27/8/1987	06/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
11	Bạch Văn	Út	1984	06/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
12	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	12/8/1987	07/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
13	ĐẶNG THỊ KIM	NHUNG	28/4/1979	08/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
14	Mai Hữu	Tâm	1982	08/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
15	Võ Thị	Vàng	30/7/1978	09/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
16	Nguyễn Phú	Hữu	05/3/1987	10/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
17	Phạm Hoàng	Thái	1981	10/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
18	Vũ Hồng	Thúy	30/8/1984	100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
19	Phan Thanh	Trúc	16/4/1975	1000/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
20	Ngô Thị Bích	Lan	1991	1000/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
21	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	18/5/1994	1001/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
22	Lê Thanh	Tú	1983	1001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
23	Nguyễn Trúc	Ly	1992	1002/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
24	Võ Thị Kim	Ngọc	26/4/1994	1003/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
25	Lê Thị Mai	Thảo	1982	1003/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
26	Võ Nữ Ngọc	Ánh	17/7/1995	1004/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
27	Lê Thị	Diễm	1980	1004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
28	Đoàn Anh	Nhi	24/11/1995	1005/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
29	Bùi Hữu	Dược	1989	1005/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
30	Nguyễn Thị Kim	Lợi	1984	1006/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
31	LÊ THÁI	SON	18/02/1991	1007/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
32	Phan Thị Mai	Ly	1971	1007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
33	Mai Thị Thảo	Quyên	18/12/1991	1008/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
34	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1968	1008/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
35	Bùi Thị	Kim	1986	1009/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
36	Phùng Hồ Hồng	Ngọc	1987	1009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
37	BÙI THỊ HỒNG	LINH	01/01/1982	101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
38	Lê Kim	Luyến	1987	101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
39	Nguyễn Thị Kim	Nhiệm	17/5/1994	1010/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
40	Tạ Văn	Hòa	1977	1011/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
41	Trần Thị Tú	Em	24/02/1989	1012/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
42	Nguyễn Võ Vĩnh	Phúc	1983	1012/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
43	La Thị Mỹ	Duyên	02/02/1991	1013/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
44	Huỳnh Thanh	Trà	1987	1013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
45	Nguyễn Thị	Nhung	1973	1014/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
46	Trần Thị Thu	Vân	1989	1014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
47	Thái Văn	Nghị	19/02/1991	1015/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
48	Nguyễn Thị Minh	Khoa	1991	1016/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
49	Lê Văn	Tuấn	05/9/1976	1017/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
50	Dương Thị Bích	Phượng	1988	1017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
51	TRẦN VĂN	KHUÔNG	1986	1018/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
52	Huỳnh Thanh	Hồng	1964	1018/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
53	Trần Thị Thúy	Huỳnh	02/11/1993	1019/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
54	Ngô Võ Minh	Hoàng	1988	1019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
55	BÙI THỊ THỰC	NHÂN	28/11/1987	102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
56	Trần Thanh	Thùy	25/5/1974	1020/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
57	NGUYỄN THỊ LỆ	HẰNG	11/6/1994	1021/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
58	Nguyễn Thanh	Tuấn	1972	1021/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
59	NGUYỄN HẢI	LÂM	1995	1022/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
60	Đỗ Thanh	Tuấn	1969	1022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
61	Võ Thị Ngọc	Ngà	23/3/1994	1024/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
62	Bùi Ngọc	Giàu	1975	1024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
63	Nguyễn Phước Hải	Du	30/6/1981	1025/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
64	Trần Thị Thanh	Trúc	1968	1025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
65	Lý Đa	Thời	31/3/1982	1026/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
66	Tạ Đức	Thắng	1988	1026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
67	Nguyễn Vũ Quế	Anh	14/5/1994	1027/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
68	Trương Thị Thanh	Tuyền	1988	1027/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
69	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	1986	1028/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
70	LÊ THỊ BÉ	HOÀNG	31/8/1997	1029/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
71	Tổng Dương Diễm	Chinh	1990	1029/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
72	HÀ DUY	THANH	12/10/1990	103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
73	Huỳnh Thị Diễm	Trinh	01/11/1994	1030/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
74	Phạm Minh	Mẫn	1970	1030/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
75	Khuru Hồng	Giang	05/9/1990	1031/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
76	Lê Thị Cẩm	Hà	1990	1031/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
77	Diệp Thúy	Quỳnh	16/12/1984	1032/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
78	Nguyễn Thị Thanh	Lan	1983	1032/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
79	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	1033/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
80	Đoàn Nguyễn Minh	Châu	10/10/1994	1034/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
81	Nguyễn Thị Mỹ	Nương	1989	1034/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
82	Đỗ Xuân	Huyền	12/7/1989	1035/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
83	Đinh Thị	Bích	1983	1036/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
84	Nguyễn Hồng	Nhung	10/9/1995	1038/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
85	Võ Diệu	Hằng	1975	1038/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
86	Ngô Kim	Ngọc	09/4/1994	1039/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
87	Phạm Thị Diễm	Kiều	1982	1039/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
88	Võ Thị Hồng	Nhung	06/11/1993	104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
89	Vương Bích	Hợp	24/6/1986	1040/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
90	Lê Thị Ngọc	Hạnh	1989	1040/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
91	Lê Thị Huyền	Nga	01/01/1971	1041/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
92	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1992	1041/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
93	Tiêu Hùng	Dũng	18/10/1994	1042/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
94	Đinh Thị Ngọc	Diệp	1987	1043/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
95	Lâm Nguyên Minh	Nhật	30/7/1993	1044/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
96	Lê Hồng	Dân	1982	1044/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
97	Phạm Thị Vĩnh	Trinh	1981	1045/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
98	Nguyễn Thị	Hoa	1965	1045/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
99	Nguyễn Hồng	Thúy	19/7/1995	1046/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
100	Trần Quang	Thành	1949	1046/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
101	Lê Thị Phương	Trang	26/7/1994	1047/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
102	Dương Thành	Tài	26/7/1994	1048/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
103	Phạm Thị Thúy	Nguyên	1982	1048/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
104	Trang Hồng	Ngân	1983	1049/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
105	Lương Thị Bích	Nhung	09/9/1977	105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
106	Phạm Thị Kim	Loan	1959	105/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
107	Nguyễn Ngọc Phương	Thanh	26/02/1994	1050/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
108	Trần Trí	Nhân	1988	1050/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc;
109	Võ Thủy Thuý	Nhiên	08/7/1995	1051/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
110	Nguyễn Thái	Lộc	1982	1051/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
111	Phạm Thị Lan	Chi	22/8/1996	1052/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
112	Diệp Thanh	Ngân	1964	1052/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
113	Trần Thị	Tươi	27/7/1978	1053/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
114	Trần Thị Mỹ	Anh	1982	1053/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
115	Võ Thị Ngọc	Diệu	08/01/1993	1054/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
116	Võ Thị Kim	Ngân	26/01/1995	1055/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
117	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1971	1055/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
118	Nguyễn Anh	Huy	09/9/1989	1056/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
119	Trần Thị Thu	Ngân	1989	1056/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
120	Nguyễn Văn	Phối	10/02/1967	1057/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
121	Nguyễn Quốc	Huy	1981	1057/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
122	La Hoàng	Nam	1982	1058/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
123	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1985	1058/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
124	Trần Hữu	Nhon	26/02/1993	1059/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
125	Nguyễn Thị Thu	Hương	12/4/1983	106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
126	TRẦN VĂN	ĐỆN	15/10/1992	1060/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
127	Lê Thị Ánh	Hồng	1986	1060/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
128	Trần Thu	Quyên	06/6/1994	1061/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
129	Võ Thị Huyền	Trần	1990	1061/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
130	Dương Thị Kiều	Oanh	14/02/1997	1062/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
131	Trần Hữu	Lộc	18/5/1993	1063/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
132	Phạm Văn	Liêm	1956	1063/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
133	Lê Ngọc	Hương	1964	1064/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
134	Nguyễn Văn	Út	1964	1064/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
135	Phạm Ngọc Yến	Nhi	05/9/1994	1065/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
136	Hoàng	Son	1960	1065/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
137	Lê Thị	Thương	27/10/1995	1066/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
138	Lê Thị Bích	Phượng	1988	1066/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
139	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	23/5/1997	1067/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
140	Võ Thành	Nghiệp	1983	1067/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
141	Dương Thị	Oanh	24/4/1992	1068/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
142	Lê Thị Bích	Thùy	1988	1068/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
143	Huỳnh Như	Thảo	11/9/1994	1069/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc
144	Trương Minh	Nhật	1986	1069/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
145	Nguyễn Anh	Dũng	10/10/1969	107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
146	Lê Thị Hồng	Ngọc	1972	107/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
147	Phạm Thị Ngọc	Hương	06/4/1997	1070/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
148	Phan Thị Ánh	Hồng	1950	1070/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
149	Huỳnh Thị Ngọc	Thư	05/12/1997	1071/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
150	Trương Thị Hoài	Trang	1987	1071/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
151	Lê Trung	Nhân	1977	1072/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
152	Đàm Duy	Tuấn	13/4/1993	1073/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
153	Lưu Thị Ngọc	Án	1984	1073/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
154	NGUYỄN VĂN	A	01/01/1978	1074/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
155	Phạm Thị Ánh	Tuyết	1986	1074/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
156	Nguyễn Thị Diễm	My	05/11/1997	1075/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
157	Đặng Đỗ	Quyên	1990	1075/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
158	Lê Vĩnh	Thuận	15/01/1985	1076/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
159	Lâm Thị Thu	Nhi	1983	1076/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
160	Đỗ Sơn	Hà	05/8/1994	1077/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
161	Phạm Võ Thùy	Linh	1989	1077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
162	Trần Thị Hồng	Ngọc	01/01/1997	1078/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
163	Nguyễn Thị Ngọc	Minh	1982	1078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
164	Trần Thị Minh	Nguyệt	01/01/1997	1079/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
165	Trương Thị Yến	Phượng	1984	1079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
166	Bùi Thị Kim	Nhung	14/8/1994	108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
167	Lê Hồng Thanh	Thào	1977	108/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
168	Lê Cao	Thiên	1965	1080/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
169	Phạm Thị Cẩm	Trường	1965	1080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
170	Nguyễn Hữu	Hòa	1984	1081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
171	Hồ Tú	Trình	24/01/1995	1082/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
172	Nguyễn Thanh	Phong	1970	1082/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
173	Lê Thị Kiều	Oanh	23/01/1991	1083/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
174	Huỳnh Văn	Rện	1970	1083/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
175	Nguyễn Thị	Hạnh	13/10/1996	1084/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
176	Trần Cát	Vy	22/01/1994	1085/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
177	Huỳnh Thị Lệ	Tiên	1984	1085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
178	Nguyễn Văn	Út	1992	1086/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
179	Huỳnh Thị Mộng	Cầm	1991	1086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
180	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1989	1087/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
181	Phạm Hồng	Hà	1945	1087/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
182	NGUYỄN TIẾN	TRUNG	18/10/1973	1088/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
183	Nguyễn Ngọc Minh	Tâm	1990	1088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
184	Hồ Thị Cẩm	Tiên	29/4/1988	1089/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
185	Phạm Thị	Hoài	1975	1089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
186	Trần Thị Thu	Thào	09/9/1993	109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
187	Huỳnh Quốc	Nghĩa	10/10/1984	1090/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
188	Trần Minh	Tâm	1990	1090/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
189	Ngô Thị Quỳnh	Như	1994	1091/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
190	Võ Duy	Khánh	1984	1091/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
191	Phan Thị Ánh	Ngọc	20/02/1996	1092/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
192	Đình Thị Hồng	Hạnh	1985	1092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
193	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	10/3/1996	1093/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
194	Trần Thị Ngọc	Dung	1985	1093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
195	Nguyễn Hoàng	Anh	20/6/1997	1094/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
196	Trần Thị	Lành	12/6/1971	1095/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
197	Đỗ Đình Yến	Bình	28/12/1997	1096/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
198	Trần Tuấn	Anh	1974	1096/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
199	Nguyễn Thị	Nhiều	28/02/1992	1097/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
200	Đỗ Tuyết	Mai	1986	1097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
201	Bùi Thị Mỹ	Diên	20/6/1996	1098/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
202	Lê Thị Hồng	Nhung	1982	1098/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
203	Trần Thị Ngọc	Tuyền	16/11/1997	1099/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
204	Lưu Bích	Quyên	24/02/1984	11/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
205	Ngô Thị Vân	Hà	01/9/1983	110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
206	Đặng Thị	Thùy	1979	110/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
207	Trần Anh	Nhật	23/7/1992	1100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
208	Trần Thị Thu	Nguyệt	1975	1100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
209	Lê Thị Ngọc	Ngân	04/9/1996	1101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
210	Lê Văn	Tuấn	1956	1101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
211	Lê Thị Diễm	Ny	1990	1102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
212	Lê Văn	Sang	1992	1102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
213	Huỳnh Thị	Trắng	1995	1103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
214	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1976	1103/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
215	Nguyễn Lê	Loan	22/3/1994	1104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
216	Nguyễn Việt	Trình	08/8/1997	1105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
217	Đỗ Thị	Hiếu	1977	1105/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
218	TRẦN THỊ HẢI	NHI	04/02/1996	1106/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
219	Võ Văn	Túp	22/12/1968	1107/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
220	Nguyễn Thị Kim	Soàn	1982	1107/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
221	Võ Thị Việt	Trình	16/3/1997	1108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
222	Nguyễn Quốc	Dũng	1985	1108/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
223	HUỲNH THỊ DIỄM	THÚY	12/7/1997	1109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
224	Nguyễn Thị Bé	Bảy	1967	1109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
225	Nguyễn Hoàng	Vũ	14/02/1986	111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
226	Võ Đình	Đệ	1969	111/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
227	NGUYỄN LÊ DUY	PHƯƠNG	21/12/1980	1110/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
228	Hà Hồng	Thiện	1983	1110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
229	Hồ Thị Lệ	Thi	16/7/1974	1111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
230	Bùi Thị	Thùy	1975	1111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
231	Hồng Kim	Chi	1968	1112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
232	Phan Thị Thùy	Linh	16/7/1994	1113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
233	Thái Thị	Phuong	1975	1113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
234	Tạ Thị Tuyết	My	10/9/1996	1114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
235	Dương Thị Cẩm	Hồng	21/01/1993	1115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
236	Trần Ngọc	Thu	1965	1115/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
237	Lê Đình	Nhân	27/8/1985	1116/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
238	Lương Thân Anh	Hoa	1975	1116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
239	Nguyễn Thị Kim	Hên	1987	1117/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
240	Trần Nhật	Thanh	1990	1117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
241	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1996	1118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
242	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	1118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
243	Đình Thị Thúy	Hằng	09/12/1996	1119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
244	Lê Thị Anh	Thư	1986	1119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
245	Bùi Thị Phương	Huỳnh	18/02/1984	112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
246	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	1977	112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
247	Lê Thị Mỹ	Dung	28/10/1991	1120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
248	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	22/01/1966	1121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
249	Huỳnh Hồ Quốc	Quý	29/9/1996	1122/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
250	Phạm Văn Tuấn	Em	1981	1122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
251	Nguyễn Thị Anh	Đào	22/4/1996	1123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
252	HỒ SĨ	QUÍ	16/01/1979	1124/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Nhà thuốc
253	Lê Nhựt	Tân	30/7/1997	1125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
254	Lý Quốc	Phục	1970	1125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
255	Lê Thị Cẩm	Hồng	10/11/1996	1126/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
256	Trần Thị Ngọc	Diễm	1990	1126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
257	Huỳnh Lê Phương	Ngọc	02/9/1990	1127/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
258	Lê Thanh	Hiền	1980	1128/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
259	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	1982	1129/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
260	Nguyễn Thị	Lộc	20/4/1995	113/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
261	Phạm Hồng	Khánh	1981	113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
262	Trần Thị Thùy	Linh	20/12/1991	1130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
263	Võ Thị Mỹ	Huyền	1984	1130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
264	Phạm Thị Bảo	Hà	03/8/1994	1131/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
265	Hồ Kim	Hương	1986	1132/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
266	Bùi Tấn	Huy	1990	1133/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
267	Dương Thị Ngọc	Huyền	1992	1133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
268	BÙI NGỌC HIỀN	THI	22/5/1977	1134/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
269	Ngô Phước	Thiện	1979	1134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
270	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	10/3/1987	1135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
271	Võ Văn	Tư	1952	1135/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
272	THẠCH RẠCH TA	NẠ	03/6/1992	1136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
273	Bùi Kim	Xuân	1952	1136/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
274	NGUYỄN THỊ THÚY	DUY	20/5/1995	1137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
275	HỒ TRƯỜNG XUÂN	DIỆU	17/8/1997	1138/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
276	Trần Thị Tuyết	Nga	1987	1138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
277	BÙI NGỌC	HIẾU	06/4/1997	1139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
278	Quách Hoa	Xuân	1987	1139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
279	Nguyễn Thành	Quý	09/11/1989	114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
280	Nguyễn Thị	Triết	1955	1140/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
281	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	1984	1141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
282	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	1969	1141/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
283	BÙI NHẬT LOAN	ANH	1977	1142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
284	Dương Châu Ngọc	Dũng	1980	1142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
285	PHAN THÀNH	QUANG	08/4/1979	1143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
286	Phạm Thị Tuyết	Trình	1990	1143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
287	LÊ THỊ	THOM	17/7/1994	1144/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
288	HUỶNH TẤN	ĐÁ	29/12/1993	1145/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
289	Nguyễn Bá	Vương	1973	1145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
290	PHÓ HẬU	DUY	03/11/1993	1146/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
291	Mai Trung	Vĩnh	1979	1146/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
292	HUỶNH THỊ NGỌC	PHUƠNG	28/6/1989	1147/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
293	Võ Thị Thanh	Thảo	1985	1147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
294	NGUYỄN THỊ	NGỌC	01/01/1985	1148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
295	VÕ THỊ HỒNG	PHÚC	12/10/1993	1149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
296	Lê Minh	Hậu	10/10/1970	115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
297	TRẦN THỊ KIM	CHI	25/6/1991	1150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
298	Phạm Dương Hiếu	Nghĩa	1991	1150/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
299	NGUYỄN DUY	QUANG	20/8/1984	1151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
300	Nguyễn Thị	Sinh	1962	1151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
301	HUỶNH CẨM	TÀI	13/12/1988	1152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
302	Nguyễn Thị Thu	Xương	1986	1152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
303	NGUYỄN THỊ MỸ	PHƯƠNG	01/01/1990	1153/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
304	LƯU MỸ	PHƯƠNG	1988	1155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
305	Phan Thị	Bé	1960	1155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
306	BÙI THỊ THANH	TÂM	09/9/1992	1156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
307	LÊ THỊ CẨM	ĐÀO	1988	1157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
308	Đặng Mai	Thi	1985	1157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
309	ÂU TRUNG	TUẤN	1980	1158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
310	Lương Tấn	Phát	1989	1158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
311	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	1985	1159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
312	Nguyễn Văn	Đệ	1968	1159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
313	Nguyễn Hoàng	Duy	28/10/1983	116/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
314	BÙI HỮU	TRUNG	05/01/1991	1160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
315	PHẠM THỊ KIM	THANH	1994	1161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
316	Đặng Phước	Đẹp	1971	1161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
317	TRẦN THỊ HỒNG	CẨM	21/12/1979	1162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
318	Nguyễn Văn	Trí	1966	1162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
319	NGUYỄN HOÀNG	SON	10/5/1990	1163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
320	Trần Thị Tuyết	Mai	1967	1163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
321	NGÔ YẾN	DIỄM	07/11/1995	1164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
322	Lê Thị Bích	Ngọc	1984	1164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
323	HUỶNH THỊ THẢO	ANH	30/4/1997	1165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
324	Phương Minh	Phát	1973	1165/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
325	VÕ HOÀNG	LINH	1992	1166/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất dược liệu; hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã.
326	Nguyễn Thị	Huệ	1991	1166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
327	MAI	PHƯƠNG	22/3/1984	1167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
328	Nguyễn Văn	Nhanh	1949	1167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
329	VÕ THỊ KIM	TUYỀN	25/02/1990	1168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
330	Phạm Thị Thanh	Thúy	1973	1168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
331	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	25/4/1989	1169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
332	Nguyễn Thị	Năm	1972	1169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
333	Huỳnh Thị Mỹ	Chi	1990	117/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
334	NGUYỄN THỊ	DIỄN	15/7/1983	1170/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
335	Lê Minh	Phụng	1982	1170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
336	Trần Văn	Thông	1965	1171/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
337	Phạm Đình	Hiếu	1943	1172/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
338	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	20/10/1996	1173/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
339	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	12/02/1985	1174/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
340	Phuong Minh	Tài	1975	1174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
341	NGUYỄN XUÂN	TRƯỜNG	1988	1175/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
342	VÕ THANH	HÀ	05/7/1988	1176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
343	TRẦN HỒNG	OANH	16/10/1993	1177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
344	Nguyễn Kim	Xoàn	1982	1177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
345	LÊ HỒNG	PHÚ	20/4/1994	1178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
346	Võ Thị Thu	Trang	1991	1178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
347	HỒ VĂN VŨ	LINH	20/8/1990	1179/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
348	Nguyễn Thị	Phuong	1987	1179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
349	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/02/1995	118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
350	Phạm Thị Hồng	Yến	1979	118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
351	TRẦN THỊ THU	XƯƠNG	09/8/1987	1180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
352	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	03/9/1992	1181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
353	Huỳnh Phương	Đại	1983	1181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
354	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	15/9/1979	1182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
355	Nguyễn Duy	Trường	1985	1182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
356	ĐẶNG LÊ	TRUNG	13/8/1991	1183/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
357	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1986	1183/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
358	PHẠM VĂN	MƯA	21/6/1993	1184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
359	Trần Văn Hữu	Nghị	1964	1185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
360	TRƯƠNG QUỐC	TUẤN	20/11/1982	1186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
361	Đinh Thị Ngọc	Hân	1992	1186/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
362	LÊ THỊ YẾN	OANH	19/6/1996	1187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
363	NGUYỄN QUỐC	THÁI	15/7/1988	1188/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
364	LÊ THỊ ÁI	TUYÊN	22/10/1997	1189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
365	Nguyễn Trần Đình	Quý	20/8/1989	119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
366	Nguyễn Thị Kim	Sông	1969	119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
367	NGUYỄN BẢO	TOÀN	05/6/1993	1190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
368	Nguyễn Thị Kim	Chi	1983	1190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
369	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	11/9/1984	1191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
370	NGUYỄN HOÀNG TRÂM	ANH	02/6/1984	1192/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
371	Tô Bửu	Bửu	1992	1192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
372	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	07/7/1997	1193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
373	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUYÊN	25/8/1988	1194/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
374	BÙI PHẠM NHƯ	QUỲNH	1983	1195/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
375	Lê Trần Tuyết	Trinh	1990	1195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
376	TRẦN HUY	HOÀNG	09/9/1985	1196/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
377	Chung Văn	Vô	1965	1196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
378	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LAN	15/4/1990	1197/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
379	Mai Kim	Thành	1970	1197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
380	LÊ AN	KHANG	08/4/1995	1198/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
381	NGUYỄN VŨ	QUI	1983	1199/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
382	Nguyễn Thị	Chon	08/11/1991	12/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
383	Nguyễn Thu	Ký	1979	12/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
384	ĐÀO DƯƠNG THÚY	DIỄM	01/01/1983	120/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
385	Nguyễn Thị Bé	Hằng	1983	120/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
386	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	15/4/1997	1200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
387	Lê Quốc	Khanh	1987	1200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
388	LÊ QUANG	BÌNH	17/4/1985	1201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
389	Hồ Ngọc	Thúy	1979	1201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
390	LÊ THỊ THÙY	TRANG	21/8/1997	1202/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
391	Phan Thị	Hoài	1991	1202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
392	LÊ THỊ NGỌC	LINH	29/4/1996	1203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
393	Nguyễn Tấn	Hiệp	1979	1203/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
394	NGUYỄN NGỌC	HÂN	19/11/1995	1204/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
395	NGUYỄN VĂN	THUẬN	10/10/1988	1205/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
396	Nguyễn Văn	Sĩ	1977	1205/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
397	NGUYỄN VĂN	GIÀU	29/9/1983	1206/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
398	Nguyễn Thị Kim	Bích	1990	1206/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
399	HUỖNH THANH	TUẤN	23/3/1978	1207/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
400	Nguyễn Hữu	Trường	1980	1207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
401	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/02/1972	1208/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
402	Thái Minh	Tâm	1986	1208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
403	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUỔI	09/4/1995	1209/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
404	Nguyễn Thị Phương	Lan	1989	1209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
405	Võ Đình	Đạt	23/01/1984	121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
406	Trần Diệu	Liên	1984	121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
407	NGUYỄN NGỌC	HÀ	19/02/1993	1210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
408	Nguyễn Thiện	Quý	1986	1210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
409	Lê Thị Xuân	Mai	1988	1211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
410	VÕ VĂN	HIỀN	11/9/1972	1212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
411	Hồ Hữu	Bình	1979	1212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
412	LÊ DUY	QUANG	27/10/1994	1213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
413	LÊ NGỌC	LƯỢNG	26/8/1997	1214/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
414	Trương Thị Thanh	Thủy	1963	1214/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
415	TRẦN THỊ NGỌC	MỸ	06/6/1978	1215/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
416	Lâm Thị Ngọc	Kim	1970	1215/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
417	NGUYỄN BÍCH	HỢP	1987	1216/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
418	Lưu Minh	Triết	1963	1216/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
419	NGÔ DƯƠNG QUỲNH	NHƯ	05/5/1994	1217/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
420	TRẦN THỊ TUYẾT	NGÂN	21/7/1990	1218/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
421	NGÔ THỊ MỘNG	TUYÊN	18/3/1995	1219/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
422	Nguyễn Trung	Hiếu	1978	1219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
423	Lê Thị Băng	Dung	24/4/1969	122/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
424	Đoàn Thị Kim	Ngân	1990	122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
425	NGUYỄN THỊ NGỌC	YẾN	06/6/1985	1220/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
426	Trần Kim	Cúc	1984	1220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
427	MÃ HOÀNG MAI	THI	25/01/1983	1221/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
428	PHAN QUỐC	TUẤN	1986	1222/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
429	Lê Xuân	Mỹ	1987	1222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
430	NGUYỄN DIỆP THỦY	TIỀN	01/01/1992	1223/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
431	Võ Văn	Bén	1988	1223/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
432	NGUYỄN NHẬT	HUY	25/02/1987	1224/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
433	Võ Phước	Thông	1987	1224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
434	LƯƠNG THỊ	DÓN	1986	1225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
435	CAO THỊ	DIỄM	15/7/1993	1226/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
436	Phạm Công	Lực	1988	1226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
437	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	03/10/1987	1227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
438	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1983	1227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
439	VÕ THỊ VÂN	KHANH	19/6/1994	1228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
440	Trần Tuấn	Thanh	1988	1228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
441	TRẦN QUỐC	DUY	23/02/1984	1229/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
442	Nguyễn Duy	Khanh	1968	1229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
443	Nguyễn Thị Kim	Thu	08/5/1981	123/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
444	Trần Ngọc	Tuyển	1983	123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
445	TRẦN QUỐC	BẢO	26/7/1984	1230/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
446	Đào Thị Ngọc	Phương	1974	1230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
447	NGUYỄN KIỀU	PHƯƠNG	05/12/1990	1231/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
448	Hứa Thị Mỹ	Châu	1971	1231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
449	NGUYỄN ANH	THI	02/10/1996	1232/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
450	Nguyễn Thanh	Hòa	1977	1232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
451	DƯƠNG THÀNH	HIỆP	23/4/1996	1233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
452	Nguyễn Văn	Mừng	1964	1233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
453	NGUYỄN CÔNG	NHÂN	25/11/1988	1234/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
454	NGUYỄN THỊ	NHI	19/3/1994	1235/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
455	Huỳnh Thị Bích	Thùy	1986	1235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
456	NGUYỄN THỊ DIỄM	PHÚC	27/10/1980	1236/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
457	Trần Thị Thanh	Tâm	1981	1236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
458	NGUYỄN THỊ	ĐỒNG	27/10/1986	1237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
459	Trần Thị Bé	Thào	1985	1237/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
460	BÙI THỊ CẨM	LÙNG	10/10/1981	1238/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
461	Trương Hoài	Mỹ	1980	1238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
462	NGUYỄN THANH	HÀO	10/4/1995	1239/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
463	Trương Thị	Dìn	1981	1239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
464	ĐẶNG HỒNG	THẨM	16/7/1986	1240/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
465	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyền	1989	1240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
466	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	19/7/1977	1241/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
467	Nguyễn Nhựt Trà	My	1990	1241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
468	NGUYỄN THỊ HẬU	EM	06/5/1992	1242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
469	Thái Mỹ	Nhi	1991	1242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
470	NGUYỄN THỊ MAI	XUÂN	19/8/1987	1243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
471	VÕ PHƯỚC	LỘC	26/3/1982	1244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
472	Trần Quốc	Đông	1983	1244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
473	LÂM THỊ NGỌC	DƯ	13/6/1986	1245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
474	Phạm Phú	Lộc	1982	1245/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
475	NGUYỄN KHẮC	LÂM	15/7/1976	1246/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
476	PHAN THỊ BẢO	HẠNH	15/11/1993	1247/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
477	TRẦN THỊ NGỌC	HUYỀN	19/6/1995	1248/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
478	Trang Thiên	Trần	1992	1248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
479	TRẦN QUI	PHƯƠNG	27/3/1995	1249/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
480	Phạm Thị Hồng	Thúy	1977	1249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
481	Trương Thị	Lan	07/7/1961	125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
482	ĐỖ HOÀNG	VŨ	18/10/1967	1250/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
483	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1990	1250/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
484	NGÔ QUỐC	HUY	06/12/1982	1251/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
485	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	1967	1251/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
486	NGUYỄN THỊ ÚT	TUÔI	28/02/1991	1252/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
487	Phạm Thị Anh	Thư	1988	1252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
488	TRẦN VĂN	LÁCH	02/6/1987	1253/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
489	Nguyễn Thị Mộng	Thu	1986	1253/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
490	PHẠM THỊ HOÀNG	YẾN	11/3/1979	1254/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
491	Phạm Đức	Thọ	1978	1254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
492	PHẠM THỊ HOÀNG	LON	1979	1255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
493	Bùi Hồng	Oanh	1987	1255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
494	QUÁCH HUÊ	PHIẾU	15/5/1972	1256/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
495	Phan Ngọc	Hà	1992	1256/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
496	NGUYỄN THỊ THU	VĂN	28/4/1968	1257/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
497	Nguyễn Văn	Lương	1992	1257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
498	NGUYỄN THỊ NGOC	CHÂN	1992	1258/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
499	Hà Thị Thùy	Dương	1991	1258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
500	Ngô Thị Phương	Linh	1986	1259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
501	Võ Tấn	Lộc	1968	126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
502	LÊ THỊ NHÃ	TRANG	21/5/1989	1260/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
503	La Thị Thùy	Trang	1982	1260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
504	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	05/7/1996	1261/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
505	Nguyễn Văn	Trường	1974	1261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
506	PHẠM NHỰT	TẤN	12/02/1997	1262/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
507	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1979	1262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
508	NGUYỄN QUỐC	HUY	21/10/1995	1263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
509	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1984	1263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
510	NGUYỄN THỊ BÉ	SÁU	06/6/1979	1264/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
511	Nguyễn Ngọc	Nguyên	1987	1264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
512	NGUYỄN THẾ	HẢI	06/02/1996	1265/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
513	Nguyễn Văn	Thương	1974	1265/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
514	HỒ THÁI TRÂN	TRÂN	10/9/1997	1266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
515	Lê Văn	Hoàng	1981	1266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
516	LƯƠNG MINH	PHÚ	09/3/1985	1267/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
517	Phan Thị Bích	Trúc	1986	1267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
518	HUỲNH VĂN	QUÝ	31/7/1988	1268/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
519	Ngô Thị Thu	Hiền	1986	1268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
520	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	01/10/1980	1269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
521	Nguyễn Thị	Hằng	1984	1269/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
522	Lê Anh	Khoa	18/4/1992	127/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
523	Võ Văn Thắng	Lợi	1966	127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
524	NGUYỄN TRUỜNG	XÀ	01/01/1990	1270/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
525	Đặng Thị	Tuyền	1982	1270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
526	NGUYỄN THỊ MỸ	Ý	09/02/1989	1271/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
527	Phạm Thanh	Trúc	1989	1271/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
528	ĐINH THANH HUỲNH	NHU	22/3/1992	1272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
529	Trần Thị Hoanh	Thùy	1981	1273/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
530	HỒ THỊ BẢO	LOAN	19/4/1981	1274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
531	Ngô Thị Yến	Chi	1983	1274/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
532	NGUYỄN TRƯƠNG NGỌC	LỰA	10/8/1996	1275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
533	TRẦN VĂN	LỰC	14/9/1975	1276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
534	Nguyễn Kim	Lan	1953	1276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
535	LÊ MAI HỒNG	NGỌC	23/11/1985	1277/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
536	Trần Quốc	Cường	1986	1277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
537	Cao Thị Ngọc	Giàu	1986	1278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
538	ĐOÀN KHÁNH	LINH	1977	1279/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
539	Lê Văn	Hòa	1981	1279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
540	Trần Nguyễn Đỗ	Quyên	31/8/1992	128/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
541	Trương Huyền	Trân	1977	1280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
542	LÝ THỊ DIỆU	HIỀN	19/8/1982	1281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
543	Huỳnh Nguyễn Thùy	Hương	1990	1281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
544	TRẦN THỊ MỸ	LINH	03/9/1989	1282/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
545	Nguyễn Bích	Thuận	1992	1282/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
546	CAO MINH	NHỤT	06/5/1975	1283/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
547	Ngô Thị Hồng	Linh	1973	1283/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
548	NGUYỄN TOÀN	TRUNG	08/4/1984	1284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
549	NGUYỄN QUỐC	HÒA	15/01/1991	1285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
550	Lê Thị Kim	Hương	1992	1285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
551	NGUYỄN PHAN HỒNG	THẨM	06/11/1989	1286/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
552	Cao Thị Thu	Vân	1979	1286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
553	NGUYỄN VĂN	HẠNH	15/12/1966	1287/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
554	Nguyễn Văn	Nu	1990	1287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
555	MAI THIÊN	TOÀN	29/7/1986	1288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
556	NGUYỄN TƯỜNG	OANH	26/10/1991	1289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
557	Nguyễn Hoàng	Minh	1964	1289/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
558	Hồ Vũ Quỳnh	Chi	28/3/1991	129/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
559	Vương Nguyễn	Tấn	1976	129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
560	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	18/5/1997	1290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
561	Huỳnh Hải	Lâm	1968	1290/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
562	HUỲNH THỊ HỒNG	NHƯ	25/7/1994	1291/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
563	Nguyễn Thê	Vân	1976	1291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
564	NGUYỄN ĐÀO TƯỜNG	VÂN	23/5/1981	1292/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
565	Lê Văn	Công	1982	1292/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
566	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	20/7/1971	1293/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
567	ĐỖ TRỌNG	HIỆP	30/6/1987	1294/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
568	LÊ NGỌC	NGA	20/4/1995	1295/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
569	Lê Minh	Hòa	1977	1295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
570	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	02/9/1992	1297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
571	Nguyễn Thị Oanh	Kiều	1989	1297/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
572	LÊ VĂN	HỒNG	15/6/1983	1298/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
573	Thái Minh	Tài	1982	1298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
574	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	13/6/1989	1299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
575	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	1968	1299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
576	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	05/6/1977	13/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
577	Lương Trọng	Nhân	1978	13/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
578	Nguyễn Đăng	Khoa	07/9/1993	130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
579	Cao Mỹ	Phương	1985	130/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
580	LÊ THỊ THANH	KIỀU	06/7/1985	1300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
581	Nguyễn Văn	Cánh	1990	1300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
582	TRẦN THỊ MỸ	HOA	27/10/1967	1301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
583	PHẠM THỊ BÍCH	TUYỀN	15/11/1993	1302/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
584	Đoàn Thị	Tiếp	1991	1302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
585	VÕ HOÀNG MỸ	LINH	03/01/1985	1303/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
586	Huỳnh Công	Bằng	1984	1303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
587	TRẦN THỊ	DIỄM	1984	1304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
588	Trần Hữu Trang	Anh	1981	1304/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
589	Võ Ngọc Lan	Thanh	1992	1305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
590	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	10/10/1991	1306/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
591	Nguyễn Phước	Hiếu	1991	1306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
592	HUỲNH THỊ THU	THO	17/5/1983	1308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
593	Lê Hiền Bạch	Tuyết	1983	1308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
594	Lê Hồ Mỹ	Ngọc	26/6/1972	131/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
595	Phạm Hồng	Phát	1985	131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
596	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	10/12/1996	1310/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
597	Võ Bích	Tuyền	1985	1310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
598	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	22/02/1997	1311/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
599	Lê Thị Ngọc	Tuyền	1985	1311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
600	NGUYỄN HỮU	TÂM	11/02/1983	1312/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
601	Tôn Quang	Tuyền	1991	1312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
602	DƯƠNG HỒNG	NHỤT	18/8/1983	1313/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
603	Lê Phạm Hoàng	Quỳnh	1989	1313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
604	Phạm Kim	Loan	1968	1314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
605	ĐÀM THỊ TUYẾT	MAI	1986	1315/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
606	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYÊN	27/9/1991	1316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
607	Phan Trần Gia	Thịnh	1988	1316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
608	TRẦN THỊ NGỌC	DIỄM	04/8/1994	1317/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
609	NGUYỄN THỊ TUYẾT	QUYÊN	25/5/1995	1318/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
610	Lê Thị	Phượng	1987	1318/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
611	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	18/4/1984	1319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
612	Trần Ánh	Đào	1987	1319/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
613	Phan Thị Cẩm	Giang	05/10/1981	132/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
614	Nguyễn Thị Thanh	Thuyên	1981	132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
615	NGUYỄN THỊ THANH	TIỀN	12/9/1991	1320/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
616	LÂM THỊ KIM	PHỤNG	03/10/1994	1321/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
617	Lê Thị Bạch	Tuyết	1967	1321/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
618	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	19/4/1983	1322/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
619	PHẠM MINH	NGUYỄN	28/8/1995	1323/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
620	Phạm Văn Hoàng	Thuyết	1988	1323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
621	NGUYỄN THỊ	NHÃ	10/10/1988	1324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
622	NGUYỄN TƯỜNG HẢI	YẾN	08/4/1992	1325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
623	NGUYỄN PHÁT	ĐẠT	16/8/1997	1326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
624	Lê Thanh	Phong	1980	1327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
625	VÕ THỊ	LỜI	21/9/1984	1328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
626	Đặng Vũ Ngân	Khánh	1979	1328/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
627	VÕ VŨ	LINH	28/02/1995	1329/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
628	Lê Kim	Cương	1982	1329/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
629	Nguyễn Thị	Nhàn	10/11/1990	133/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
630	HUỲNH QUỐC	THỊNH	21/02/1995	1330/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
631	Phạm Thị Thanh	Vân	1989	1330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
632	HUỲNH THỊ	HOÀI	10/4/1991	1331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
633	Huỳnh Thị Thúy	Lan	1981	1331/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
634	ĐỖ THỊ MỸ	HƯƠNG	29/9/1990	1332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
635	Võ Thu	Anh	1961	1332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
636	TRẦN THỊ THANH	NHỊ	22/02/1988	1333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
637	Vũ Hương	Lan	1992	1333/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
638	NGUYỄN THỊ DIỄM	HƯƠNG	08/3/1995	1334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
639	Lê Thị	Chà	1979	1334/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
640	HÀ TRUNG	NGUYỄN	08/5/1990	1335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
641	Trần Ngọc	Vân	1988	1335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
642	ĐÀO NHẬT	QUANG	25/02/1994	1336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
643	Ngô Hiếu	Thảo	1972	1336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
644	NGUYỄN THỊ LAM	LINH	07/10/1995	1337/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
645	Nguyễn Thanh	Tuyền	1977	1337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
646	NGUYỄN VÕ ANH	MINH	24/3/1982	1338/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
647	Nguyễn Thị	Mười	1992	1338/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
648	NGUYỄN THỊ BÌNH	MINH	12/01/1995	1339/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
649	Nguyễn Thanh	Phương	1984	1339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
650	Nguyễn Trường	Phước	1965	134/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
651	PHAN THẢO	NGUYỄN	20/11/1995	1340/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
652	Trương Thị Mỹ	Thường	1984	1340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
653	VÕ LÊ NGỌC	THẢO	25/11/1995	1341/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
654	Huỳnh Ngọc	Dung	1976	1341/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
655	HUỲNH THỊ MỘNG	BÌNH	26/9/1995	1342/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
656	Nguyễn	Thiện	1987	1342/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
657	NGUYỄN VĂN	HÙNG	09/11/1964	1343/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
658	Nguyễn Ngọc Diễm	Trang	1976	1343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
659	ĐỖ NGỌC NHÃ	TRÚC	07/9/1988	1344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
660	Phạm Thị Phương	Kiều	1984	1344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
661	PHẠM THỊ HỒNG	TRANG	20/5/1992	1345/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
662	Lê Bích	Phượng	1984	1345/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
663	NGUYỄN THỤY BÍCH	TRÂM	27/01/1990	1346/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
664	Lâm Thị Kiều	Tiên	1986	1346/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
665	NGUYỄN LỮU ANH	TRÚC	21/5/1987	1347/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
666	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	01/9/1994	1348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
667	Trần Chính	Kiệt	1984	1348/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
668	PHẠM VIỆT	HÙNG	28/5/1985	1349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
669	Nguyễn Văn	Phan	1985	1349/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
670	Văng Trương Ly	Pha	06/6/1985	135/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
671	NGÔ TRUNG	HIẾU	06/5/1985	1350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
672	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/4/1991	1351/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
673	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	1987	1351/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
674	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẠNH	03/12/1988	1352/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
675	Mai Thị Trúc	Linh	1983	1352/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
676	ĐOÀN YẾN	NHI	07/11/1991	1353/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
677	Nguyễn Văn	Trọng	1987	1353/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
678	TRẦN ĐỖ THIÊN	TRÍ	18/6/1995	1354/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
679	VÕ HÀ CHÁNH	TRUNG	19/5/1989	1355/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
680	Lê Thị Huyền	Trang	1987	1355/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
681	LÊ HOÀNG	MINH	19/10/1995	1356/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
682	TRẦN CÔNG	HIẾU	13/02/1995	1357/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
683	Nguyễn Thị	Trang	1987	1357/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
684	LÊ KIM	NGÂN	24/8/1987	1358/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
685	Hồ Nguyễn Thúy	An	1984	1358/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
686	ĐẶNG LAN	THANH	01/01/1993	1359/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
687	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1992	1359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
688	Phan Thị Ngọc	Hân	14/9/1992	136/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
689	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	15/02/1992	1360/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
690	Bùi Anh	Tú	1984	1360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
691	Mai Hoàng	Vũ	1983	1361/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
692	Lê Thị	Ngọc	1980	1362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
693	TRẦN THỊ THANH	HUỆ	03/8/1980	1363/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
694	ĐẶNG VĂN	NHU	1985	1364/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
695	Nguyễn Thị	Diễm	1985	1364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
696	NGUYỄN PHƯỚC	HIỀN	09/5/1995	1365/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
697	Nguyễn Thị	Thanh	1969	1365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
698	VÕ THỊ LINH	PHỤNG	15/02/1995	1366/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
699	Võ Thị Phương	Thảo	1991	1366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
700	TRẦN NGỌC LY	LY	05/11/1995	1367/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
701	Nguyễn Hữu	Nhân	1987	1367/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
702	NGUYỄN NGỌC	TÍN	01/01/1995	1368/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
703	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1978	1368/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
704	NGUYỄN	HẰNG	01/4/1982	1369/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
705	Ngô Thị Tuyết	Linh	1987	1369/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
706	Nguyễn Thị Mỹ	Trang	01/6/1991	137/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
707	Trương Trí	Thiện	1989	1370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
708	VÕ THỊ DIỄM	PHÚC	18/6/1993	1371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
709	Phạm Thị Ngọc	Thơ	1975	1371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
710	NGUYỄN ĐẶNG KIM	YẾN	18/12/1994	1372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
711	THÁI PHẠM	NGUYỄN	30/11/1995	1373/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
712	Huỳnh Thị Trúc	Phương	1987	1373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
713	PHẠM NGUYỄN TRÌU	GIANG	1987	1374/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
714	Nguyễn Thị Huệ	Hồng	1985	1374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
715	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	ANH	03/02/1995	1375/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
716	Phạm Thị	Nhờ	1979	1375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
717	VÕ THỊ YẾN	NHI	26/6/1994	1376/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
718	Nguyễn Đặng	Hiển	1986	1376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
719	HUỶNH THANH	HUỶNG	17/5/1990	1377/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
720	Nguyễn Thị	Nhiều	1983	1377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
721	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	12/01/1992	1379/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
722	NGUYỄN THỊ TUYẾT	VÂN	02/03/1971	138/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
723	Phan Văn	Liệp	1965	138/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
724	HUỶNH TẤN PHÚC	THỊNH	03/12/1997	1380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
725	Nguyễn Thị Anh	Thu	1985	1380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
726	LƯU GIA	HÂN	29/4/1995	1381/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
727	Đặng Ngọc	Thạch	1990	1381/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
728	HỒ HOÀNG	PHÚC	04/02/1992	1382/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
729	Phan Thị Lệ	Thu	1989	1382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
730	HUỶNH LÊ KIẾN	QUỐC	12/4/1994	1383/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
731	Võ Huỳnh Phương	Linh	1990	1383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
732	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	26/11/1995	1384/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
733	Nguyễn Thị Bích	Trâm	1992	1384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
734	HUỶNH HIỀN	ĐẠT	10/3/1986	1385/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
735	NGUYỄN THỊ KIM	TRINH	22/4/1993	1386/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
736	Hồ Thị Kiều	Ngân	1989	1386/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
737	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	14/11/1991	1387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
738	Lê Thị	Phượng	1992	1387/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
739	NGUYỄN HOÀNG ANH	TUẤN	19/6/1992	1388/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
740	Trần Thị	Nhàn	1988	1388/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
741	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRÂN	23/10/1993	1389/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
742	Lý Hương	Lan	1969	1389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
743	Lâm Nguyễn Ngọc	Xoàn	15/8/1992	139/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
744	Hồ Minh	Hùng	1971	139/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
745	TRẦN VÕ XUÂN	HUY	17/11/1995	1390/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
746	Nguyễn Thanh	Tùng	1966	1390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
747	NGUYỄN TUẤN	VŨ	19/7/1992	1391/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
748	Nguyễn Ngọc	Mai	1966	1391/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
749	HUỶNH THỊ THANH	THẢO	13/3/1985	1392/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
750	Nguyễn Thị	Trang	1983	1392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
751	LÊ HỮU NGỌC	NGÂN	06/4/1984	1393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
752	Nguyễn Thị	Tam	1982	1393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
753	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂM	16/11/1995	1394/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
754	BÙI THẾ	NAM	1982	1395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
755	LÂM THỊ THANH	TÂM	30/11/1994	1396/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
756	LÊ THANH	TUYẾN	10/10/1996	1397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
757	Dương Thanh	Tùng	1983	1397/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
758	NGÔ THỊ BẢO	TUYẾN	05/3/1994	1398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
759	Lê Thị Phương	Lan	1962	1398/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
760	THÁI THỊ	CHI	1972	1399/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
761	Lê Thị Ngọc	Nữ	19/8/1974	14/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
762	Phù Bảo	Sang	1982	14/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
763	Hồ Ngọc Kim	Crong	1982	140/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
764	HỒ THANH	SANG	28/02/1991	1400/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
765	Nguyễn Ngọc	Yến	1990	1400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
766	HUỲNH MINH	TIẾN	17/4/1995	1401/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
767	Nguyễn Văn	Đạt	1991	1401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
768	NGUYỄN VĂN	SON	1991	1402/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
769	THÁI THANH	LỢI	08/01/1984	1403/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
770	Nguyễn Mỹ	Châu	1969	1403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
771	HUỲNH THỊ DIJU	HIỀN	22/6/1991	1404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
772	NGUYỄN VĂN	ÚT	1987	1405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
773	Lê Tuấn	Anh	1992	1405/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
774	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/8/1981	1406/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
775	Võ Phi	Hùng	1991	1406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
776	NGUYỄN THANH	TÚ	24/8/1995	1407/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
777	NGUYỄN LÊ YẾN	NHI	28/11/1995	1408/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
778	Phan Thị Thanh	Tuyền	1982	1408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
779	VÕ THỊ KIỀU	OANH	06/3/1997	1409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
780	Huỳnh Thị Kim	Nho	1987	1409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
781	Phạm Thị Mỹ	Hạnh	1984	141/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
782	NGUYỄN THANH	NHÀN	20/7/1996	1410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
783	Huỳnh Phước	Bảo	1988	1410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
784	ĐÀO THỊ THANH	CHÂU	04/4/1980	1411/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
785	Nguyễn Như	Mai	1990	1411/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
786	NGUYỄN LÊ	QUÂN	1981	1412/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
787	Lê Thị Thúy	Loan	1985	1412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
788	NGUYỄN THỊ THU	NGỌC	04/12/1991	1413/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
789	Trần Bá	Phước	1979	1413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
790	TRẦN TRỌNG	HỮU	08/02/1995	1414/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
791	Tổng Minh	Hiếu	1978	1414/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
792	MÃ THÀNH	TÂM	1985	1415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
793	Đàm Quang	Dũng	1977	1415/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
794	ĐOÀN THỊ THANH	XUÂN	20/4/1992	1416/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
795	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	21/9/1981	1417/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
796	Trần Bình	Nguyên	1988	1417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
797	HUỲNH THỊ CẨM	LOAN	22/6/1983	1418/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
798	Huỳnh Thị Dạ	Lý	1992	1418/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
799	NGUYỄN THỊ HUỶNH	NHƯ	11/9/1994	1419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
800	Nguyễn Thị Thúy	Duy	1989	1419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
801	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	01/01/1989	142/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
802	Nguyễn Huỳnh	Cung	1965	142/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
803	PHAN MẠNH	HOÀI	28/10/1993	1420/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
804	Trần Thị Hồng	Nghi	1987	1420/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
805	LÊ NGỌC	TRÂN	14/6/1997	1421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
806	Nguyễn Nhật	Nam	1991	1421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
807	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	NGỌC	11/9/1991	1422/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
808	Trần Tuấn	Kiệt	1974	1422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
809	NGUYỄN THÔNG	THÁ	18/11/1989	1423/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
810	Trần Kim	Em	1966	1423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
811	LÊ VĂN	SANG	09/10/1988	1424/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
812	Nguyễn Thị Thanh	Nga	1957	1424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
813	NGUYỄN THANH	TÙNG	01/6/1988	1425/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
814	BÙI TRIỆU PHƯƠNG	TRANG	11/5/1982	1426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
815	Huỳnh Tiểu	My	1990	1426/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
816	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	THI	27/10/1997	1427/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
817	Lê Bùi Như	Ý	1984	1427/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
818	LÊ THỊ MỸ	DIỆU	23/9/1990	1428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
819	Nguyễn Thị Kiều	Xuân	1989	1428/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
820	NGUYỄN THỊ	THẨM	18/6/1993	1429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
821	Nguyễn Tiến	Đường	1964	1429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
822	Nguyễn Thị Thúy	Loan	1974	143/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
823	NGUYỄN THỊ	KIỀU	22/01/1981	1430/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
824	Nguyễn Thị Thanh	Vân	1990	1430/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
825	TRẦN THỊ NGÂN	THOÀ	29/7/1971	1431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
826	Mai Thị Mỹ	Phượng	1985	1431/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
827	NGUYỄN KHÔI	NGUYỄN	15/7/1986	1432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
828	Đặng Thị Bé	Trúc	1989	1432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
829	TRẦN THỊ MỸ	NGÂN	26/5/1995	1433/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
830	NGUYỄN THÁI	BÌNH	18/4/1993	1434/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
831	Trần Kim	Dung	1957	1434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
832	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	THU	28/11/1995	1435/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
833	Tổng Bửu	Lộc	1984	1435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
834	NGUYỄN HUỖNH	HIỆU	01/01/1984	1436/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
835	PHAN THỊ PHƯƠNG	DUNG	29/3/1983	1437/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
836	Võ Thị Thu	Sương	1966	1437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
837	LÊ ĐỨC	THANH	19/4/1995	1438/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
838	Ngô Thị Kim	Trang	1989	1438/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
839	PHAN QUỐC	BẢO	16/3/1972	1439/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
840	Nguyễn Ngọc	Dung	1983	1439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
841	Trần Kim	Phượng	1956	144/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
842	NGUYỄN HỒNG	THÁI	30/03/1990	1440/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
843	Nguyễn Thị Việt	Ấn	1983	1440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
844	HUỖNH THỊ PHƯƠNG	TRANG	21/6/1984	1441/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
845	LÊ THỊ	NGOAN	27/02/1980	1442/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
846	Huỳnh Thị Nhật	Hà	1991	1442/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
847	NGUYỄN XUÂN	BẰNG	20/02/1992	1443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
848	Nguyễn Văn	Thùy	1963	1443/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
849	CHẤU NGỌC MINH	THI	18/5/1992	1444/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
850	Phạm Hữu	Trí	1984	1444/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
851	LÊ VĂN	TUÔNG	05/6/1985	1445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
852	ĐẶNG THU	THÚY	06/11/1997	1446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
853	Phạm Thị Lợi	An	1981	1446/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
854	NGUYỄN THỊ QUỲNH	NHƯ	10/4/1997	1447/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
855	Bùi Đắc Việt	Tài	1963	1447/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
856	NGUYỄN LÊ THU	NGÂN	17/01/1995	1448/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
857	Trần Duy	Thắng	1984	1448/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
858	TRẦN VĨNH	PHÚC	18/10/1986	1449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
859	Lý Ngọc	Diễm	1985	1449/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
860	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1986	145/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
861	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	22/12/1998	1450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
862	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1982	1450/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
863	PHẠM BÍCH	TUYỀN	17/10/1989	1451/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
864	Nguyễn Thị	Thọ	1977	1451/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
865	CAO THỊ TUYẾT	LINH	04/01/1993	1452/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
866	Phan Hoàng Bích	Trang	1983	1452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
867	PHAN HOÀNG	ANH	24/9/1993	1453/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
868	Nguyễn Thanh	Phong	1988	1453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
869	PHẠM THỊ KIỀU	LOAN	12/5/1998	1454/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
870	PHAN THỊ KIM	TIÊN	11/12/1997	1455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
871	TRƯƠNG NGỌC HUỠNH	NHƯ	30/4/1992	1456/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
872	TRẦN NGỌC PHÚC	ANH	08/6/1997	1457/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
873	NGUYỄN THỊ	ĐẦY	03/12/1992	1458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
874	Nguyễn Thị Lan	Chi	1984	1458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
875	TỪ THỊ THANH	XUÂN	17/02/1991	1459/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
876	Nguyễn Thị Mộng	Dung	1987	1459/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
877	Lê Bích	Tuyền	13/6/1905	146/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
878	Phan Thị Mỹ	Xinh	1989	1460/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
879	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUYỀN	28/11/1995	1461/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
880	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	1985	1461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
881	TẠ CHIÊU	PHỤNG	19/10/1993	1462/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
882	LÂM NGỌC	ÁNH	08/6/1987	1463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
883	HUỠNH NGUYỄN THÚY	AN	14/3/1986	1464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
884	Trần Thị Tuyết	Trâm	1980	1464/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
885	PHẠM THỊ MỸ	DUNG	03/12/1998	1465/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
886	Trịnh Ngọc	Chi	1991	1465/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
887	TRẦN THỊ THÙY	DƯƠNG	27/02/1997	1466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
888	Phạm Thị Yến	Phương	1993	1466/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
889	ĐÌNH PHÚ	CUÔNG	12/12/1990	1467/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
890	Đặng Thị Ngọc	Phượng	1992	1467/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
891	PHẠM THỊ HẢI	LÝ	15/3/1998	1468/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
892	Lâm Thị Kim	Châu	1986	1468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
893	TRẦN THỊ TƯỜNG	VI	14/3/1997	1469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
894	Võ Thị Diễm	Trinh	1987	1469/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
895	Tống Nhật	Nam	25/5/1987	147/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
896	Cao Thị Ngọc	Hậu	1975	147/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
897	ĐỖ CHÍ	TRUNG	13/10/1982	1470/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
898	Phan Việt	Nam	1977	1470/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
899	TRƯƠNG THỊ	NHÀN	20/11/1978	1471/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
900	Nguyễn Quốc	Nguyễn	1965	1471/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
901	LÊ THỊ MỘNG	TÍNH	20/12/1989	1472/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
902	NGUYỄN THỊ BÉ	BA	28/8/1997	1473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
903	ĐOÀN THỊ	GIÀU	27/3/1983	1474/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
904	NGUYỄN TRƯỜNG	GIANG	14/4/1991	1475/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
905	Nguyễn Hữu	An	1969	1475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
906	LÊ TUẤN	KIỆT	13/5/1995	1476/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
907	NGUYỄN HỒ MINH	NHƯ	04/02/1995	1477/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
908	LÂM HUỶNH MỸ	LINH	06/12/1995	1478/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
909	Phuong Ái	Hường	1963	1478/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
910	DƯƠNG TẤN	HÙNG	10/02/1995	1479/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
911	Nguyễn Trí	Nhân	1976	1479/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
912	LÊ THỊ THANH	LOAN	27/8/1988	1480/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
913	Huỳnh Hải	Hằng	1966	1480/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
914	DƯƠNG VĂN	TRUNG	1976	1481/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
915	Lê Nguyễn Dung	Trinh	1978	1481/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
916	TRẦN VĂN	THÔNG	1991	1482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
917	Nguyễn Thị	Nhuần	1985	1482/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
918	HUỶNH VÕ THIÊN	TRANG	08/12/1995	1483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
919	Lê Thị	Yến	1982	1483/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
920	MAI TRUNG	HIẾU	16/01/1988	1484/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
921	NGUYỄN THANH	LAN	21/8/1977	1485/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
922	Lê Thị Hồng	Vân	1985	1485/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
923	Nguyễn Thị Huyền	Trần	1990	1486/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
924	LÊ THỊ CẨM	BÌNH	05/7/1975	1487/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
925	Bùi Trí	Nhân	1986	1487/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
926	LÊ THỊ THÙY	TRẦN	01/8/1987	1488/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
927	NGUYỄN QUỐC	KHANG	15/6/1998	1489/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
928	Nguyễn Huỳnh Đoàn	Thùy	1987	1489/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
929	Phan Thái	Ngân	20/3/1985	149/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
930	NGUYỄN THỊ HIẾU	HẠNH	15/10/1998	1490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
931	Lê Tấn	Hiếu	1992	1490/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
932	LÊ THỊ THANH	THẢO	10/4/1988	1491/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
933	Nguyễn Thị Tú	Trinh	1990	1491/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
934	ĐỖ VĂN	LỢI	01/01/1978	1492/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
935	NGUYỄN THỊ	HẰNG	18/3/1987	1493/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
936	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1960	1493/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
937	TRẦN NGUYỄN NGA	MI	30/10/1995	1494/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
938	Lê Văn	Thành	1982	1494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
939	NGUYỄN THANH	HẰNG	18/01/1990	1495/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
940	Phạm Thị Ngọc	Mai	1968	1495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
941	TRẦN THỊ KIM	NGOAN	20/4/1992	1496/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
942	Nguyễn Văn	Xước	1982	1496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
943	PHAN THỊ THANH	TÂN	05/7/1983	1497/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
944	VÕ TÂN	TÀI	15/12/1988	1498/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
945	Ngô Thị	Nhi	1972	1498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
946	HỨA THỊ YẾN	NGỌC	1984	1499/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
947	Phan Thị	Út	21/7/1986	15/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
948	Lê Thị Mộng	Thu	1973	15/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
949	Tô Thị Huỳnh	Như	12/8/1994	150/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
950	NGÔ PHÚ	TÂN	07/5/1987	1500/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
951	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	1992	1500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
952	ĐỖ THỊ TUYẾT	TRINH	28/9/1998	1501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
953	Võ Thị	Diễm	1988	1501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
954	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUYỄN	17/5/1998	1502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
955	NGUYỄN NGỌC	CẨM	10/4/1997	1503/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
956	VÕ THỊ TUYẾT	NHI	24/8/1993	1504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
957	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	1979	1504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
958	BÙI CẨM	NHUNG	28/9/1998	1505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
959	Huỳnh Thị Kim	Thoa	1974	1505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
960	NGUYỄN BẠCH KIM	SANG	23/8/1995	1506/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
961	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	1992	1506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
962	TRẦN THỊ KIM	NIÊN	04/9/1979	1507/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
963	Nguyễn Thị Kim	So	1983	1507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
964	PHẠM THỊ	XUÂN	19/9/1984	1508/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
965	Lê Anh	Khoa	1990	1508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
966	CAO THỊ MINH	LUYỄN	28/11/1983	1509/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
967	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1990	1509/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
968	Trần Thị Kim	Cương	07/6/1905	151/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
969	Nguyễn Thị Thu	Thùy	1967	151/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
970	TRẦN THỊ THANH	TÂM	21/8/1998	1510/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
971	Lê Thị	Quen	1979	1510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
972	TRẦN ĐÌNH BẢO	NGỌC	19/10/1997	1511/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
973	Ngô Ngọc	Quý	1990	1511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
974	NGUYỄN HỮU	CÓ	08/12/1987	1512/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
975	Đào Thị Bé Mười	Một	1985	1512/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
976	Đoàn Thị Thùy	Linh	1979	1513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
977	NGUYỄN THỊ XUÂN	THANH	10/02/1982	1514/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
978	VÕ QUỐC	THÔNG	13/3/1977	1515/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
979	Nguyễn Thị Kim	Phụng	1979	1515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
980	TRẦN THỊ DIỄM	QUỖNH	21/8/1995	1516/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
981	LÊ THỊ	HUYỀN	20/7/1997	1517/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
982	Lê Thành	Tươi	1986	1517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
983	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	28/9/1995	1518/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
984	Nguyễn Thị Huệ	Hiền	1992	1518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
985	ĐẶNG THỊ THÚY	HẰNG	18/6/1997	1519/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
986	Nguyễn Thành	Nam	13/12/1957	152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
987	Võ Thị Ngọc	Hương	1984	152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
988	PHAN THỊ MỸ	TIỀN	05/10/1995	1520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
989	Phan Thục	Như	1991	1520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
990	NGÔ VĂN CHẾ	LINH	08/8/1985	1521/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
991	Nguyễn Thị Ánh	Khoa	1986	1521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
992	VÕ THỊ NGỌC	HÀ	20/8/1982	1522/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
993	PHẠM VĂN	ĐIỄM	29/7/1984	1523/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
994	Nguyễn Tuyết	Lộc	1987	1523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
995	NGUYỄN NGỌC MỸ	TIỀN	16/7/1989	1524/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
996	Nguyễn Thị	Giấy	1959	1524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
997	VÕ HỒNG HIẾU	HẠNH	20/3/1987	1525/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
998	Huỳnh Vũ	Trường	1992	1525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
999	VÕ THỊ HUỆ	CHI	01/7/1989	1526/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1000	NGUYỄN THỊ	KHÉO	08/11/1986	1527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1001	Phạm Thị Cẩm	Tú	1992	1527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1002	TRẦN VĂN	TUẤN	15/5/1983	1528/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1003	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	23/8/1994	1529/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1004	Nguyễn Văn	Chon	1980	1529/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1005	Bùi Thanh	Tâm	02/8/1992	153/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1006	NGUYỄN THỊ KIM	CUÔNG	20/8/1983	1530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1007	Phạm Hoàng	Ái	1988	1530/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1008	ĐOÀN MINH	TIẾN	10/6/1997	1531/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1009	Phạm Thị	Sáu	1967	1531/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1010	HUỶNH THỊ MỸ	LIÊN	27/7/1982	1532/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1011	Mai Ngọc	Sen	1993	1532/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1012	TRẦN THANH	NHI	16/3/1989	1533/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1013	Trần Minh	Tâm	1981	1533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1014	KHAI NGỌC	LẮM	10/01/1989	1534/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1015	Bùi Thị Thùy	Duyên	1984	1534/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1016	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHUƠNG	16/4/1989	1535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1017	Trần Yên	Chi	1993	1535/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1018	LÊ XUÂN	MAI	06/6/1998	1536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1019	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1984	1536/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1020	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG	08/3/1995	1537/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1021	HỨA KHÁNH	LINH	26/01/1994	1538/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1022	Lê Nguyễn Cúc	Tú	1972	1538/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1023	NGUYỄN THỊ KIM	CHÂU	21/11/1975	1539/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1024	Đoàn Phú	Quý	1983	1539/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1025	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1985	154/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1026	HUỶNH THỊ KIM	HAI	23/5/1988	1540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1027	Bùi Bảo	Thái	1969	1540/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1028	TRẦN THỊ	MỚI	27/9/1985	1541/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1029	Trần Thái	Hoàng	1962	1541/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1030	NGUYỄN THỊ	CÚC	1984	1542/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1031	Ngô Minh	Đức	1987	1542/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1032	LÊ MINH	HIỀN	17/10/1986	1543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1033	Lý Mỹ	Dung	1952	1543/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1034	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	14/3/1997	1544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1035	Đặng Ngọc	Giàu	1976	1544/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1036	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1986	1545/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1037	PHAN TUẤN	KIỆT	1978	1546/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1038	BÙI HỒNG	NGỌC	1983	1547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1039	Lê Thạch	Thào	1988	1547/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1040	LÊ PHÚC	TÂM	09/9/1998	1548/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1041	Lê Thị Thu	Loan	1991	1548/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1042	TRẦN THỊ DIỄM	KIỀU	1992	1549/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1043	Nguyễn Hùng	Dũng	1983	1549/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1044	Huỳnh Nhật	Thanh	22/10/1992	155/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1045	Đặng Văn	Bao	1955	155/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1046	LÊ THỊ KIM	TUYỀN	03/3/1995	1550/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1047	DƯƠNG THỊ MỸ	NHU	21/5/1995	1551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1048	Trần Thị Huỳnh	Trang	1993	1551/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1049	ĐỖ ANH	MỸ	01/6/1969	1552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1050	Lê Ngọc	Đáng	1955	1552/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1051	TRẦN HUỖNH BẢO	NGỌC	04/12/1998	1553/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1052	Hà Thị Kiều	Oanh	1990	1553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1053	HUỖNH THỊ	QUYÊN	10/3/1994	1554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1054	Võ Cao	Tây	1990	1554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1055	NGUYỄN THỊ CẨM	TIẾN	06/3/1998	1555/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1056	Lê Đức	Phùng	1963	1555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1057	HUỖNH VĂN	HÁI	1984	1556/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1058	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	1556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1059	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	19/6/1990	1557/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1060	Tô Thị	Nu	1991	1557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1061	THẦN THỊ XUÂN	YẾN	17/5/1982	1558/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1062	Lương Thị Kim	Chi	1985	1558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1063	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	09/10/1987	1559/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1064	Lê Văn	Chấn	1990	156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1065	Trần Cát	Tiên	1978	156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1066	LÊ THỊ YẾN	NHI	29/9/1998	1560/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1067	Võ Đỗ Tố	Quyên	1988	1560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1068	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	15/5/1988	1561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1069	Dương Trúc	Linh	1988	1561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1070	Nguyễn Văn	Đức	1989	1562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1071	NGUYỄN THÚY	AN	17/7/1991	1563/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1072	Lê Trường	Vũ	1988	1563/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1073	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	10/10/1989	1564/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1074	Nguyễn Thị Hồng	Loan	1989	1564/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1075	NGUYỄN HỒNG	NGHI	16/10/1998	1565/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1076	LÊ ANH	NGUYỄN	15/5/1997	1566/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1077	TRỊNH THỊ YẾN	NHI	27/9/1996	1567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1078	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1983	1567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1079	TRẦN THỊ THÙY	TRINH	25/8/1998	1568/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1080	Đặng Thị Thùy	Trang	1990	1568/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1081	ĐOÀN TRỌNG	TÍNH	10/9/1988	1569/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1082	Phạm Thị Ngọc	Điệp	22/02/1991	157/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1083	Lương Thị	Phương	1950	157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1084	NGUYỄN HẢI	DƯƠNG	06/7/1987	1570/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1085	Nguyễn Thanh	Lan	1988	1570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1086	PHẠM HỒNG	NGỌC	13/6/1983	1571/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1087	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	1981	1571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1088	TRẦN THỊ DIỆU	THI	17/6/1996	1572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1089	Võ Văn	Bình	1985	1572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1090	CAO THỊ XUÂN	THANH	19/6/1993	1573/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1091	Huỳnh Thị	Hội	1963	1573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1092	TRẦN THỊ MINH	CHIÊU	24/8/1998	1574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1093	Nguyễn Thị	Thùy	1977	1574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1094	NGUYỄN THỊ THIÊN	THẢO	01/10/1998	1575/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1095	Huỳnh Lê Tuyết	Minh	1990	1575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1096	TRẦN NGỌC	ĐỊNH	10/3/1988	1576/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1097	HỒ PHƯỚC	TÍNH	20/11/1990	1577/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1098	Lê Hoàng Trâm	Anh	1985	1577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1099	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	23/12/1995	1578/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1100	PHẠM NGỌC	DANH	26/7/1977	1579/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1101	NGUYỄN THỊ BÍCH	LIỄU	02/10/1983	158/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1102	KHƯƠNG THỊ MAI	THẢO	12/5/1994	1580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1103	Võ Thị Huỳnh	Giao	1983	1580/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1104	HUỶNH HÀ GIA	BẢO	03/02/1998	1581/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1105	Cao Văn	Nghĩa	1977	1581/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1106	VÕ THANH	BÌNH	25/8/1984	1582/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1107	LÊ VĂN	HÒA	24/6/1986	1583/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1108	HUỶNH THỊ DIỄM	SƯƠNG	01/9/1998	1584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1109	Nguyễn Thị Huỳnh	Duyên	1976	1584/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1110	CHÌA KIM	HÔNG	05/3/1994	1585/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1111	NGUYỄN VĂN HOÀI	ẤN	29/4/1985	1586/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1112	Mai Kim	Hằng	1987	1586/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1113	BÙI TRỌNG	NHÂN	17/02/1995	1587/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1114	HUỶNH THỊ KIM	ĐÌNH	1994	1588/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1115	Mai Cao Tuyết	Xuân	1992	1588/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1116	NGUYỄN THỊ THANH	KHAN	22/01/1984	1589/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1117	Nguyễn Văn	Sỏi	1963	1589/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1118	Nguyễn Thị Hồng	Biên	17/4/1994	159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1119	Nguyễn Thị Thu	Dung	1964	159/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1120	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	28/5/1998	1590/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1121	Nguyễn Ngọc	Thanh	1974	1590/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1122	Trần Công	Đình	1952	1591/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1123	LÊ THỊ MỸ	TRANG	25/02/1986	1592/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1124	Phạm Thanh	Nhã	1962	1592/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1125	LÊ THỊ KIM	PHƯƠNG	25/3/1992	1593/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1126	Trần Thị Ngọc	Thu	1968	1593/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1127	TỔNG PHAN	NGỌC	09/9/1997	1594/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1128	Trần Minh	Nghĩa	1969	1594/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1129	PHÙNG QUỐC	DƯƠNG	18/3/1996	1595/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1130	Nguyễn Văn	Diễn	1985	1595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1131	LÊ HỒ THỊ TÚ	UYÊN	01/01/1998	1596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1132	Đặng Thị Diễm	Phúc	1989	1596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1133	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	01/01/1988	1597/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1134	Phạm Nguyễn Xuân	Bình	1993	1597/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1135	NGUYỄN THỊ TRÚC	GIANG	01/01/1997	1598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1136	NGUYỄN NGÔ KIỀU	MY	04/10/1994	1599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1137	Bùi Thị Trúc	Phuong	1987	1599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1138	Nguyễn Thị Kiều	Nhi	25/8/1991	16/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1139	Đoàn Yên	Trang	1972	16/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1140	Lê Thị Kim	Thoa	20/02/1994	160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1141	Đinh Thị Ngọc	Hân	1983	160/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1142	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	26/3/1995	1600/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1143	Ngô Nguyễn Trúc	Linh	1993	1600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1144	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	HIỀN	08/3/1996	1601/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1145	Nguyễn Thanh	Kha	1975	1601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1146	VÕ THỊ KIỀU	THU	16/4/1997	1602/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1147	Lê Văn	Lâm	1971	1602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1148	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	06/8/1992	1603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1149	PHẠM THỊ PHÚC	VỆ	17/8/1986	1604/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1150	Bùi Thị Mộng	Linh	1984	1604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1151	VÕ NGỌC	PHƯƠNG	12/6/1984	1605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1152	Trịnh Thị Cẩm	Duyên	1985	1605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1153	DƯƠNG NGỌC	HÂN	24/10/1987	1606/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1154	Đặng Thị Thanh	Tuyền	1988	1606/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1155	VÕ TẤN	HÙNG	21/02/1993	1607/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1156	Huỳnh Thanh	Liều	1986	1607/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1157	PHẠM THỊ THANH	TRÚC	30/7/1984	1608/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1158	Phạm Thị Kim	An	1993	1608/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1159	NGUYỄN TẤN	ĐẠT	06/12/1989	1609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1160	Nguyễn Quốc	Hùng	24/3/1994	161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1161	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	15/7/1989	1610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1162	NGUYỄN KIM	NGỌC	20/8/1996	1611/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1163	PHẠM THỊ THÚY	HUỲNH	30/4/1992	1612/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1164	HUỲNH	GIAO	27/7/1994	1613/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1165	HUỲNH LẬP	QUỐC	02/3/1980	1614/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1166	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	22/02/1998	1615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1167	Lê Thị	Dung	1987	1615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1168	PHẠM THỊ THÚY	LAN	22/12/1996	1616/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1169	Lê Thị Hồng	Thắm	1988	1616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1170	TRẦN THỊ TÚ	TRINH	10/6/1990	1617/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1171	Đặng Kim	Ngọc	1980	1617/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1172	PHẠM THỊ	HỘI	13/10/1974	1618/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1173	Đoàn Thị Tuyết	Loan	1992	1618/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1174	ĐẶNG MINH	NHỤT	10/5/1981	1619/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1175	Nguyễn Trọng	Hiếu	1991	1619/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1176	Võ Thị Thủy	Tiên	22/12/1992	162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1177	Đặng Thị	Liễu	1950	162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1178	PHẠM PHÚ	LỘC	22/5/1989	1620/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1179	NGÔ THỊ MỘNG	TUYỀN	27/6/1996	1621/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc
1180	LÊ THỊ NGỌC	DIỄM	10/02/1987	1622/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1181	DƯƠNG HOÀNG	TÂM	11/8/1996	1623/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1182	Đặng Nguyễn Trúc	Linh	1990	1623/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1183	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	26/10/1995	1624/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1184	PHAN QUỲNH TRÚC	AN	19/8/1996	1625/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1185	TRANG TRẦN KIM	PHỤNG	09/5/1994	1626/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1186	Trần Thị Phương	Huyền	1993	1626/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1187	LÊ VĂN	HỢP	24/3/1998	1627/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1188	NGUYỄN CHÍ	CUÔNG	31/10/1996	1628/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1189	TRƯƠNG ĐÌNH QUỲNH	NGÂN	30/5/1996	1629/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1190	Trương Thị Kim	Phụng	1952	1629/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1191	Trần Thế	Khang	25/11/1994	163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1192	LÊ NGUYỄN DUYÊN	THỤY	30/6/1995	1630/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1193	Ngô Thanh	Xuân	1988	1630/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1194	ĐÌNH THỊ THU	HƯƠNG	16/4/1973	1631/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1195	Quan Thu	Nga	1970	1631/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1196	LÊ NHƯ THẢO	NGUYỄN	02/4/1994	1632/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1197	Tô Thanh	Cần	1983	1632/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1198	LÂM THỊ NGỌC	LOAN	01/01/1982	1633/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1199	LÊ THỊ HOÀNG	ANH	15/12/1994	1634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1200	QUÁCH TÚ	TRINH	17/6/1996	1635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1201	Nguyễn Thị Mộng	Ngọc	1980	1635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1202	ĐẶNG THANH	MỪNG	10/02/1989	1636/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1203	Nguyễn Thị Tố	Nhung	1985	1636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1204	ĐỖ MINH	TÀI	03/6/1991	1637/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1205	NGUYỄN THANH	LIÊM	15/7/1975	1638/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1206	Võ Thị Kim	Hoa	1978	1638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1207	TRẦN DUY	PHƯƠNG	13/11/1995	1639/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1208	Trương Thị Huyền	Duyên	14/5/1980	164/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1209	Trần Thị Thúy	Hằng	1981	164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1210	NGÔ CẨM	HƯƠNG	15/12/1982	1640/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1211	TRẦN NGỌC	GIÀU	13/4/1995	1641/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1212	HUỶNH TỐ	MỸ	15/11/1974	1642/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1213	Lê Quang	Tiến	1983	1642/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1214	NGUYỄN THỊ THU	TUYÊN	26/7/1989	1643/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1215	Lê Văn	Tý	1992	1643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1216	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	20/01/1992	1644/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1217	Huỳnh Kim	Tuyển	1965	1644/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1218	ĐẶNG ÁI	THI	09/6/1989	1645/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1219	Trần Vũ	Son	1982	1645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1220	CHÂU HUỶNH THIÊN	THANH	20/11/1989	1646/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1221	DƯƠNG THỊ	HUỆ	08/5/1992	1647/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1222	Nguyễn Hữu	Phúc	1987	1647/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1223	TRẦN THỊ NGỌC	NHUNG	23/12/1990	1648/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1224	Nguyễn Thị	Phi	1969	1648/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1225	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	03/11/1995	1649/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1226	Phạm Thị Thúy	Quỳnh	1991	1649/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1227	Lê Nguyễn Hoàng	Mỹ	22/11/1990	165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1228	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	04/4/1998	1650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1229	Quách Lệ	Mai	1973	1650/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1230	LÊ THỊ HỒNG	NHUNG	19/5/1998	1651/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1231	Nguyễn Kim	Thoa	1969	1651/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1232	BÙI THỊ KIM	ANH	12/8/1997	1652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1233	Trần Ngọc	Tươi	1964	1652/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1234	LÊ THỊ HUỖNH	HOA	15/10/1998	1653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1235	Nguyễn Kim	Hạnh	1980	1653/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1236	NGUYỄN THÚY	ANH	18/5/1992	1654/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1237	ĐOÀN YẾN	VY	09/3/1994	1655/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1238	NGUYỄN THỊ MỸ	LOAN	22/6/1996	1656/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1239	Trần Thị Ngọc	Thùy	1970	1656/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1240	TRẦN TRƯƠNG NGỌC	HÂN	09/4/1995	1657/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1241	TRẦN THẾ	KHA	19/9/1996	1658/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1242	Nguyễn Thị Như	Ý	1981	1658/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1243	Nguyễn Thị Bé	Hận	1981	1659/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1244	Lê Thanh	Lâm	1977	166/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1245	HUỖNH TIẾN	DŨNG	09/4/1989	1660/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1246	Lê Thị Lan	Anh	1972	1660/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1247	NGUYỄN VĂN	TÓI	26/02/1992	1661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1248	Thái Thị	Mai	1989	1661/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1249	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	22/5/1992	1662/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1250	Võ Thúy	Ngọc	1987	1662/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1251	ĐẶNG THỊ HƯƠNG	NHU	01/8/1986	1663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1252	Nguyễn Thanh	Tùng	1969	1663/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1253	TRỊNH QUANG	HUY	13/6/1993	1664/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1254	Bạch Lệ	Dung	1988	1664/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1255	NGUYỄN MỸ	TIÊN	27/8/1995	1665/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1256	Lương Thị Thu	Trang	1988	1665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1257	LÊ THIÊN	NAM	10/7/1995	1666/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1258	Huỳnh Thị	Thùy	1981	1666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1259	HUỖNH NGỌC	HÂN	18/11/1983	1667/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1260	Võ Thị Xuân	Nguyệt	1973	1667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1261	NGUYỄN THỊ KIM	THOÀ	16/3/1974	1668/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1262	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	1992	1668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1263	ĐOÀN NGUYỄN PHƯỚC	TRƯỜNG	01/5/1995	1669/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1264	Nguyễn Thị Hoài	Thu	1993	1669/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1265	Trần Khắc	Huy	05/12/1987	167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1266	Huỳnh Minh	Thiện	1985	167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
1267	ĐẶNG HOÀNG	LINH	17/11/1973	1670/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1268	Phạm Thị Thùy	Trang	1987	1670/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1269	NGUYỄN THỊ MINH	THU	04/12/1998	1671/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1270	Đặng Minh	Thức	1993	1671/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1271	CAO THỊ THU	LOAN	04/11/1992	1672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1272	Trương Thị Thùy	Minh	1993	1672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1273	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	23/5/1998	1673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1274	Hồ Chí	Hiếu	1991	1673/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1275	TRỊNH VĨNH	NGHI	02/9/1984	1674/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1276	Lê Thị Kiều	Oanh	1985	1674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1277	LÊ KHẮC	ĐIỀN	07/3/1997	1675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1278	DƯƠNG TUẤN	ANH	14/3/1983	1676/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1279	Trần Hữu	Hạnh	1971	1676/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1280	PHAN THỊ NGỌC	TRÂM	25/10/1992	1677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1281	Nguyễn Văn Bé	Năm	1980	1677/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1282	NGUYỄN THANH	SON	09/11/1996	1678/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1283	Trần Phước	Lộc	1976	1678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc
1284	PHẠM TRẦN	DƯƠNG	04/6/1995	1679/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1285	Phạm Thị Kim	Phương	30/4/1993	168/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1286	Vưu Văn	Khến	1985	168/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1287	PHAN THỊ ÁNH	ĐÀO	29/4/1983	1680/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1288	ĐẶNG BẢO	CHÂU	05/6/1994	1681/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1289	TRẦN BẢO	SON	10/01/1987	1682/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1290	Tạ Thị Thanh	Hà	1989	1682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1291	ĐẶNG THỊ THU	HỒNG	10/4/1991	1683/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1292	Trần Huyền	Trang	1990	1683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1293	BÙI THANH	THÚY	18/9/1981	1684/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1294	Lê Ngọc	Hoa	1970	1684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1295	PHAN KIM	ÚT	09/01/1972	1685/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1296	ĐÌNH MINH	TUẤN	01/4/1985	1686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1297	Lê Văn	Lợi	1983	1686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1298	THÁI THỊ TRÚC	LAN	20/02/1996	1687/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1299	Đỗ Thành	Phúc	1985	1687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1300	TRƯƠNG THỊ HỒNG	LOAN	21/4/1988	1688/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1301	PHẠM THỊ MỸ	LIÊN	17/12/1992	1689/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1302	Đoàn Lê	Trương	1993	1689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1303	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	27/6/1980	169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1304	Phan Thu	Liễu	1985	169/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1305	BÙI TRẦN HẢI	ĐĂNG	26/10/1996	1690/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1306	NGUYỄN TRẦN NHƯ	QUỲNH	11/01/1998	1692/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1307	ĐOÀN VĂN	HẢI	01/5/1969	1693/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
1308	ĐOÀN TẤN	ĐẠT	08/6/1989	1694/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1309	PHAN NGỌC	NHUNG	04/12/1981	1695/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1310	HỒ THỊ THANH	NHÂN	09/9/1996	1696/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1311	Ngô Thanh	Phong	1987	1696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1312	LÊ NGỌC THIÊN	THANH	01/9/1998	1697/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1313	HUYNH THỊ HUYỀN	TRẦN	10/10/1994	1698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1314	Trần Kim	Loan	1965	1698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1315	Lăng Thị Ngọc	Bích	1986	1699/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1316	Trần Thanh	Phong	01/9/1982	17/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1317	LÊ TRUNG	HẬU	07/3/1988	170/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1318	Nguyễn Thị Quỳnh	Ngọc	1985	170/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1319	HỒ NGỌC TRÚC	LINH	09/5/1985	1700/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1320	Huỳnh Thị Thanh	Lan	1987	1700/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1321	TRẦN THỊ NGỌC	DIỄM	11/9/1998	1701/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1322	Tổng Thị Huỳnh	Hương	1973	1701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1323	LÊ BÉ	LƯỠM	20/9/1990	1702/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1324	Hồ Huỳnh Kim	Dư	1993	1702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1325	NGUYỄN THỊ CẨM	TIÊN	25/8/1995	1703/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1326	Trần Thị Mai	Thảo	1992	1703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1327	NGUYỄN THỊ MỘNG	THÂM	14/10/1998	1704/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1328	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	25/6/1988	1705/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1329	HỨA KIM	CƯỜNG	10/02/1978	1706/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1330	Bùi Thị Kiều	Trang	1993	1706/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1331	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	11/10/1995	1707/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1332	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	16/8/1984	1708/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1333	NGUYỄN THỊ	THÚY	19/01/1989	1709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1334	Trần Thị Thanh	Tuyền	16/3/1975	171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1335	Lê Thị Thanh	Liều	1985	171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1336	NGUYỄN THỊ THÁI	PHƯƠNG	18/3/1981	1710/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1337	Nguyễn Hữu	Thạnh	1991	1710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1338	NGÔ THANH	NHÂN	23/3/1989	1711/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1339	Nguyễn Hữu	Trí	1977	1711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1340	VÕ MẠNH	CUÔNG	01/12/1996	1712/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1341	Đặng Văn	Hường	1966	1712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1342	LÊ TẤN	LỢI	01/7/1993	1713/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1343	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	1976	1713/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1344	LÊ THỊ TỎ	UYÊN	20/12/1993	1714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1345	Lê Hồng	Nhớ	1988	1714/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1346	TRẦN THỊ THANH	TÚ	06/9/1969	1715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1347	Phan Thị Thúy	Ái	1993	1715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1348	TRẦN THỊ NHƯ	PHƯƠNG	22/8/1998	1716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1349	Lê Thanh	Diễm	1988	1716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1350	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	28/5/1977	1717/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1351	VÕ THỊ KIM	HỒNG	25/7/1982	1718/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1352	Trần Minh	Hiền	1991	1718/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1353	LÝ THÀNH	ĐỨC	17/6/1984	1719/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1354	Lê Thị Thu	Hương	1990	1719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1355	Đặng Thanh	Thiện	19/11/1992	172/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1356	BÙI PHI	ĐOÀN	02/10/1996	1720/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1357	Dương Thị Cẩm	Tú	1990	1720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1358	HUỶNH THỊ PHƯƠNG	THẢO	15/5/1994	1721/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1359	Nguyễn Minh	Quân	1991	1721/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1360	VÕ LÊ MINH	NGỌC	13/7/1987	1722/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1361	Nguyễn Huỳnh Trúc	Linh	1992	1722/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1362	PHẠM HOÀNG	NAM	13/4/1986	1723/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1363	Mai Kim	Ngọc	1967	1723/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1364	ĐẶNG THỊ KIM	HÊN	18/10/1994	1724/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1365	Đào Thị Kim	Loan	1969	1724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1366	HÀ THỊ TỎ	QUYÊN	21/01/1998	1725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1367	NGUYỄN VĂN	HÙNG	20/6/1994	1726/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1368	Phạm Phước	Nguyên	1987	1726/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1369	TRẦN LÊ THIÊN	THANH	06/10/1997	1727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1370	Châu Thị Tuyết	Mai	1993	1727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1371	CHÂU THỊ KIM	CHI	01/01/1993	1728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1372	PHẠM KIM	PHỤNG	16/5/1996	1729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1373	Lâm Văn	Tinh	1986	1729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1374	Trần Minh	Thé	22/02/1992	173/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1375	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	14/3/1998	1730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1376	Phạm Thị Bích	Vân	1986	1730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1377	PHẠM HOÀNG	YẾN	16/10/1989	1731/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1378	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	1985	1731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1379	LÝ THỊ THU	HÀ	25/3/1985	1732/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1380	HUỲNH THỊ BÍCH	NGÂN	12/12/1996	1733/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1381	Bùi Thị	Lượng	1991	1733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1382	NGUYỄN THỊ KIM	TUYÊN	01/3/1996	1734/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1383	Nguyễn Văn	Lượng	1983	1734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1384	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	TRUYỀN	03/8/1996	1735/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1385	Võ Văn	Sĩ	1984	1735/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1386	NGUYỄN THỊ VINH	HOA	09/4/1995	1736/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1387	LÊ THỊ TRÀ	MY	20/3/1996	1737/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1388	Bùi Văn	Ca	1969	1737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1389	ĐẶNG THỊ	NGỌC	01/01/1986	1738/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1390	Lê Anh	Kiệt	1983	1738/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1391	LÊ THỊ	YẾU	06/9/1979	1739/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1392	Phạm Thị Diễm	Kiều	1989	1739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1393	TRẦN PHAN THÚY	HUỲNH	23/7/1991	174/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở sản xuất dược liệu; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ thử thuốc trên lâm sàng, thử tương đương sinh học
1394	PHAN THỊ NGỌC	MÚT	25/5/1988	1740/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1395	Bùi Thị Trúc	Linh	1989	1740/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1396	NGUYỄN HOÀNG	NAM	02/8/1990	1741/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1397	Đỗ Thị	Oanh	1979	1741/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1398	NGUYỄN THANH	HÙNG	04/02/1978	1742/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1399	LÊ THỊ THÚY	VÂN	03/9/1990	1743/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1400	PHẠM MINH	HÙNG	21/01/1987	1744/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1401	Văn Thị Ngọc	Thúy	1992	1744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1402	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	01/01/1975	1745/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1403	VÕ HOÀNG CẨM	VĂN	26/5/1988	1746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1404	Trang Bảo	Đặng	1980	1746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1405	LÊ THỊ NGỌC	TUYỀN	08/10/1996	1747/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1406	Nguyễn Thị Minh	Ngọc	1985	1747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1407	LÊ THỊ KIM	YẾN	12/4/1995	1748/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1408	Đình Huỳnh	Cường	1988	1748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1409	NGUYỄN THANH	PHÚC	1976	1749/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1410	Huỳnh Thị Tuyết	Mai	1989	1749/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1411	Văn Võ Hoàng	Phúc	14/7/1992	175/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1412	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	1983	175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1413	TRƯƠNG THỊ CẨM	SUYỀN	1985	1750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1414	NGUYỄN THỊ MỘNG	THẢO	08/02/1992	1751/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1415	NGUYỄN TRỌNG	NHÂN	15/5/1985	1752/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1416	Võ Thị Kim	Trình	1972	1752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1417	TRẦN THỊ NGỌC	MAI	25/9/1993	1753/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1418	Châu Lê Cừ	Nhân	1993	1753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1419	CHUNG THỊ HOÀI	THẢO	02/02/1986	1754/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1420	Lê Trần Anh	Thư	1990	1754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1421	PHẠM MINH	VĂN	13/9/1988	1755/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1422	Nguyễn Thái	Hòa	1988	1755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1423	NGUYỄN PHẠM TẤN	THẠNH	14/11/1993	1756/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1424	Lê Nguyễn Hồng	Tươi	1990	1756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1425	NGUYỄN THÁI NGỌC	TRANG	21/8/1994	1757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1426	Lê Thị Thùy	Ngân	1993	1757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1427	NGUYỄN THỊ LỆ	DUNG	10/5/1987	1758/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1428	Nguyễn Thị Ngọc	Cẩm	1993	1758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1429	PHẠM THỊ HỒNG	DUNG	29/5/1997	1759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1430	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1989	1759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1431	Nguyễn Huỳnh	Long	24/4/1992	176/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1432	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	01/01/1998	1760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1433	Trần Thị Nhật	Vy	1991	1760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1434	HUỶNH THỊ	XIÊM	29/3/1995	1761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1435	Bùi Thị Thu	Thùy	1961	1761/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1436	VÕ MINH	ĐỨC	14/8/1996	1762/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1437	Phạm Thị Kim	Xuyến	1979	1762/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1438	HUỶNH LAN	HƯƠNG	13/8/1996	1763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1439	NGUYỄN TẤN	PHÁT	01/11/1990	1764/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1440	Nguyễn Hữu	Lộc	1990	1764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1441	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	29/11/1997	1765/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1442	HUỶNH MỸ	ANH	18/8/1998	1766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1443	LÊ THỊ CHÂN	CHÂN	16/02/1993	1767/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1444	Huỳnh Minh	Vương	1985	1767/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1445	PHẠM THẢO	QUYÊN	21/9/1995	1768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1446	HÀ THANH	TRỌNG	07/11/1994	1769/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1447	Nguyễn Hoàng	Linh	1974	1769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1448	Ong Thị Tuyết	Ngọc	25/5/1991	177/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1449	Trương Phước	Lộc	1987	177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1450	TẠ NGUYỄN	PHÚC	14/5/1978	1770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1451	Trần Kim	Dung	1987	1770/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1452	TRẦN THỊ THANH	THẢO	15/3/1991	1771/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1453	Trần Hồ Đắc	Linh	1976	1771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1454	BÙI THỊ MỸ	DUYÊN	20/3/1995	1772/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1455	Huỳnh Như	Ý	1990	1772/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1456	HUỶNH TRUNG	HIẾU	16/02/1983	1773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1457	Lê Thị Thúy	Oanh	1989	1773/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1458	NGUYỄN THÀNH	TÂM	20/10/1997	1774/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1459	Nguyễn Thanh	Phương	1989	1774/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1460	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	06/3/1996	1775/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1461	Trương Bích	Nga	1969	1775/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1462	NGUYỄN THỊ THÚY	QUYÊN	1997	1776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1463	Phạm Thị Thanh	Xuân	1984	1776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1464	LÂM THỊ BÉ	XUÂN	19/7/1996	1777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1465	NGUYỄN THANH	LONG	26/7/1996	1778/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1466	Lê Thị Mỹ	Thành	1989	1778/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1467	Nguyễn Quang Xuân	Việt	21/5/1990	178/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1468	Tổng Thị Thanh	Vân	1983	178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1469	TRƯƠNG THANH	TÂM	12/7/1996	1780/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1470	HOÀNG THỊ BẢO	CHÂU	27/8/1988	1781/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1471	Hà Tấn	Lợi	1987	1781/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1472	PHAN KIM	YẾN	22/10/1979	1782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1473	Tăng Văn	Cường	1982	1782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1474	TRẦN THỊ THÙY	VÂN	20/11/1979	1783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1475	NGUYỄN THỊ CẨM	GIANG	11/11/1998	1784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1476	Chung Thị Diễm	Thúy	1978	1784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1477	LÊ THỊ	ĐẦY	1984	1785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1478	TRƯƠNG THỊ THANH	NHÍ	27/11/1994	1786/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1479	Hà Thị Thanh	Nhàn	1989	1786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1480	PHAN VĂN	ĐỨC	12/4/1992	1787/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1481	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1993	1787/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1482	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	15/01/1989	1788/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1483	Trần Trung	Vũ	1991	1788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1484	NGUYỄN THANH	HƯƠNG	12/9/1996	1789/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1485	Võ Kim	Chương	03/7/1967	179/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1486	Nguyễn Thị Kim	Đào	1977	179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1487	LÊ PHAN HIẾU	DUY	30/9/1995	1791/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1488	Nguyễn Thị Huệ	Ngân	1989	1791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1489	TRỊNH THỊ HUỆ	ANH	18/4/1996	1792/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1490	Lê Ánh	Ngọc	1991	1792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1491	PHẠM THỊ CẨM	THU	1996	1793/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1492	Nguyễn Thùy	Nhi	1988	1793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1493	HUỶNH THANH	TRÚC	09/3/1998	1794/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1494	Huỳnh Thị Kiều	Oanh	1991	1794/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1495	TRẦN THỊ NGỌC	NHUNG	17/8/1985	1795/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1496	Phạm Thị	Thùy	1993	1795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1497	TRẦN THỊ MỸ	PHÁP	20/02/1985	1796/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1498	Huỳnh Ngọc	Thanh	1961	1796/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1499	LÊ THỊ MỸ	TRÂN	26/6/1993	1797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1500	NGUYỄN HOÀNG	CÔNG	19/7/1994	1798/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1501	Lưu Kim	Ngân	1991	1798/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1502	NGUYỄN VĂN	CÁNH	27/10/1996	1799/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1503	Nguyễn Thị	Chang	14/7/1990	18/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1504	Đoàn Thị Kim	Thoa	1982	18/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1505	Võ Thị Thảo	Nguyên	26/12/1994	180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1506	VÕ THỊ THU	TRANG	21/11/1988	1800/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1507	Trịnh Thị	Phượng	1970	1800/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1508	VÕ PHI	THIÊN	08/8/1980	1801/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1509	LÂM ĐỨC	TRÍ	02/8/1977	1802/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1510	TRẦN HUỆ	TỊNH	15/11/1985	1803/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1511	Võ Thị Thùy	Linh	1988	1803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1512	HUỶNH THANH	GIANG	14/01/1989	1804/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1513	Phạm Kim	Ngọc	1969	1804/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1514	TRẦN MINH	TRÍ	14/9/1989	1805/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1515	Ngô Hồng	Đào	1967	1805/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1516	NGUYỄN TRỌNG	ƠN	09/3/1994	1806/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1517	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1992	1806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1518	NGUYỄN THÁI	SON	15/9/1994	1807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1519	Lê Thị Thanh	Thùy	1990	1807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1520	NGÔ TRUNG	LỄ	15/8/1996	1808/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1521	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1992	1808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1522	LÊ THỊ THU	CÚC	06/6/1997	1809/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1523	Lê Văn	Toàn	1988	1809/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1524	Phan Thị Kim	Hoàng	26/3/1994	181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1525	Võ Hồng	Hạo	1987	181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1526	NGUYỄN THỊ MỸ	TUYÊN	1996	1810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1527	Tổng Nguyễn Hoa	Trâm	1987	1810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1528	NGUYỄN THỊ THU	HƯỜNG	24/7/1977	1811/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã.
1529	HUỶNH THỊ NHƯ	BÌNH	17/11/1998	1812/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1530	Nguyễn Quốc Duy	Thanh	1988	1812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1531	NGUYỄN QUANG	NHỤT	15/4/1992	1813/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1532	Đoàn Ái	Ngọc	1981	1813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1533	NGUYỄN THANH	MINH	28/7/1994	1814/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1534	TRẦN TRUNG	HIẾU	19/01/1997	1815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1535	Đình Quốc	Hùng	1981	1815/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1536	TRƯƠNG THỊ KIM	DUY	19/11/1996	1816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1537	Nguyễn Huỳnh	Như	1991	1816/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1538	LÊ KIM	THÙY	06/6/1986	1817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1539	Hồ Diễm	Thi	1987	1817/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1540	TRẦN THỊ	KIÊM	19/10/1995	1818/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1541	Huỳnh Thị Bé	Năm	1990	1818/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1542	NGUYỄN THỊ	DUNG	16/02/1973	1819/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1543	Nguyễn Thị	Tám	1980	1819/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1544	NGUYỄN BÁ	TUÂN	10/10/1983	182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1545	Nguyễn Văn	Thắng	1964	182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1546	HỒ THỊ THẢO	QUYÊN	09/11/1998	1820/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1547	THÁI QUANG	VINH	24/5/1985	1821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1548	Nguyễn Hùng	Cường	1989	1821/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1549	NGUYỄN THỊ KIM	HUYỀN	01/01/1992	1822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1550	NGUYỄN NGỌC	VĨNH	06/8/1990	1823/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1551	Trần Phương	Châm	1990	1823/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1552	LA ĐỖ	NGUYỄN	15/12/1994	1824/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1553	NGUYỄN HUỠNH	NHƯ	26/8/1987	1825/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1554	LƯU THÚY	KIỀU	13/3/1986	1826/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1555	Nguyễn Văn	Năm	1969	1826/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1556	VÕ THỊ	NGÂN	13/5/1993	1827/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1557	Trần Văn	Tín	1989	1827/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1558	NGUYỄN QUỐC	HUY	22/5/1986	1828/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1559	Nguyễn Ngọc	Thanh	1993	1828/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1560	HUỶNH THỊ TUYẾT	NHI	19/5/1998	1829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1561	Giang Thị Bạch	Yến	1974	1829/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1562	TRƯƠNG HOÀNG	TÍN	30/6/1994	1830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1563	Nguyễn Tấn	Bằng	1992	1830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1564	ĐẶNG THỊ KIM	TÚ	23/8/1993	1831/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1565	Dương Vĩnh	Bảo	1981	1831/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1566	NGUYỄN HOÀNG	YẾN	03/11/1986	1832/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1567	Nguyễn Thị	Thi	1985	1832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1568	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	25/9/1989	1833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1569	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	05/9/1985	1834/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1570	Lê Thị Kim	Phụng	1983	1834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1571	NGUYỄN QUỐC	TRỌNG	29/11/1992	1835/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1572	Huỳnh Lâm	Giang	1986	1835/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1573	NGUYỄN HỒNG	PHƯỢNG	15/5/1986	1836/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1574	Vũ Tường	Vĩ	1990	1836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1575	TRẦN VĂN	ĐỊNH	07/7/1985	1837/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1576	TRẦN THỊ THÚY	TIÊN	17/12/1989	1838/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1577	Huỳnh Thị Ngọc	Nga	1950	1838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1578	TIÊU HUỖNH	HOA	29/4/1984	1839/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1579	Lê Hồng	Lâm	1967	1839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1580	Lê Thị Phước	Em	13/6/1976	184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1581	Ngô Thị Thanh	Phượng	1981	184/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1582	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	25/11/1986	1840/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1583	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	25/12/1984	1841/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1584	Đào Thị Mỹ	Tiên	1990	1841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1585	NGUYỄN THANH	THẢO	23/9/1995	1842/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1586	Nguyễn Thị	Chên	1992	1842/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1587	LÊ THỊ KIM	NGUYỄN	08/3/1998	1843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1588	Nguyễn Thị Ngọc	Hóa	1992	1843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1589	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	01/02/1993	1844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1590	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1990	1844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1591	NGUYỄN THỊ CHÚC	LY	05/01/1995	1845/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1592	LÝ THỊ NGỌC	THU	06/12/1995	1846/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1593	Đỗ Thị Thanh	Thào	1992	1846/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1594	Trần Thị Yến	Nhi	1986	1847/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1595	NGUYỄN THỊ MỸ	HẰNG	12/6/1994	1848/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1596	PHAN TRƯỜNG TRÚC	AN	23/9/1997	1849/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1597	Trần Thị Mỹ	Hiền	1982	1849/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1598	Trần Thị Ý	Nhi	1993	185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1599	Nguyễn Thị Thu	Thủy	1978	185/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1600	ĐẶNG TIỂU	PHỤNG	10/4/1995	1850/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1601	Lê Thị	Tuyết	1961	1850/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1602	BÙI THỊ KIM	NGÂN	01/5/1997	1851/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1603	HUỲNH THÚY	AN	25/02/1989	1852/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1604	Lê Hữu	Vĩnh	1986	1852/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1605	NGUYỄN THÀNH	ĐƯỢC	01/01/1988	1853/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1606	VÕ THỊ THANH	NGUYỆT	12/12/1979	1854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1607	Mai Thị Mộng	Tuyền	1985	1854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1608	NGÔ VĂN	ÚT	01/10/1981	1855/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1609	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1972	1855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1610	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	09/5/1990	1856/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1611	VÕ THỊ	LIÊN	02/02/1973	1857/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1612	Nguyễn Thị Thu	Hạnh	1991	1857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1613	NGUYỄN TRUNG	NGUYỄN	28/7/1996	1858/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1614	NGUYỄN THỊ HIỆP	NGÂN	03/12/1996	1859/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1615	Nguyễn Văn	Trường	13/6/1994	186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1616	Phạm Thị	Điệp	1979	186/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
1617	NGUYỄN THANH	TRÍ	25/12/1975	1860/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1618	Phan Hoàng	Khánh	1986	1860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1619	TRẦN LÊ THANH	THỦY	11/01/1996	1861/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1620	Phan Thị Kiều	Diễm	1986	1861/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1621	PHAN THỊ CẨM	GIANG	12/01/1996	1862/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1622	Nguyễn Thị Mộng	Hoàng	1987	1862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1623	PHẠM THỊ THÙY	DƯƠNG	14/9/1999	1864/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1624	Nguyễn Thị Yên	Hà	1966	1864/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1625	Châu Thị Thùy	Linh	1990	1865/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1626	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐIỆP	17/9/1996	1866/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1627	Nguyễn Chí	Hiếu	1981	1866/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1628	VÕ THỦY	TIẾN	09/5/1994	1867/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1629	Nguyễn Thị	Luyến	1970	1867/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1630	HUỲNH THÁI	QUANG	30/9/1995	1868/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1631	Đặng Thị Thanh	Hằng	1984	1868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1632	LÊ THỊ THANH	TRÚC	1983	1869/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1633	Bùi Thị Thúy	Hằng	28/01/1982	187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1634	NGUYỄN THỊ KIM	KHA	03/01/1978	1870/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1635	Lê Minh	Kha	1970	1870/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1636	PHẠM NGUYỄN LINH	KHA	08/3/1994	1871/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1637	NGUYỄN THỊ CẨM	HƯỚNG	05/6/1989	1872/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1638	Ngô Hồng	Phuong	1983	1872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1639	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	14/8/1993	1873/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1640	LÊ THỊ	OANH	23/10/1996	1874/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1641	Phạm Thị Hoàng	Anh	1986	1874/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1642	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	02/10/1991	1875/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1643	NGUYỄN LÊ TRUNG	NHÂN	18/5/1996	1876/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1644	Nguyễn Duy	Thanh	1983	1876/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1645	HỒ NGUYỄN NGỌC	MÃN	12/3/1989	1877/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1646	Nguyễn Văn	Nhật	1982	1877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1647	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỄM	24/10/1995	1878/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1648	Lê Vũ Thúy	Anh	1988	1878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1649	LÊ HỒNG	THẨM	16/6/1992	1879/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1650	Đình Thị Bé	Gái	1981	1879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1651	Trần Mộng	Linh	22/11/1994	188/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1652	Nguyễn Thị	Phuong	1965	188/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1653	NGÔ TRẦN HOÀI	THU	18/7/1982	1880/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1654	Lê Thị Hoài	Thu	1992	1880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1655	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỆT	26/12/1996	1881/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1656	LÊ THỊ	HẠNH	15/5/1991	1882/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1657	Trần Thị Bạch	Yến	1963	1882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1658	LÊ THỊ KIM	THOÀ	05/01/1988	1883/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc.
1659	Nông Thị Anh	Thư	1976	1883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1660	HUỲNH HÀ BẢO	LONG	27/5/1978	1884/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1661	Nông Thành	Thạo	1973	1884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1662	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	13/10/1983	1885/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1663	Lê Tuấn	Khang	1992	1885/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1664	VÕ VĂN	THANH	28/8/1983	1886/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Nhà thuốc.
1665	NGUYỄN NGỌC	QUYÊN	24/8/1982	1887/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1666	Nguyễn Thị Thu	Đông	1979	1887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1667	CAO NGUYỄN MỘNG	HUỲNH	03/6/1997	1888/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1668	Huỳnh Thị	Thúy	1984	1888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1669	LÊ PHÁT	KHÁNH	01/01/1995	1889/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1670	Trần Thị Mỹ	Nhung	1983	1889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1671	Trang Thị Mỹ	Hạnh	25/6/1993	189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1672	Nguyễn Văn	Phi	1985	189/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1673	NGUYỄN THỊ THU	XUÂN	17/10/1996	1890/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1674	Đỗ Quang	Thái	1985	1890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
1675	NGUYỄN MINH	HIẾU	17/11/1982	1891/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1676	Võ Đỗ Thanh	Hằng	1985	1891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1677	NGÔ THỊ TUYẾT	MINH	04/01/1989	1892/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1678	Trần Nguyễn Thùy	Dương	1985	1892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1679	PHAN THỊ THÚY	TIỀN	25/9/1996	1893/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1680	Nguyễn Phước	Thuận	1982	1893/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1681	LÊ VĂN	ÂU	12/12/1983	1894/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1682	Nguyễn Thành	Phú	1977	1894/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1683	NGUYỄN THỊ THÚY	TRÂM	22/7/1992	1895/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
1684	Nguyễn Thị	Quyên	1987	1895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1685	TRẦN KIM	HỒNG	03/8/1996	1896/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1686	HỒ TUYẾT	HOA	16/11/1995	1897/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1687	Nguyễn Phạm Kim	Chi	1988	1897/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1688	NGUYỄN HUỶNH MINH	THÚ	28/02/1993	1898/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1689	Trần Thị Ánh	Lan	1964	1898/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1690	TRẦN THỊ MINH THIÊN	ANH	13/6/1993	1899/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1691	Phan Thị Hồng	Soạn	1986	1899/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1692	Nguyễn Thị	Ngọc	16/6/1981	19/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1693	Nguyễn Thị Cẩm	Huệ	1984	19/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1694	Nguyễn Thị	Chính	1970	190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1695	Lê Thị Hồng	Thoại	1966	190/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1696	VÕ NGỌC XUÂN	THẢO	27/5/1982	1900/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1697	Nguyễn Hoàng	Vũ	1990	1900/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1698	NGUYỄN VĂN	BẰNG	01/01/1992	1901/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1699	Nguyễn Thị Huyền	Trang	1990	1901/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1700	MAI THỊ ÁI	NHÂN	08/7/1996	1902/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1701	Lâm	Quang	1979	1902/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1702	TRẦN THANH	NGHỊ	30/7/1998	1903/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1703	Hà Thị Thu	Hà	1991	1903/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1704	TRẦN THỊ ÁNH	NHƯ	12/7/1989	1904/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1705	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	01/5/1988	1905/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1706	Võ Thị Kiều	Oanh	1989	1905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1707	LÊ THỊ PHƯƠNG	DUNG	17/7/1990	1906/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1708	Huỳnh Thị Ngọc	Trinh	1982	1906/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1709	NGUYỄN HỒNG	AN	02/9/1989	1907/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
1710	Châu Quốc	Dũng	1985	1907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1711	HUỲNH VĂN	HÒA	24/9/1998	1908/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1712	Phạm Anh	Tâm	1992	1908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1713	NGUYỄN THỊ HUỲNH	NHƯ	19/12/1998	1909/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1714	Nguyễn Thùy	Oanh	1981	1909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1715	Lý Thanh	Thúy	1973	191/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1716	ĐẶNG THỊ THANH	TÂM	12/4/1995	1910/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1717	PHAN THỊ THÚY	KIỀU	09/10/1987	1911/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1718	Lê Thị Thanh	Nga	1985	1911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1719	VÕ THỊ THỂ	VÂN	01/01/1993	1912/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1720	BÙI THỊ THANH	NHÂN	12/10/1994	1913/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1721	Lê Trường	Hải	1985	1913/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1722	MAI HOÀNG	DUY	06/6/1988	1914/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1723	NGUYỄN THỊ NGỌC	TÚ	01/01/1988	1915/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1724	HÀ THỊ THANH TÚ	TRINH	30/5/1996	1916/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1725	Lê Thị Tuyết	Mai	1980	1916/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1726	NGUYỄN HỮU	THUẬN	21/8/1998	1917/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1727	Liêu Thanh	Lộc	1991	1917/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1728	LƯU HOÀNG PHỤNG	TRÂM	30/4/1996	1918/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1729	Bùi Thị Thúy	Oanh	1987	1918/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1730	LÊ THỊ NGỌC	THẠCH	09/10/1998	1919/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1731	Nguyễn Tiến	Đông	24/6/1989	192/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1732	Trần Thị	Hòa	1965	192/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1733	NGUYỄN THỊ	SẬY	20/6/1991	1920/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1734	Nguyễn Thành	Trung	1987	1920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1735	TRẦN HẢI	ĐẶNG	11/02/1995	1921/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1736	VÕ THỊ TUYẾT	HẠNH	18/5/1977	1922/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1737	Lê Thị Hữu	Hiếu	1980	1922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1738	TRẦN VĂN	TÂM	02/10/1982	1923/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1739	Choa Thị	Kim	1987	1923/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1740	NGUYỄN VIÊN	MINH	12/6/1986	1924/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1741	Trần Diễm	Phúc	1988	1924/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1742	BÙI THỊ THẢO	NGUYỄN	16/10/1998	1925/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1743	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAN	25/10/1987	1926/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1744	NGUYỄN HẠNH	CHUYÊN	10/6/1992	1927/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1745	Trần Cơ	Thịnh	1986	1927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1746	LÊ PHƯƠNG NGÂN	LAM	18/11/1997	1928/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1747	Phan Thị Thanh	Hương	1981	1928/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1748	TRẦN THỊ DIỄM	MY	03/8/1998	1929/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1749	Thái Thành	Chung	1979	1929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1750	Nguyễn Phạm Thị Kim	Loan	10/7/1992	193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1751	Nhị Thị Kim	Cương	1965	193/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1752	LÊ PHƯƠNG	UYÊN	26/9/1997	1930/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1753	Đình Thị Hồng	Thanh	1983	1930/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1754	ĐẶNG THỊ XUÂN	HƯƠNG	08/01/1990	1931/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1755	Nguyễn Thị Bích	Kiểu	1984	1931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1756	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	20/12/1991	1932/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1757	Trần Trung	Tính	1982	1932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1758	NGUYỄN THỊ HUỶNH	HOA	27/02/1993	1933/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1759	Dương Thị	Loan	1984	1933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1760	VÕ THANH	NHỤT	24/01/1986	1934/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1761	Nguyễn Đức Lan	Anh	1987	1934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1762	NGUYỄN THỊ THU	NGỌC	15/12/1994	1935/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1763	NGUYỄN THỊ KIM	TRANG	06/3/1997	1936/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1764	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1990	1936/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1765	TRẦN KIỀU	NGA	10/4/1984	1937/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1766	Trương Kiều Diễm	Thúy	1990	1937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1767	CHÈ NGUYỄN ĐOAN	TRANG	20/02/1992	1938/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1768	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1990	1938/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1769	NGUYỄN TẤN	TẶNG	06/6/1987	1939/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1770	Trần Đình Nguyên	Quân	1982	1939/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1771	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	02/5/1985	194/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1772	Trần Thị	Nhìn	1968	194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1773	TRẦN THANH	THIỆN	13/7/1999	1940/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1774	Lâm Minh	Triết	1990	1940/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1775	HUỶNH THỊ CẨM	TÚ	22/9/1998	1941/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1776	Ngô Văn	Tý	1985	1941/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1777	TRẦN THỊ DIỄM	MI	27/7/1990	1942/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1778	Đỗ Trọng Mạnh	Khương	1972	1942/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1779	NGUYỄN NGỌC	HÀ	16/3/1991	1943/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1780	Ngô Thụy Cẩm	Thy	1992	1943/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1781	TRƯƠNG THỊ NGỌC	NỮ	15/8/1992	1944/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1782	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1986	1944/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1783	LÊ THỊ THẢO	QUYÊN	27/8/1992	1945/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1784	Trần Thị Mỹ	Hằng	1992	1945/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1785	TRẦN THỊ THU	TRANG	24/11/1983	1946/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1786	Nguyễn Văn	Thái	1983	1946/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1787	NGUYỄN TÙNG	DUÔNG	12/9/1988	1947/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1788	Huỳnh Thị Mỹ	Dung	1980	1947/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1789	HUỶNH BẢO	QUỐC	01/01/1985	1948/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1790	Nguyễn Thành	Kính	1986	1948/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1791	LÊ NGUYỄN THANH	HÁI	15/10/1986	1949/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1792	Võ Thị	Diễm	1988	1949/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1793	Hà Văn	Huệ	18/9/1989	195/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1794	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	1990	195/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1795	LÊ THỊ MINH	TÂM	30/5/1988	1950/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1796	Nguyễn Quốc	Hậu	1976	1950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1797	Nguyễn Thị	Chinh	1985	1951/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1798	NGUYỄN THỊ HỒNG	LOAN	21/5/1993	1952/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1799	LA TẤN	DŨNG	06/3/1973	1953/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1800	Nguyễn Trung	Tín	1984	1953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1801	NGUYỄN THỊ MỸ	TIỀN	04/4/1984	1954/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1802	Trần My	Senl	1989	1954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1803	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	16/4/1986	1955/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1804	Huỳnh Ngọc	Lợi	1986	1955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1805	PHAN THỊ THÙY	DƯƠNG	28/3/1984	1956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1806	Nguyễn Văn	Cư	1983	1956/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1807	TRƯỜNG THỊ BÍCH	LIÊU	22/6/1984	1957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1808	HUỶNH ĐĂNG	KHOA	02/3/1990	1958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1809	NGUYỄN THỊ	BÍCH	26/10/1969	1959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1810	Huỳnh Thị Anh	Thư	1992	1959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1811	Trương Thị Hồng	Nhung	08/5/1992	196/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1812	HUỶNH THỊ NGỌC	TRÂN	12/9/1999	1960/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1813	Nguyễn Thanh	Tuấn	1985	1960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1814	TƯỜNG THỊ	THƯƠNG	15/11/1985	1961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1815	Lê Thị Phương	Liên	1989	1961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1816	NGUYỄN THỊ	NẾT	07/12/1959	1962/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1817	LÊ HẠ	VY	03/8/1997	1963/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1818	Nguyễn Thị Kim	Duyên	1985	1963/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1819	TRẦN THUY THẢO	UYÊN	15/8/1982	1964/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1820	NGUYỄN THANH HOA	TRÚC	06/6/1992	1965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1821	Trần Thị Tuyết	Nhung	1987	1965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1822	NGUYỄN TRÍ	ĐỨC	15/4/1997	1966/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1823	Phạm Thị Thúy	Hồng	1980	1966/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1824	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	15/4/1995	1967/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1825	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1989	1967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1826	VÕ THỊ THU	HƯƠNG	29/5/1998	1968/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1827	Lê Thị Ánh	Ngọc	1988	1968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1828	BÙI THỊ HỒNG	QUYÊN	08/4/1994	1969/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1829	Trần Thanh	Điện	29/6/1993	197/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1830	HUỶNH NHƯ	THẢO	19/3/1996	1970/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1831	VÕ THỊ THÙY	TRANG	26/3/1993	1971/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1832	PHAN THỊ THANH	TÂM	20/02/1991	1972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1833	Nguyễn Thị Như	Cúc	1976	1972/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1834	NGUYỄN MINH	ĐỨC	30/6/1996	1973/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1835	Hồ Minh	Bừu	1980	1973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1836	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	21/5/1982	1974/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1837	Trần Hồng	Châu	1988	1974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1838	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	24/02/1998	1975/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1839	Nguyễn Thị Kim	Hồng	1988	1975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1840	NGUYỄN QUỐC	TOÀN	15/9/1986	1976/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1841	NGUYỄN ANH	THƯƠNG	10/8/1996	1977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1842	Lê Thị Trút	Linh	1988	1977/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1843	NGUYỄN DIỆU	LINH	1980	1978/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1844	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	15/5/1995	1979/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1845	Võ Thụy	Vy	1987	1979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1846	Nguyễn Văn	Quý	1986	198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1847	ĐẶNG CHÍ	AN	06/9/1990	1980/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1848	TRANG NGUYỄN THU	HIỀN	22/6/1987	1981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1849	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	1985	1981/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1850	PHẠM HÙNG	CUÔNG	16/8/1997	1982/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1851	TRẦN HUỖNH GIA	THỊNH	07/6/1995	1983/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
1852	HÀ VĂN	PHƯỚC	12/11/1998	1984/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1853	Võ Kim	Chi	1968	1984/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1854	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	01/6/1996	1985/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1855	Lương Thị Thu	Hương	1979	1985/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1856	LÊ THỊ NGỌC	LY	18/11/1988	1986/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1857	NGUYỄN XINH	NGUYỄN	07/7/1980	1987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1858	Hứa Thị Cẩm	Hồng	1984	1987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1859	LÊ THỊ MAI	THẢO	04/11/1986	1988/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1860	Nguyễn Văn	Hoàng	1978	1988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1861	HỒ THỊ THANH	THÚY	17/3/1987	1989/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1862	Đặng Kim	Bình	1987	1989/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1863	Nguyễn Trường Giang	Nam	1986	199/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1864	NGUYỄN THỊ BÉ	HIỀN	10/02/1984	1990/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1865	Lê Minh	Đường	1990	1990/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1866	BÙI HẢI	YẾN	29/5/1982	1991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1867	Trần Thị Bảo	Thúy	1984	1991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1868	ĐỖ HOÀNG	NAM	14/9/1986	1992/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1869	Nguyễn Thị	Ngọc	1987	1992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1870	TRẦN QUỲNH	TRÂM	07/11/1994	1993/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1871	Hứa Thị Bích	Phượng	1990	1993/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1872	HUỲNH THỊ THÚY	AN	29/11/1992	1994/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1873	Mohamách	Sukri	1984	1994/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1874	NGUYỄN THỊ	ĐẸP	04/12/1969	1995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1875	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	20/02/1994	1996/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1876	Ngô Thị Thùy	Trang	1994	1996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1877	TRẦN THỊ THẠCH	THẢO	16/7/1995	1997/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1878	Trần Thanh	Phong	1989	1997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1879	NGUYỄN NGỌC	MỸ	15/9/1993	1998/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1880	Trương Ngọc	Điện	1965	1998/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1881	TRẦN MINH	THÙY	25/11/1989	1999/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1882	Nguyễn Tiến	Thắng	1990	1999/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1883	Lê Thị Mỹ	Dung	07/10/1989	20/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1884	Ngô Văn	Thuận	1978	20/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1885	Trần Ngọc	Chơn	22/4/1985	200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1886	Trần Kinh	Kha	1962	200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1887	NGUYỄN THỊ MỘNG	TIỀN	20/02/1981	2000/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1888	ĐÌNH MINH	THÀNH	26/10/1989	2001/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1889	Nguyễn Thị Thùy	Mai	1966	2001/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1890	VÕ THỊ	HUỲNG	10/12/1984	2002/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1891	PHẠM THỊ TRÀ	MY	30/4/1989	2003/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1892	HUỲNH NGỌC	Ý	19/3/1992	2004/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1893	Nguyễn Bảo	Trần	1994	2004/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1894	NGUYỄN THỊ OANH	YẾN	15/01/1982	2005/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1895	LÊ VĂN SÔ	NY	12/6/1985	2006/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1896	LÂM THỊ NGỌC	BÍCH	23/5/1981	2007/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1897	Lương Thị Cẩm	Hằng	1990	2007/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1898	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	15/7/1985	2008/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1899	LÊ THỊ DIỆU	HỒI	17/5/1985	2009/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1900	Lê Thị Tố	Loan	1982	2009/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1901	Nguyễn Thị Kim	Ngân	05/01/1988	201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
1902	Thái Hoàng	Diễn	1985	201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1903	HUỲNH NGỌC	LINH	24/3/1975	2010/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1904	Phạm Kim	Crung	1992	2010/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1905	NGUYỄN MINH	TÂM	28/12/1984	2011/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1906	VÕ NGUYỄN QUỐC	CHÁNH	14/10/1996	2012/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1907	ĐẶNG THỊ KIM	OANH	22/8/1997	2013/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1908	Đỗ Thủy	Tiên	1966	2013/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1909	TRẦN THANH	PHONG	27/02/1973	2014/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1910	Bùi Thị Bích	Ngọc	1984	2014/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1911	LA TÂN	MỸ	19/6/1968	2015/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1912	Trương Thanh	Tuyền	1985	2015/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1913	NGUYỄN THỊ NGOC	GIÀU	02/9/1990	2016/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1914	Nguyễn Minh	Thuận	1989	2016/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1915	NGUYỄN THỊ KIM	HẬU	20/5/1988	2017/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1916	Võ Trường	Son	1990	2017/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1917	LÊ THỊ HỒNG	ĐIỀU	25/10/1983	2018/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1918	Võ Thị Ngọc	Minh	1986	2018/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
1919	ĐOÀN THỊ MỸ	HẠNH	25/10/1984	2019/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1920	Nguyễn Sinh	Trường	1984	2019/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1921	NGUYỄN BÍCH	THỦY	25/8/1988	2020/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1922	Võ Phạm	Hào	1982	2020/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1923	HỒ HUỶNH	HẠNH	05/01/1984	2021/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1924	TRẦN CAM	BENL	15/7/1986	2022/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
1925	Nguyễn Thanh	Tú	1980	2022/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1926	HỒ THỊ NGỌC	QUÍ	25/11/1988	2023/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1927	NGUYỄN THANH	TÂM	27/9/1989	2024/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1928	Huỳnh Thị Cẩm	Trinh	1989	2024/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1929	PHAN NHỰT	NGUYỄN	01/01/1986	2025/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1930	Trần Thanh	Phong	1985	2025/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1931	NGUYỄN HOÀNG	MINH	14/8/1986	2026/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1932	Nguyễn Thị	Thào	1991	2026/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1933	NGUYỄN NGỌC THỦY	DƯƠNG	19/01/1995	2027/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1934	PHAN BẢO	TOÀN	15/4/1986	2028/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1935	Trần Bảo	Long	1977	2028/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1936	LÊ THỊ TUYẾT	NHI	14/01/1997	2029/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1937	Phan Thị Diễm	My	1993	2029/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1938	Trần Kim	Mai	02/3/1970	203/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
1939	Lê Thị	Nữ	1985	203/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1940	DƯƠNG THANH	HẢI	10/10/1991	2030/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1941	Bùi Văn	Trường	1987	2030/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1942	PHẠM THỊ CẨM	TIÊN	28/3/1996	2031/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1943	MAI THỊ LAN	HƯƠNG	05/7/1999	2032/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1944	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1983	2032/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1945	NGUYỄN NGỌC TRẦN	TRẦN	05/5/1992	2033/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1946	ĐẶNG VĂN	AN	10/3/1994	2034/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1947	Nguyễn Thị Việt	Trinh	1992	2034/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1948	CHÂU NGỌC	GIÀU	25/3/1985	2035/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1949	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	1994	2035/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1950	NGUYỄN NGỌC	TUYỀN	25/10/1985	2036/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1951	Lê Hồng	Chiêu	1979	2036/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1952	VÕ THỊ KIM	THANH	04/5/1998	2037/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1953	Hồ Nhật	Sang	1991	2037/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1954	LÊ NGỌC THANH	TÚ	01/01/1986	2038/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1955	Trần Thị Lệ	Nguyễn	1985	2038/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1956	NGUYỄN THỊ MỸ	TIÊN	02/10/1993	2039/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1957	Nguyễn Văn	Phong	06/6/1983	204/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc
1958	Đỗ Thị Thanh	Vân	1964	204/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1959	NGUYỄN THỊ TUYẾT	LOAN	30/5/1979	2040/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1960	Nguyễn Xuân	Nhật	1987	2040/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1961	LAI THỊ DIỄM	EM	07/9/1990	2041/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1962	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1984	2041/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1963	BÙI CẨM HẢI	THƯỜNG	13/11/1981	2042/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1964	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	09/11/1978	2043/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1965	Nguyễn Ngọc	Minh	1994	2043/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1966	NGUYỄN THỊ	TÍNH	01/01/1983	2044/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1967	TẶNG TRUYỀN	THỐNG	28/12/1996	2045/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1968	PHAN XUÂN	NHI	10/3/1996	2046/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1969	Nguyễn Ngọc	Thảo	1988	2046/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1970	HÀ HUY	DŨNG	09/10/1967	2047/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
1971	NGÔ THỊ TÚ	TRINH	26/4/1999	2048/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1972	Châu Hoàng	Chương	1966	2048/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1973	LAI NGUYỄN THÙY	LINH	07/5/1990	2049/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1974	Nguyễn Thị Thiên	Thanh	1993	2049/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1975	Đoàn Thị Diễm	Thúy	1972	205/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1976	TRƯƠNG LONG	HẬU	01/01/1999	2050/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1977	Lê Nguyễn Thùy	Linh	1991	2050/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1978	NGUYỄN BẢO	CHÂU	09/10/1992	2051/CCHN-D- SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1979	Phạm Thị Hồng	Phấn	1988	2051/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1980	HUỖNH NGUYỄN ĐỨC	NGHIỆP	02/12/1978	2052/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1981	Nguyễn Hùng	Vĩ	1988	2052/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1982	LÊ THỊ MAI	HƯƠNG	26/10/1998	2053/CCHN-D- SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
1983	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	1993	2053/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1984	NGÔ THỊ	NHUNG	30/9/1980	2054/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1985	Dương Minh	Phước	1989	2054/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1986	NGUYỄN THỊ THÚY	NHI	20/02/1990	2055/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1987	Nguyễn Ngọc	Trâm	1993	2055/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1988	DƯƠNG BẢO	NGHI	25/8/1997	2056/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1989	Trần Thị	Thùy	1980	2056/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1990	LÊ TIÊU	THÚY	05/02/1996	2057/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
1991	Nguyễn Trọng	Khanh	1991	2057/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1992	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	01/02/1998	2058/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1993	Nguyễn Thị Thu	Hiền	1988	2058/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1994	TRỊNH THỊ BỘI	TUYỀN	13/10/1999	2059/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1995	Phan Hoàng	Anh	1984	2059/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
1996	Lê Hoàng	Huy	1983	206/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1997	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRINH	27/3/1985	2060/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
1998	Nguyễn Thị Mỹ	Thi	1992	2060/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
1999	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIỀN	15/8/1984	2061/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2000	Nguyễn Văn	Thức	1990	2061/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2001	VÕ LƯU NHẬT	TRỌNG	23/11/1985	2062/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2002	Huỳnh Thị Trúc	Linh	1984	2062/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2003	LƯƠNG MỸ	TRINH	29/5/1985	2063/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2004	Trần Xuân	Thảo	1985	2063/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2005	TRẦN HUỶNH MINH	CHÂU	16/4/1984	2064/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2006	Trần Minh	Luân	1986	2064/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2007	LÊ THỊ THÚY	AN	26/8/1995	2065/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2008	Nguyễn Thị Ánh	Linh	1993	2065/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2009	ĐỖ PHÁT	TÀI	24/10/1994	2066/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2010	Huỳnh Ngọc	Lan	1982	2066/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2011	HUỶNH THỊ KIM	ANH	05/01/1997	2067/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2012	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1988	2067/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2013	VÕ NGỌC	HÂN	01/01/1997	2068/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2014	Võ Hồng	Vũ	1991	2068/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2015	PHAN NGỌC	XUÂN	14/02/1995	2069/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2016	Nguyễn Thị	Bé	1960	2069/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2017	LÂM THỊ KIM	CƯỜNG	01/01/1992	207/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
2018	Nguyễn Trung	Hiếu	1988	207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2019	NGUYỄN THỊ CẨM	HỒNG	01/8/1999	2070/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2020	ĐẶNG THỊ MỸ	DUYÊN	06/3/1986	2071/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2021	Nguyễn Thị	Thảo	1993	2071/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2022	TRẦN TUẤN	AN	02/7/1989	2072/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2023	Phước Thị Thúy	An	1987	2072/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2024	HỒ QUỐC	HUY	06/6/1987	2073/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2025	Đinh Thị Phương	Thảo	1975	2073/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2026	LÊ THỊ TRÚC	LINH	21/11/1997	2074/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2027	Trần Trung	Tín	1988	2074/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2028	ĐÀO THỊ	HUỆ	20/3/1999	2075/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2029	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	1988	2075/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2030	HỒ THỊ CẨM	TÚ	20/11/1983	2076/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2031	Đỗ	Quyên	1993	2076/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2032	HỒ KIM	NGÂN	07/5/1994	2077/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2033	Võ Chế	Linh	1975	2077/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2034	NGUYỄN THỊ HUỶNH	LÊ	23/9/1997	2078/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2035	Cao Kim	Dự	1993	2078/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2036	NGUYỄN KHOA	NAM	17/5/1998	2079/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2037	Nguyễn Thành	Nhân	1991	2079/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2038	Lê Thị Trường	Vi	15/3/1992	208/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2039	BÙI THỊ THÚY	LOAN	12/11/1977	2080/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2040	Dương Thị Bé	Hai	1991	2080/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2041	NGUYỄN NGỌC KIỀU	DIỄM	18/6/1999	2081/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2042	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1991	2081/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2043	ĐỖ HOÀNG	HUY	01/12/2000	2082/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2044	Nguyễn Thị Thanh	Thuyền	1987	2082/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2045	HUỶNH VÕ YẾN	NHI	01/10/1996	2083/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2046	PHÙNG PHƯƠNG	ĐÀO	02/8/1996	2084/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2047	Lê Thị Kim	Cúc	1985	2084/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2048	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	12/9/1996	2085/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2049	Trần Minh	Hùng	1972	2085/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2050	PHẠM TUẤN	THIỆN	30/3/1985	2086/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2051	Mai Thị Hồng	Phương	1989	2086/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2052	NGUYỄN KIM	HỒNG	25/12/1971	2087/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2053	NGUYỄN HÌNH MINH	TÂM	10/11/1990	2088/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2054	Nguyễn Thành	Tiếng	1983	2088/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2055	NGUYỄN VĂN	PHO	21/6/1983	2089/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2056	Bùi Thị Kim	Ngọc	1992	2089/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2057	NGUYỄN THỊ	HÒE	04/12/1988	2090/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2058	NGUYỄN THỊ THẢO	TRANG	12/5/1997	2091/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2059	LÊ NGUYỄN THỊ TRANG	DIỄM	25/9/1987	2092/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2060	Nguyễn Hồng	Tiếp	1969	2092/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2061	BÙI THỊ HUYỀN	TRÂN	10/5/1997	2093/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2062	Võ Thị	Xoan	1990	2093/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2063	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	15/4/1982	2094/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2064	Trần Hạ	Quyên	1984	2094/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2065	BÙI THỊ THU	TRANG	01/01/1986	2095/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2066	Ngô Thị Ngọc	Hương	1959	2095/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2067	HUỶNH HOA NHẤT	HẠNH	09/10/1985	2096/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2068	LÊ THỊ BÍCH	CHI	27/10/1984	2097/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2069	Nguyễn Thành	Quốc	1983	2097/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2070	TRẦN THỊ	PHỔ	20/7/1984	2098/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2071	Quách Kiên	Lực	1974	2098/ĐT-CCHND	Hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể buôn bán dược liệu, thuốc đông y, thuốc từ dược liệu; Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2072	NGUYỄN MINH	THIỆN	07/01/1986	2099/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2073	Trần Thị Kim	Cúc	1992	2099/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2074	Đình Trần Duy	Tuyển	26/12/1990	21/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2075	Trần Thị Kiều	Oanh	1986	21/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2076	Đặng Thị Kim	Linh	09/10/1994	210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2077	ĐÌNH THỊ	MAI	12/6/1994	2100/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2078	Trần Tấn	Hiệp	1992	2100/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2079	NGUYỄN THU	THẢO	03/7/1987	2101/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2080	Đình Thị	Dịu	1992	2101/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2081	NGUYỄN HUỶNH THU	SƯƠNG	29/12/1997	2102/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2082	Lê Thị Bạch	Tuyết	1983	2102/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2083	NGUYỄN THỊ QUÊ	ANH	23/7/1999	2103/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2084	BẠCH THỊ CẨM	TIÊN	12/6/1999	2104/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2085	Tổng Thị Thúy	Diện	1985	2104/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2086	HỒ PHẠM KIM	ANH	19/2/1999	2105/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2087	LÊ ĐỖ XUÂN	QUYÊN	03/10/1996	2106/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2088	NGUYỄN THỊ KIM	NHƯ	30/7/1991	2107/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2089	TRANG THANH	HUY	24/12/1997	2108/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2090	TRẦN THỊ KIM	THÙY	22/02/1992	2109/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2091	Dương Thị Mỹ	Linh	1984	2109/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2092	Huỳnh Tấn	Hữu	27/8/1982	211/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2093	NGUYỄN KIM	THÚY	24/12/1967	2110/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
2094	Dương Văn	Dân	1983	2110/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2095	TIÊU THỊ THU	XUÂN	19/01/1994	2111/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2096	Phan Ngọc	Tối	1987	2111/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2097	VĂN THỊ NGỌC	HUYỀN	22/5/1995	2112/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2098	Nguyễn Thị Diệu	Thư	1989	2112/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2099	TRỊNH MŨI	KEO	23/4/1989	2113/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2100	Phạm Hoàng	Nam	1986	2113/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2101	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐIỆP	28/01/1995	2114/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2102	TRẦN THỊ HỒNG	GÁM	20/7/1993	2115/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2103	Phan Thị Thanh	Kiều	1967	2115/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2104	TRẦN HOÀNG	HUY	23/12/1999	2116/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2105	Tô Thanh	Hiếu	1975	2116/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2106	PHẠM THỊ THÚY	LIÊN	19/8/1993	2117/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2107	Võ Thị Châu	Pha	1990	2117/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2108	LÊ MINH	MÃN	18/10/1974	2118/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2109	Nguyễn Thị Lan	Hương	1983	2118/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2110	BÙI THỊ THÚY	HẰNG	06/02/1994	2119/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2111	Đặng Nhật	Tâm	1986	2119/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2112	BÙI THỊ CẨM	VÂN	24/10/1987	212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2113	ĐỖ THỊ THÙY	DƯƠNG	02/8/1982	2120/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2114	ĐÀO DUY	KHÁNH	06/4/1989	2121/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2115	Lê Thị Mai	Trình	1986	2121/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2116	HÀ VĂN	QUỐC	09/3/1995	2122/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2117	Bùi Thị Thùy	Dương	1990	2122/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2118	NGUYỄN THỊ TỐ	TRINH	19/10/1996	2123/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2119	Lê Minh	Quang	1989	2123/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2120	Bùi Thị Bé	Tuyền	1988	2124/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2121	LÊ HỮU	PHƯỚC	09/12/1972	2125/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2122	Lê Văn	Mau	1985	2125/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2123	LÊ MINH	NHI	27/10/1985	2126/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2124	Lâm Thị Hồng	Vân	1984	2126/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2125	NGUYỄN QUANG	THỐI	11/02/1982	2127/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2126	Phan Thị Thùy	Trang	1985	2127/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2127	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	06/3/1995	2128/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2128	Mai Ngọc	Cơ	1962	2128/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2129	BÙI THỊ NGỌC	MAI	07/6/1995	2129/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2130	Choa Thị	Khên	1985	2129/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2131	Lê Kim	Anh	15/12/1966	213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2132	Bùi Thúy	Loan	1984	213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2133	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/10/1981	2130/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2134	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	11/6/1998	2131/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2135	Nguyễn Quế	Phương	1965	2131/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2136	LÊ TRỌNG	NGHĨA	30/10/1970	2132/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
2137	Nguyễn Thế	Thiết	1993	2132/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2138	NGUYỄN BẠCH THANH	TRÚC	30/6/1985	2133/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2139	Thái Thị Ngọc	Bích	1994	2133/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2140	HUỶNH HỒNG	HẢO	17/5/1985	2134/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2141	Nguyễn Thị	Thái	1985	2134/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2142	VÕ KHẮC	DUY	02/02/1982	2135/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2143	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	1984	2135/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2144	VY THỊ THANH	THẢO	20/3/1995	2136/CCHN-D- SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2145	Hồ Văn	Nghề	1964	2136/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2146	NGUYỄN THỊ BÉ	THO	01/4/1996	2137/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2147	BÙI ĐẮC VIỆT	TÀI	05/11/1997	2138/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2148	Lê Thị Kiều	Oanh	1994	2138/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2149	NGUYỄN BẠCH	YẾN	22/11/1988	2139/CCHN-D- SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2150	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	20/4/1992	214/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2151	Đỗ Thành	Khen	1989	214/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2152	TRƯƠNG NGỌC	HẰNG	27/6/1990	2140/CCHN-D- SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2153	Văn Phú Hoa	Hạ	1988	2140/ĐT- CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2154	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NGÂN	10/02/1992	2141/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2155	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	VI	30/9/1998	2142/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2156	Võ Kim	Thoa	1986	2142/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2157	VÕ PHÁT	ĐẠT	22/5/1993	2143/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2158	Huỳnh Thị	Thuần	1962	2143/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2159	HỒ VĂN	THI	08/01/1991	2144/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2160	LÊ THỊ ÁNH	THU	18/3/1985	2145/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2161	Nguyễn Thị Anh	Thư	1992	2145/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2162	PHẠM TRẦN NHƯ	NGỌC	13/3/1980	2146/CCHN-D- SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2163	Trần Nguyễn	Quý	1993	2146/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2164	VÕ THỊ NGỌC	LÀI	25/8/1985	2147/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2165	Hồ Thị Trúc	Mai	1992	2147/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2166	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	06/4/1989	2148/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2167	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1991	2148/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2168	LÊ THỊ HOÀNG	YẾN	15/12/1993	2149/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2169	Trần Ngọc	Tĩnh	10/4/1991	215/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2170	VÕ KIM	QUANG	13/11/1988	2150/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2171	Phạm Nhựt	Linh	1984	2150/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2172	HUỶNH THỊ HỒNG	NHI	20/02/1987	2151/CCHN-D- SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2173	Nguyễn Hiếu	Thảo	1987	2151/ĐT- CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2174	CHỮ THỊ	THOM	03/11/1980	2152/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2175	Nguyễn Thị	Tô	1988	2152/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2176	HỒ NGỌC	THANH	23/6/1987	2153/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2177	Trần Thị Yến	Nhi	1993	2153/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2178	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	22/5/1979	2154/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2179	CAO VĂN	TRỌNG	14/6/1994	2155/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2180	NGUYỄN HOÀNG MỘNG	TRINH	22/11/1993	2156/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2181	Bùi Thị Quỳnh	Mi	1987	2156/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2182	NGUYỄN THỊ	THẨM	05/9/1988	2157/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2183	Trần Thị Hồng	Gám	1991	2157/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2184	HUỶNH HỒNG	CHÂU	30/7/1990	2158/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2185	Nguyễn Thị	Thu	1990	2158/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2186	VÕ THỊ KIỀU	DIỄM	06/6/1988	2159/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2187	Nguyễn Hữu Nhân	Tâm	1988	2159/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2188	Trần Ngọc Công	Danh	30/9/1993	216/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2189	NGUYỄN THỊ NHƯ	THÚY	16/9/1992	2160/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2190	Nguyễn Đắc	Chí	1988	2160/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2191	LƯU THỊ KIM	HUỆ	09/9/1979	2161/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2192	Nguyễn Hữu	Tâm	1986	2161/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2193	LÊ THỊ MỸ	TUYÊN	05/7/1990	2162/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2194	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1972	2162/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2195	ĐÀO THỊ DIỄM	PHƯƠNG	19/8/1984	2163/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2196	Nguyễn Thị Bích	Vân	1988	2163/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2197	LÊ THANH	TÙNG	12/9/1995	2164/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2198	Nguyễn Thị Anh	Thư	1985	2164/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2199	NGUYỄN TUYÊN	HỒN	03/5/1988	2165/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2200	NGUYỄN VÕ LUYẾN TRÚC	ANH	01/4/1987	2166/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2201	Trần Quốc	Qui	1985	2166/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2202	Huỳnh Thế	Vinh	1988	2167/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2203	NGUYỄN THỊ TUYẾT	NHI	03/7/1997	2168/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2204	Lê Thúy	An	1989	2168/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2205	BÙI THỊ Ý	NHI	12/02/1992	2169/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2206	Lê Ngọc	Thùy	1985	2169/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2207	NGUYỄN THỊ BÍCH	THI	1984	2170/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2208	Thái Mỹ	Lệ	1985	2170/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2209	HUỶNH KIM	THÙY	22/9/1983	2171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2210	Nguyễn Thị Thùy	Vi	1981	2171/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2211	PHẠM THỊ	CÚC	10/6/1986	2172/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2212	Trần Công	Triết	1972	2172/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2213	PHẠM THỊ	BẦY	01/6/1966	2173/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2214	Bùi Thị	Hồ	1963	2173/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2215	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	25/12/1993	2174/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2216	Lê Thanh	Phát	1983	2174/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2217	MAI THỊ TÚ	QUYÊN	07/6/1990	2175/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2218	Huỳnh Thị Dạ	Lan	1994	2175/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2219	NGÔ MỸ	THUẬN	01/01/1997	2176/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2220	Võ Thị Yến	Nhi	1993	2176/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2221	NGUYỄN TRÚC	PHƯƠNG	06/8/1988	2177/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2222	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1981	2177/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2223	HUỶNH TẤN	PHƯỚC	26/12/1979	2178/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2224	Phạm Mai	Thi	1987	2178/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2225	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	THẢO	15/4/1989	2179/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2226	Đào Thị Diễm	My	1991	2179/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2227	Lê Thị Trúc	Giang	15/5/1990	218/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2228	Phạm Thị Minh	Nguyệt	1984	218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2229	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	19/8/1999	2180/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2230	Nguyễn Thị Kim	Thom	1984	2180/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2231	NGUYỄN THÙY	LINH	19/6/1995	2181/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2232	Nguyễn Ngọc	Nữ	1991	2181/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2233	LÊ THỊ THÙY	TRANG	25/6/1999	2182/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2234	Huỳnh Thị Trúc	Chi	1988	2182/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2235	HỨA	PHÚ	02/8/1994	2183/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2236	PHAN TRẦN	UYỀN	10/3/1993	2184/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2237	ĐẶNG THỊ	MAY	02/12/1999	2185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2238	LÊ THỊ KIM	CƯƠNG	03/02/1982	2186/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2239	NGUYỄN THỊ HUỶNH	NHƯ	09/11/1999	2187/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2240	TRẦN THỊ XUÂN	TRÚC	28/5/1999	2188/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2241	HUỶNH NGUYỆT	XUÂN	04/6/1985	2189/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2242	Nguyễn Tuấn	Vũ	1993	2189/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2243	Trần Cẩm	Nhung	13/11/1989	219/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2244	Võ Ngọc	Mỹ	1973	219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2245	NGUYỄN THANH	BÌNH	01/5/1995	2190/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2246	Bùi Văn	Tươi	1972	2190/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2247	NGUYỄN THỊ CHÚC	THU	11/9/1996	2191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2248	Nguyễn Thùy	Trinh	1975	2191/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2249	NGUYỄN LÊ THẢO	QUỲNH	21/11/1996	2192/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2250	Đình Văn	Tân	1987	2192/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2251	VÕ THỊ KIỀU	NÊN	01/8/1999	2193/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2252	Bùi Hoàng	Yến	1994	2193/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2253	HUỶNH NGỌC	KHUU	25/10/1994	2194/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2254	Nguyễn Trường	Giang	1989	2194/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2255	HUỶNH THỊ KIM	SOÀN	30/4/1999	2195/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2256	TRƯƠNG VĨNH	THOM	27/10/1986	2196/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2257	Nguyễn Thái	Bình	1992	2196/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2258	TRẦN THỊ THU	TRANG	19/6/1992	2197/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2259	Lê Thị Quế	Chi	1990	2197/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2260	VÕ HUỶNH	YẾN	25/5/1989	2198/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2261	Nguyễn Văn	Dương	1994	2198/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2262	VƯƠNG THÁI	QUI	20/5/1982	2199/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2263	Lê Thị	Tha	1982	2199/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2264	Trần Thị Trúc	Giang	20/8/1982	22/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2265	Trần Thị	Lắm	1984	22/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2266	Hồ Như	Thủy	1980	220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2267	Lê Thị Thanh	Vân	1976	2200/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2268	PHẠM THỊ TRÚC	LINH	14/9/1999	2201/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2269	Phan Thị Thanh	Loan	1962	2201/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2270	NGUYỄN TRẦN NGỌC	PHI	24/8/1993	2202/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2271	Phạm Thị Bé	Hiền	1986	2202/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2272	ĐẶNG THỊ	SANG	30/10/1969	2203/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2273	Nguyễn Xuân	Tiến	1987	2203/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2274	LÊ NGUYỄN HỒNG	THANH	16/02/1987	2204/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2275	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1988	2204/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2276	TÔ NHÚT	ĐẠT	03/3/1998	2205/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2277	Lê Phương	Hà	1985	2205/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2278	NGUYỄN TRỌNG	VINH	09/10/1991	2206/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2279	Lê Anh	Huy	1978	2206/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2280	NGUYỄN THỊ NGỌC	DUNG	15/9/1987	2207/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2281	Trần Hoài	Phong	1986	2207/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2282	NGUYỄN QUANG	RẠNG	22/5/1978	2208/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2283	Lê Thị Thu	Hoa	1987	2208/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2284	HỒ THỊ	THUẬN	02/9/1984	2209/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2285	Trần Thị Thanh	Hà	1987	2209/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2286	PHẠM DŨNG TRANG	THANH	27/02/1994	221/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2287	ĐỖ NGỌC	THỦY	20/3/1980	2210/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2288	Nguyễn Thị Kim	Thoa	1988	2210/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2289	ĐINH HẢI	PHƯƠNG	05/11/1996	2211/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2290	Nguyễn Hoàn	Nhân	1985	2211/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2291	VÕ THỊ KIM	THOÀ	09/9/1981	2212/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2292	Nguyễn Đức	Thắng	1991	2212/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2293	ĐÀO THỊ MỸ	LINH	15/12/1984	2213/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2294	Triệu Văn	Mạnh	1993	2213/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2295	Lê Thị Mỹ	Tiên	1991	2214/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2296	ĐOÀN PHỤNG	LIÊN	09/12/1973	2215/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2297	Nguyễn Văn	Ngọc	1985	2215/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2298	LƯU THỊ	NHUNG	01/01/1984	2216/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2299	PHÙNG THỊ CẨM	CHI	25/8/1986	2217/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2300	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	24/5/1984	2218/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2301	Trần Thị Kim	Điệp	1968	2218/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2302	NGUYỄN CHÚC	NHƯ	27/01/1988	2219/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2303	Phạm Thị Hồng	Loan	1991	2219/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2304	Hứa Thị Kim	Sanh	24/3/1972	222/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2305	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	02/8/1982	2220/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2306	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	1990	2220/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2307	TRẦN THUY THÙY	TRANG	07/01/1982	2221/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2308	Nguyễn Thanh	Hiền	1981	2221/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2309	Dương Thị Thùy	Quyên	1994	2222/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2310	BÙI THỊ NGUYỆT	MINH	08/6/1985	2223/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2311	Trần Thị	Nguyên	1991	2223/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2312	HUỶNH THỊ TRÚC	MAI	15/6/1987	2224/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2313	Trần Thị	Thúy	1984	2224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2314	NGUYỄN DUY	ĐĂNG	22/12/1995	2225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2315	Lê Thị Thanh	Thùy	1993	2225/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2316	VÕ KIM	NGÂN	22/02/1995	2226/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2317	Phạm Đỗ Thanh	Trúc	1990	2226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2318	TRẦN THỊ MỸ	THƯỜNG	22/12/1997	2227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2319	NGUYỄN MINH	KHOA	07/12/1994	2228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2320	Lê Thị Ngọc	Liễu	1988	2228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2321	NGUYỄN THỊ CẨM	NHI	10/9/1999	2229/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2322	Bùi Văn	Khiêm	1984	2229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2323	Trần Minh	Tâm	19/4/1988	223/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2324	PHAN PHƯƠNG	ANH	24/11/1983	2230/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2325	Hà Cúc	Phuong	1980	2230/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2326	PHƯƠNG PHẠM NHÃ	QUYÊN	10/6/1995	2231/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2327	Nguyễn Thị Thùy	Dương	1985	2231/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2328	LÊ PHƯỚC	SANG	18/8/1995	2232/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2329	DƯƠNG THỊ NGỌC	THẢO	30/4/1995	2233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2330	Lê Nhật	An	1983	2233/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2331	HỒ THANH	SANG	05/12/1997	2234/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2332	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	1986	2234/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2333	BÙI NGUYỄN PHÚC	NHÂN	30/3/1995	2235/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2334	Lê Thị	Diễm	1982	2235/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2335	NGUYỄN THÚY	NGA	02/01/1996	2236/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2336	Hồ Thị Hồng	Thắm	1993	2236/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2337	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	12/8/1990	2237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2338	LÊ THỊ	THƯƠNG	20/4/1985	2238/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2339	Mai Thị Kim	Dung	1967	2238/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2340	NGUYỄN THỊ ÚT	NHỎ	18/7/1982	2239/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2341	Đỗ Đắc	Trí	1984	2239/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2342	LÊ THỊ THU	HÀ	11/7/1994	224/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2343	Đào Ngọc	Diễm	1983	224/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2344	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	29/11/1984	2240/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2345	Huỳnh Thị Kiều	Phương	1985	2240/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2346	LÊ THỊ KIM	NGÂN	06/8/1999	2241/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2347	Ngô Quốc	Công	1985	2241/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2348	NGUYỄN KIỀU	HẠNH	14/8/1999	2242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2349	TRẦN THANH	TÂM	15/10/1983	2243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2350	NGUYỄN THỊ	HOÀI	30/10/1998	2244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2351	Võ Ngọc Lang	Hương	1988	2244/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2352	LÊ GIA	HY	19/9/1999	2245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2353	NGUYỄN KIỀU HẢI	YẾN	06/01/1997	2246/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2354	Nguyễn Thị	Diễm	1991	2246/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2355	Đỗ Thùy	Dương	1994	2247/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2356	NGUYỄN THỊ MINH	NGUYỆT	10/6/1989	2248/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2357	Thái Hồng	Nho	1988	2248/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2358	HUYỀN NGỌC HUYỀN	TRĂM	16/6/1997	2249/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2359	Đào Thị	Lộc	1994	2249/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2360	Nguyễn Thị Bé	Ba	25/02/1992	225/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2361	LÊ VĂN NHÃ	PHƯƠNG	14/4/1980	2250/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
2362	Nguyễn Thị Mộng	Kiều	1978	2250/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2363	PHAN BÁ	TÙNG	21/9/1995	2251/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2364	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1984	2251/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2365	TRỊNH GIA	TUYÊN	27/5/1985	2252/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2366	Lê Thị Bích	Như	1994	2252/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2367	ĐẶNG THỊ TUYẾT	TRINH	08/11/1992	2253/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2368	Võ Duy	Thanh	1989	2253/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2369	VÕ NGUYỄN HỒNG	YẾN	10/6/1996	2254/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2370	Lê Nguyễn Thiên	Thanh	1989	2254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2371	NGUYỄN LÊ THỊ NGỌC	TRÚC	01/02/1997	2255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2372	BÙI THỊ THANH	NHI	10/10/1993	2256/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2373	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	27/4/1996	2257/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2374	NGUYỄN VĂN	THẮNG	01/01/1978	2258/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2375	Huỳnh Thị Yên	Nhi	1991	2258/ĐT-CCHND	Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2376	NGUYỄN THỊ	THANH	26/12/1982	2259/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2377	Lê Huỳnh	Thi	1994	2259/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2378	Nguyễn Ngọc	Thuận	13/10/1994	226/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2379	Huỳnh Thị Thúy	Luyên	1981	226/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2380	DƯƠNG THỊ THÚY	DUNG	02/7/1983	2260/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2381	Hàn Thanh	Hồng	1982	2260/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2382	TRẦN THỊ	NHANH	12/11/1993	2261/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2383	NGUYỄN THỊ	LOAN	09/10/1988	2262/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2384	Hồ Minh	Tài	1986	2262/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2385	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHƯ	29/10/1986	2263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2386	Nguyễn Thị Hiếu	Nhiên	1993	2263/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2387	LÊ THỊ MỘNG	KHA	21/4/1998	2264/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2388	Phạm Hiền	Vương	1984	2264/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2389	ĐOÀN QUỐC	TRUNG	25/9/1976	2265/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2390	Lê Ngọc Vân	Trang	1988	2265/ĐT-CCHND	Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2391	KIỀU PHƯỢNG	LIÊN	03/6/1990	2266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2392	Tô Hoàng	Thít	1989	2266/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2393	NGUYỄN THỊ XUÂN	LANG	17/12/1988	2267/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2394	Trần Thanh	Tâm	1989	2267/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2395	TRẦN THỊ THÚY	HẰNG	16/12/1989	2268/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2396	LÊ THỊ	KHỎE	06/6/1997	2269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2397	Tô Khánh	Minh	1966	2269/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2398	Võ Thị	Nhanh	17/11/1985	227/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2399	Phan Phú	Trung	1971	227/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2400	NGUYỄN THỊ CẨM	THI	15/9/1997	2270/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2401	Lê Kim	Mai	1993	2270/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2402	TRẦN THỊ KIM	GIÀU	21/9/1998	2271/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2403	NGUYỄN THỊ TÚ	MAI	28/02/1990	2272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2404	Dương Hoàng	Phùng	1988	2272/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2405	TRƯƠNG THỊ KIM	CHI	11/3/1998	2273/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2406	Phan Thị	Nhi	1990	2273/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2407	TRẦN THANH	PHỤNG	02/5/1988	2274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2408	Nguyễn Thị Thị	Dương	1991	2274/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2409	LÊ THỊ	HUỆ	01/01/1984	2275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2410	Dương Thị Hồng	Linh	1986	2275/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2411	PHẠM THỊ THẢO	NGUYỄN	05/9/1994	2276/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2412	Lê Nhựt	Minh	1990	2276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2413	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	16/11/1987	2277/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2414	Đặng Hữu	Tín	1991	2277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2415	NGUYỄN THỊ NGỌC	THÙY	07/01/1996	2278/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2416	Nguyễn Thanh	Tùng	1991	2278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2417	LÊ NGỌC TRÂM	ANH	08/11/1996	2279/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2418	Nguyễn Thị Hương	Lan	1994	2279/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2419	Trần Bảo	Ngọc	06/01/1984	228/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2420	Trần Sơn	Dương	1976	228/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2421	LÊ THỊ DIỄM	KIỀU	20/12/1996	2280/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2422	Dương Thị Mỹ	Lan	1981	2280/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2423	NGUYỄN THỊ THÙY	TRÂM	17/4/1999	2281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2424	Nguyễn Thị Bích	Thùy	1968	2281/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2425	NGUYỄN THỊ THÚY	AN	28/7/1997	2282/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2426	Trần Thị	Thúy	1987	2282/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2427	TRẦN TRUNG	HIỆU	20/10/1987	2283/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2428	Lê Thị	Kiên	1983	2283/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2429	NGUYỄN THANH	TRỊ	29/3/1997	2284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2430	NGUYỄN NHỰT	LINH	17/7/1988	2285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2431	Lê Duy	Bảo	1990	2285/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2432	PHAN VĂN	LÊN	14/10/1981	2286/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2433	NGUYỄN NGỌC	ANH	25/4/1998	2287/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2434	Dương Yến	Oanh	1989	2287/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2435	LẠI THỊ CẨM	HỒNG	15/11/1994	2288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2436	PHAN THỊ	PHỤNG	10/10/1988	2289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2437	Hà Lê	Bửu	1990	2289/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2438	NGUYỄN BÁC	PHONG	1987	229/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2439	Trần Đức	Vinh	1974	229/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y
2440	NGUYỄN THỊ BÍCH	HẬU	09/9/1987	2290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2441	Quách Lê	Na	1977	2290/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2442	NGUYỄN MINH	THÔNG	01/4/1984	2291/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2443	Hồ Trương Thùy	Tiên	1991	2291/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2444	VÕ ĐỨC	ANH	03/01/1989	2292/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2445	TRẦN THỊ MỸ	KIỀU	22/11/1970	2293/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2446	Nguyễn Thanh Xuân	Nữ	1991	2293/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2447	NGUYỄN THỊ	XUÂN	01/01/1986	2294/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2448	Nguyễn Thị Hải	Âu	1993	2294/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2449	HUỶNH THỊ BÍCH	TUYỀN	13/10/1984	2295/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2450	LÊ THỊ HỒNG	GÁM	04/12/1993	2296/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2451	ĐỖ THỊ THANH	THANH	16/11/1996	2297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2452	Phan Thị Anh	Thư	1994	2297/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2453	ĐINH QUANG	DŨNG	15/02/1995	2298/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2454	Võ Thị Ngọc	Châu	1994	2298/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2455	NGUYỄN QUANG	MINH	10/5/1987	2299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2456	Lê Trúc	Phương	02/9/1976	23/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2457	Nguyễn Thị	Nhung	1982	23/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2458	Quách Thị	Loan	1987	230/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2459	Nguyễn Trung	Kiên	1985	230/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2460	TRƯƠNG THỊ TÚ	ANH	01/02/1995	2300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2461	La Thị Huyền	Trang	1979	2300/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2462	NGUYỄN THỊ KIỀU YẾN	LINH	26/9/1999	2301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2463	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	2301/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2464	NGUYỄN HOÀI BẢO	MY	23/12/1996	2302/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
2465	Ngô Thị Trúc	Ly	1992	2302/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2466	BÙI THỊ NGỌC	QUYỀN	27/4/1995	2303/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2467	Phạm Thị	Nguyệt	1977	2303/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2468	NGÔ THỊ CẨM	TIÊN	25/01/1997	2304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2469	Trần Thị Thanh	Thùy	1977	2304/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2470	HUỶNH THỊ NGỌC	THẨM	16/11/1994	2305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2471	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	1994	2305/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2472	VÕ THỊ THANH	THÚY	01/01/1997	2306/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2473	Lê Thị Mộng	Kha	1993	2306/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2474	PHẠM MẠNH	DŨNG	11/6/1988	2307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2475	Nguyễn Thanh	Loan	1986	2307/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2476	NGUYỄN THÚY	SON	29/11/1994	2308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2477	NGUYỄN CÔNG	MINH	25/9/1992	2309/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2478	Ngô Thị Tố	Anh	1994	2309/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2479	Trần Phú	Long	24/01/1981	231/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2480	Nguyễn Ngọc	Son	1948	231/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2481	PHAN THÀNH	PHONG	15/8/1988	2310/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2482	Bạch Thị Thanh	Giang	1986	2310/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2483	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	06/3/1984	2311/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2484	Trần Thanh	Nhàn	1975	2311/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2485	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG	25/10/1993	2312/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2486	NGUYỄN MINH	QUẢN	13/9/1990	2313/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2487	HUỶNH THỊ	TUYỀN	09/3/1987	2314/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2488	NGÔ BÌNH	DƯƠNG	17/01/1984	2315/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2489	Lê Thị Mỹ	Hương	1990	2315/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2490	LÊ KIM	QUYÊN	02/3/1981	2316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2491	Phạm Thị Diệu	Ngọc	1994	2316/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2492	TRẦN THỊ NGỌC	TRÂM	22/7/1993	2317/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2493	Đặng Cẩm	Giang	1992	2317/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2494	HUỶNH THỊ NGỌC	NHUNG	14/01/1997	2318/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2495	Đinh Thị Du	Ly	1991	2318/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2496	TRẦN THỊ NGỌC	DIỆP	13/8/1995	2319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2497	Lê Thị Thu	Thùy	1971	2319/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2498	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1980	232/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2499	Nguyễn Thị	Nga	1968	232/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2500	NGUYỄN LÊ THÀNH	ĐẠT	01/02/1991	2320/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2501	Lý Thị	Thắm	1985	2320/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2502	TRƯƠNG DUY	KHÁNH	05/5/1986	2321/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2503	NGUYỄN TRUNG	THỨ	08/11/1987	2322/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2504	Trần Khánh	Nguyên	1990	2322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2505	MAI THỊ CẨM	LINH	05/02/1982	2323/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2506	Nguyễn Quốc	Trung	1991	2323/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2507	TRẦN VĨNH	CỬU	09/7/1986	2324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2508	Thái Thị Thùy	Trinh	1990	2324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2509	NGUYỄN VĂN	NGUYỄN	19/3/1992	2325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2510	Trần Thanh	Trúc	1991	2325/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2511	ĐẶNG THỊ	NGỌC	14/02/1993	2326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2512	Nguyễn Duy	Khánh	1990	2326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2513	PHAN MINH	TRANG	10/01/1996	2327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2514	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	1991	2327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2515	PHẠM THỊ NGỌC	ẤN	01/01/1991	2328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2516	Nguyễn Thị Trà	Hoa	1993	2328/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2517	LÃNG THỊ KIM	HƯƠNG	02/10/1985	2329/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2518	Hà Kim	Oanh	1980	2329/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2519	Võ Thị Thanh	Nga	30/10/1976	233/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2520	Huỳnh Văn	Nhung	1973	233/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2521	LÊ THỊ TUYẾT	TƯ	20/01/1987	2330/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2522	PHẠM LÊ MINH	THƯ	11/10/1988	2331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2523	Nguyễn Ngọc	Son	1984	2331/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2524	HỒ THỊ KIM	QUYÊN	23/9/1986	2332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2525	PHAN THÀNH	THUẬN	09/01/1980	2333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2526	Lê Thị Hồng	Mến	1974	2333/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2527	NGUYỄN THÀNH	DƯ	05/6/1999	2334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2528	TRẦN THỊ	THU	18/6/1980	2335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2529	Trần Quốc	Hoàng	1990	2335/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2530	PHẠM NGỌC	THÚY	20/9/1968	2336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2531	Bùi Thị Út	Nhỏ	1982	2336/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2532	VUU SIÊU	ÊNH	12/12/1988	2337/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2533	Lê Hoàng Nhật	Trường	1992	2337/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2534	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/01/1995	2338/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2535	Lưu Thị	Huyền	1993	2338/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2536	HUỶNH VĂN	ĐOÀN	06/10/1997	2339/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2537	Nguyễn Tấn	Thiện	1988	2339/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2538	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG	31/3/1976	234/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2539	Lê Thị Mỹ	Linh	1980	234/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2540	NGUYỄN THANH	TÂN	25/6/1993	2340/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2541	Quách Quý	Yên	1957	2340/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2542	PHẠM NGỌC	DIỄM	03/11/1994	2341/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2543	Nguyễn Việt	Tân	1990	2341/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2544	NGUYỄN NGỌC	NHUNG	22/3/1995	2342/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2545	Lê Kim	Phụng	1988	2342/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2546	PHAN THỊ	THẢO	30/4/1998	2343/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2547	Nguyễn Lệ Lan	Anh	1991	2343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2548	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	26/7/1999	2344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2549	Lê Phước	Thanh	1991	2344/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2550	HOÀNG THỊ BÍCH	TRÂM	18/10/1997	2345/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2551	Lê Thị Phương	Loan	1984	2345/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2552	NGUYỄN THANH	NGÂN	02/10/1996	2346/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2553	Nguyễn Hữu	Cánh	1994	2346/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2554	NGUYỄN THỊ KIM	YẾN	11/8/1976	2348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2555	Vũ Thị Mộng	Trình	1990	2348/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2556	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	12/7/1976	2349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2557	Lê Diễm	An	1993	2349/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2558	Nguyễn Hữu	Nhân	13/9/1991	235/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2559	Lê Văn	Thi	1960	235/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2560	NGUYỄN THỊ NGỌC	HIẾU	16/5/1999	2350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2561	Nguyễn Ngọc	Út	1985	2350/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2562	NGUYỄN THỊ	NGA	01/9/1979	2351/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2563	Đoàn Xuân	Thành	1987	2351/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2564	TỔ THANH	NHI	06/10/1992	2352/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2565	HỨA THỊ THANH	THẢO	07/7/1996	2353/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2566	LÊ MINH	THÀNH	02/4/1996	2354/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2567	Phạm Bảo	Ngọc	1991	2354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2568	NGUYỄN THỊ KIM	HOÀNG	01/01/1995	2355/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2569	Nguyễn Hồng	Nhật	1983	2355/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2570	VÕ THỊ BẢO	ÁI	08/11/1995	2356/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2571	Phạm Văn	Cận	1967	2356/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2572	NGUYỄN MINH	THƯ	13/01/1999	2357/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2573	Phan Thị Kiều	Trang	1990	2357/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2574	NGUYỄN PHƯƠNG THÚY	NGỌC	21/5/1985	2358/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2575	Nguyễn Văn	Toàn	1982	2358/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2576	LÊ THỊ BÍCH	NGÂN	08/12/1992	2359/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2577	Huỳnh Hồ	Hải	1983	2359/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2578	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	28/12/1992	236/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2579	Trần Thị Xuân	Mỹ	1987	236/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2580	TRẦN THỊ	LOAN	17/6/1981	2360/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2581	Tường Thị Mỹ	Ấn	1990	2360/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2582	TRẦN THỊ HỒNG	GÁM	15/6/1981	2361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2583	Nguyễn Thị Phương	Trang	1989	2361/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2584	LÊ THỊ MỸ	NGOAN	20/02/1984	2362/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2585	Lê Trần	Đức	1980	2362/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2586	LÊ THỊ	HẰNG	06/6/1979	2363/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2587	Đặng Nhật	Linh	1988	2363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2588	TRẦN THỊ KIM	CÚC	20/7/1988	2364/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2589	Phan Phương	Thào	1990	2364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2590	ĐỖ THỊ KIM	CAN	04/10/1988	2365/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2591	CAO BÍCH	VÂN	25/6/1991	2366/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2592	Lê Trung	Việt	1986	2366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2593	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	16/7/1997	2367/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2594	Trần Diệu	Hương	1990	2367/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2595	VÕ CHÂU	TRI	06/12/1990	2368/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2596	Nguyễn Ngọc	Hênh	1989	2368/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2597	LÊ DUY	TÙNG	19/7/1993	2369/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2598	Thái Thanh	Tuyền	20/6/1965	237/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2599	PHAN THỊ TUYẾT	NHUNG	20/01/1994	2370/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2600	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	1991	2370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2601	LÊ THỊ MINH	THU	22/6/1983	2371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2602	Mai Thị Hương	Loan	1990	2371/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2603	PHẠM THỊ KIM	LUYẾN	20/11/1958	2372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2604	Nguyễn Thị Ngọc	Trinh	1979	2372/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2605	NGUYỄN THỊ KIM	CHI	27/11/1982	2373/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2606	Lê Thị Mỹ	Kim	1993	2373/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2607	TRẦN CẨM	NHUNG	04/12/1992	2374/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2608	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	1984	2374/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2609	CHÂU MINH	ĐỨC	27/5/1997	2375/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2610	Lê Thị Mộng	Tuyền	1991	2375/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2611	NGUYỄN THỊ HỮU	DUNG	24/6/1983	2376/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2612	Huỳnh Anh	Thư	1985	2376/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2613	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYÊN	29/8/1999	2377/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2614	Bùi Thị Kim	Phượng	1994	2377/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2615	LÊ YẾN	XUYỀN	23/02/1994	2378/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2616	Hồ Phan Minh	Chí	1994	2378/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2617	ĐẶNG HỒNG TUYẾT	ANH	16/11/1992	2379/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2618	Phan Thanh	Nguyên	10/01/1987	238/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2619	TRẦN THỊ DIỄM	MY	02/3/1997	2380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2620	Nguyễn Thị Kiều	Trang	1991	2380/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2621	HỒ THỊ NGỌC	THẢO	06/11/1996	2381/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2622	NGUYỄN HOÀNG	HẬU	04/4/1984	2382/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2623	BÙI THANH	TUYÊN	10/02/1986	2383/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2624	Lê Thị Trúc	Linh	1993	2383/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2625	LƯU MINH	SON	01/6/1982	2384/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2626	NGUYỄN THỊ	NHÊ	21/10/1981	2385/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2627	Lê Trường	An	1986	2385/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2628	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	20/10/1985	2386/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2629	Cao Vân	Anh	1982	2386/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2630	NGUYỄN KIM	THẢO	25/5/1983	2387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2631	Đoàn Văn	Bảy	1980	2387/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2632	NGUYỄN THỊ HOA	THẢO	12/5/1983	2388/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2633	Trần Huệ	Long	1953	2388/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2634	LÝ	DŨNG	01/01/1986	2389/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2635	Nguyễn Thị Thu	Hòa	1991	2389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2636	Trần Hoàng	Nam	16/7/1983	239/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2637	Trương Thị	Ngọc	1975	239/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2638	NGUYỄN THẠCH	SON	23/6/1979	2390/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2639	Trần Võ Minh	Phương	1991	2390/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2640	TÔN NỮ YẾN	CHÂU	15/10/1984	2391/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2641	LÊ QUỐC	BẰNG	24/8/1985	2392/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2642	Lê Thị	Thúy	1991	2392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2643	TRẦN THỊ MỸ	TIẾN	13/02/1991	2393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2644	VÕ THỊ HOÀNG	HIẾU	05/5/1988	2394/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2645	Nguyễn Hoàng	An	1986	2394/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2646	ĐẶNG TRẦN LOAN	ANH	10/01/1997	2396/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2647	Nguyễn Thị Cẩm	Hường	1988	2396/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2648	TRẦN THỊ NGỌC	MỸ	27/4/1996	2397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2649	Nguyễn Thị Kiều	My	1993	2397/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2650	NGUYỄN THỊ KIM	THI	15/8/1999	2398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2651	LÊ THỊ PHƯƠNG	VY	04/12/1997	2399/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2652	Trần Thị	Lan	1993	2399/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2653	Lê Đăng Trúc	Linh	07/7/1981	24/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2654	Nguyễn Thiện	Hoàng	1982	24/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2655	THÁI THỊ THU	HIỀN	28/01/1984	240/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2656	Trần An	Trinh	1960	240/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2657	NGUYỄN THỊ CẨM	LAN	01/5/1982	2400/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2658	Phan Thị Mỹ	Hoa	1989	2400/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2659	NGUYỄN ÁNH	DUY	19/4/1987	2401/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2660	Lê Thị Kim	Quyên	1982	2401/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2661	PHẠM THỊ THANH	TÂM	29/5/1996	2402/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2662	Bùi Nha	Mân	1993	2402/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2663	HỒ THỊ KIỀU	THI	13/3/1990	2403/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2664	HUYNH NGUYỄN QUỐC	HUY	02/9/1997	2404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2665	Nguyễn Thị Bé	Tám	1969	2404/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2666	ĐẶNG QUỐC ANH	TRÍ	14/5/1992	2405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2667	Phan Bạch	Tuyết	1964	2405/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2668	PHÙNG VÕ YẾN	NHI	18/4/1997	2406/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2669	NGUYỄN TIÊU	DUY	01/01/1997	2407/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2670	DƯƠNG MINH	CẢNH	26/3/1995	2408/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2671	Phạm Phan Anh	Minh	1990	2408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2672	LÝ THỊ HỒNG	VÂN	18/9/1996	2409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2673	Trần Hoàng	Tiến	1990	2409/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2674	HUYNH MINH	TUÔNG	08/11/1988	241/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2675	Võ Thị Thùy	Trang	1969	241/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2676	LÂM THỊ MAI	HOA	07/02/1989	2410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2677	Ngô Hồng	Phong	1989	2410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2678	TRẦN THỊ TUYẾT	PHƯƠNG	03/12/1984	2411/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2679	TRẦN THỊ KIM	NHI	22/12/1988	2412/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2680	Dương Thị Minh	Thư	1988	2412/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2681	PHAN THỊ THÚY	DUY	13/8/1984	2413/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2682	LÊ NGUYỄN CẨM	TIỀN	29/8/1995	2414/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2683	Ngô Thị Huệ	Hân	1991	2414/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2684	VĂN LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	16/12/1999	2415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2685	BÙI THỊ MỘNG	NGHI	12/7/1999	2416/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2686	Nguyễn Thị Bích	Phượng	1991	2416/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2687	LÊ THỊ THẢO	NGUYỄN	29/9/1999	2417/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2688	Nguyễn Ngân	Linh	1992	2417/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2689	NGUYỄN THỊ THU	HUỶNH	10/9/1996	2418/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2690	Nguyễn Văn Duy	Tuấn	1990	2418/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2691	LÊ THỊ MINH	NHƯ	13/11/1998	2419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2692	Trần Thị Ngọc	Dung	1992	2419/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2693	LÊ THỊ TRÚC	MAI	13/4/1994	242/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2694	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	1979	242/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2695	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	12/11/1987	2420/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2696	BÙI THỊ KIM	TIỀN	01/01/1987	2421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2697	Nguyễn Đức	Phi	1980	2421/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2698	NGUYỄN ĐOÀN TUYẾT	SƯƠNG	03/11/1989	2422/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2699	Đỗ Thị Huỳnh	Như	1994	2422/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2700	LÝ DUY	KHÁNH	26/10/1996	2423/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2701	NGUYỄN NHỰT	PHÀM	30/3/1997	2424/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2702	Nguyễn Thành	Huệ	1966	2424/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2703	Phạm Thị Như	Ý	1985	2425/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2704	HUỶNH VĂN	LÀNH	01/01/1981	2426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2705	Nguyễn Tấn	Si	1985	2426/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2706	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	23/3/1982	2427/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2707	Nguyễn Hoài	Phương	1993	2427/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2708	NGUYỄN THỊ YẾN	NGỌC	05/11/1990	2428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2709	Nguyễn Thị Bích	Vân	1992	2428/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2710	NGUYỄN THỊ XUÂN	THU	04/02/1985	2429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2711	Trần Thị Kim	Thùy	1988	2429/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2712	Trương Thị Tuyết	Vân	1959	243/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2713	NGUYỄN THỊ	LÀI	01/6/1992	2430/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2714	Hồ Thị Lệ	Thu	1968	2430/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2715	TRẦN THỊ TUYẾT	ĐẶNG	08/5/1989	2431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2716	Phạm Mỹ	Nhi	1992	2431/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2717	LÊ THỊ THANH	GIANG	25/3/1987	2432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2718	Nguyễn Văn	Em	1975	2432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2719	HÀ NHỰT	HUY	26/3/1999	2433/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2720	NGUYỄN THÁI	PHUƠNG	16/8/1992	2434/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2721	Nguyễn Thị	Điệp	1969	2434/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2722	HUYỀN THANH	TRÚC	04/7/1997	2435/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2723	Nguyễn Thanh	Tùng	1973	2435/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2724	ĐẶNG THỊ YẾN	MINH	17/3/1990	2436/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2725	Võ Thị Trúc	Mai	1987	2436/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2726	Lê Ngọc	Hà	1965	2437/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2727	PHAN THỊ MINH	TÂM	09/02/1985	2438/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2728	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1986	2438/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2729	NGUYỄN THỊ MỸ	HƯƠNG	19/10/1998	2439/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2730	Phạm Hiền	Đức	1990	2439/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2731	Ngô Nguyễn Thanh	Tâm	19/4/1993	244/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2732	Võ Ngọc	Tuyền	1978	244/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2733	TRẦN THỊ CẨM	THU	29/12/1997	2440/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2734	Võ Thanh	Tịnh	1989	2440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2735	NGUYỄN THỊ TÚ	QUYÊN	26/4/1998	2441/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2736	Phạm Bảo	Huy	1989	2441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2737	HUYỀN THANH	NGỌT	14/11/1996	2442/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2738	Từ Ngọc Bảo	Trần	1988	2442/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2739	VÕ DUY	ANH	15/8/1991	2443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2740	Nguyễn Việt	Thắng	1986	2443/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2741	LÊ PHƯƠNG	TRINH	07/5/1997	2444/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
2742	Nguyễn Thanh	Nhật	1988	2444/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2743	Trần Thị	Ngọc	1988	2446/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2744	Trần Thị Thanh	Tùng	1967	2447/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2745	Lê Thị Ngân	Hà	1992	2448/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2746	Dư Bích	Tuyền	1982	2449/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2747	Huỳnh Phúc	Duy	14/11/1989	245/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2748	Lý Thị Mỹ	Dung	1953	2452/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2749	Lê Thị Ngọc	Nhung	1991	2455/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2750	Nguyễn Hoàng	Du	1985	2458/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2751	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	2459/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2752	Lê Châu Bảo	Thị	24/5/1992	246/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2753	Huỳnh Thị Ngọc	Giàu	1989	246/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2754	Đoàn Hữu	Tuấn	1990	2460/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2755	Trần Cao	Thắng	1969	2461/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2756	Nguyễn Thị Hồng	Nho	1991	2462/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2757	Huỳnh Thị Thúy	Kiều	1992	2463/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2758	Dương Hùng	Cường	1968	2464/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2759	Nguyễn Hữu	Tiến	1994	2465/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2760	Hồ Thị Thu	Thảo	1983	2466/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2761	Đình Thị Giao	Linh	1991	2467/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2762	Phạm Phước	Thành	1979	2468/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2763	Bùi Thị Xuân	Thảo	1992	2469/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2764	VÕ HOÀNG	NAM	05/10/1989	247/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
2765	Lê Thị Ngọc	Quyền	1992	2471/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2766	Huỳnh Ngọc Khánh	Trinh	1991	2473/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2767	Ô Thị Thảo	Nguyên	1988	2474/ĐT-CCHND	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2768	Nguyễn Mỹ	Huyền	1962	2477/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2769	Nguyễn Thị Thanh	Hương	10/02/1981	248/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2770	Nguyễn Tuấn	Anh	1972	248/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2771	Tạ Đặng Lam	Hương	1975	249/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2772	LÊ PHƯỚC	HÀI	24/10/1976	25/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2773	Phùng Thị Ngọc	Diễm	10/10/1985	250/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2774	Phạm Duy	Thái	22/11/1994	251/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2775	Trần Thị Ái	Vân	11/3/1987	252/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2776	Cao Thị Thanh	Hương	1967	252/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2777	Võ Kim	Huyền	1994	253/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2778	Lương Thị Phương	Linh	1983	254/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2779	Phan Thị Hồng	Nhung	1980	255/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2780	Trịnh Ngọc	Đẹp	1986	255/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2781	LÊ DUY	TUYÊN	19/01/1984	256/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2782	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	01/10/1986	257/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2783	Nguyễn Văn	Thu	1969	257/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2784	Phạm Thị Thu	Lan	17/6/1978	258/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2785	Huỳnh Thị Hồng	Yến	1979	258/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2786	Nguyễn Văn	Đạt	18/11/1991	259/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2787	Võ Thị Thu	Hiếu	1984	259/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2788	Huỳnh Thanh	Hương	19/5/1905	26/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2789	Nguyễn Hồng	Thắm	16/12/1992	260/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2790	Bùi Thanh	Hùng	1971	260/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2791	Võ Tuyết	Hương	10/01/1992	261/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2792	Lê Bảo	Long	1987	261/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2793	Ngô Thị Kim	Thi	1989	262/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2794	Nguyễn Thị Bé	Sáu	1977	262/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2795	Đỗ Thị Mỹ	Linh	01/8/1992	263/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2796	Huỳnh Thị Thảo	Hiển	1979	263/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2797	Trần Thị Ngọc	Thúy	1982	264/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2798	Võ Phúc	Vinh	26/5/1982	265/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2799	Nguyễn Thị Kim	Thanh	1989	265/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2800	Nguyễn Thanh	Thùy	01/01/1993	266/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2801	Trần Hữu	Thiện	07/4/1985	267/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2802	Nguyễn Thị	Nhàn	20/4/1963	268/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2803	Phan Thị Diễm	Phương	1981	268/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2804	Huỳnh Thị Trúc	Yên	26/8/1988	269/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2805	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	07/6/1905	27/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2806	Nguyễn Thị Tuyết	Trinh	1988	27/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2807	Nguyễn Huỳnh	Dương	18/01/1986	270/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2808	Nguyễn Minh	Đức	1985	270/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2809	Lê Thị Mỹ	Xuân	19/4/1992	271/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2810	Nguyễn Văn	Phước	04/4/1994	272/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2811	Lê Trọng	Nghĩa	1983	272/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2812	Đoàn Thị Ngọc	Huệ	29/9/1995	273/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2813	Nguyễn Thị Tú	Trình	03/3/1984	274/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2814	Trần Thị Tuyết	Mai	16/4/1979	275/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2815	Huỳnh Thị Tháo	Ly	1981	275/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2816	Phạm Thị Anh	Đào	1967	276/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2817	Phạm Thị Thu	Nga	22/3/1992	277/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2818	Hồ Văn	Phổ	1986	277/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2819	Hồ Thiên	Phuong	01/7/1982	278/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2820	Nguyễn Thùy	Dung	1983	278/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2821	Trần Thị Ngân	Trúc	26/10/1975	279/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2822	Trần Thị Kim	Ngân	1988	279/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2823	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	1979	28/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2824	Đặng Thị Phương	Thảo	21/11/1994	280/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2825	Huỳnh Ngọc	Diệu	1988	280/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2826	Phạm Thị Cẩm	Cuống	02/10/1983	281/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2827	Nguyễn Thị Phương	Kiều	1972	281/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2828	Trần Thị Kim	Ngân	29/9/1993	282/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2829	Nguyễn Phương	Trang	05/12/1992	283/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2830	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	15/9/1985	284/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2831	Nguyễn Chí	Hải	1983	284/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2832	Trần Thị Mai	Phuong	12/12/1988	285/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2833	Nguyễn Thị	Sáng	1965	285/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2834	Phạm Ngọc	Trang	08/6/1973	286/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2835	Lê Thị Thúy	Nguyệt	1967	286/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2836	Nguyễn Hồng	Yên	1989	287/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2837	Hồ Thị Ngọc	Lý	05/8/1995	288/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2838	Lê Thị Hồng	Thu	1973	288/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2839	PHẠM NGUYỄN HỒNG	RI	28/6/1994	289/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2840	Đoàn Thanh	Trúc	31/8/1989	29/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc
2841	Đào Trường	Xuân	1986	29/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2842	Lê Phước	Lộc	19/10/1990	290/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2843	Huỳnh Thị Thanh	Hồng	1975	290/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2844	Phan Mỹ	Tiên	20/9/1989	291/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2845	Hứa Văn	Mười	1979	291/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2846	Nguyễn Mộng	Thu	03/01/1967	292/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2847	Nguyễn Kim	Tuyền	1967	292/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2848	Lê Mỹ	Duy	25/01/1993	293/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2849	Nguyễn Thị Thu	Hằng	1986	293/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2850	Lê Thị Mỹ	Tiên	27/7/1993	294/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2851	Trần Vũ	Phương	1987	294/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2852	Nguyễn Thị Kim	Yến	27/8/1995	295/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2853	Nguyễn Thị Thu	Diễm	1987	295/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2854	Quách Vinh	Thạch	01/01/1991	296/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2855	Đỗ Thị Thu	Hà	1983	296/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2856	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	1987	297/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2857	Trần Thị	Diệu	24/9/1995	298/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2858	Nguyễn Hồng	Quyên	1988	298/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2859	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	26/6/1971	299/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2860	Châu Thị	Tuyết	1984	299/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2861	Phạm Thị Mỹ	Lệ	20/8/1991	30/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2862	Võ Thị Ngọc	Giàu	1984	30/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2863	Trương Yến	Nhi	25/11/1995	300/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2864	Nguyễn Thanh	Nhàn	1985	300/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2865	Nguyễn Thị Kim	Cương	1992	301/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2866	Nguyễn Minh	Xuyên	1986	301/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2867	TRƯƠNG PHÚC	THUẬN	22/01/1995	302/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2868	Đặng Thanh	Hà	1976	302/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2869	HỒ THỊ	HUYỀN	03/3/1989	303/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2870	Lê Thị	Quy	1967	303/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2871	Trần Bình	Trọng	10/12/1984	304/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2872	Trần Kim	Ngân	1989	305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2873	Đoàn Thanh	Son	1981	305/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2874	Đoàn Thị Tố	Loan	09/7/1983	306/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2875	Đỗ Ngọc	Thùy	1980	306/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2876	Nguyễn Thị Diễm	Phương	1984	307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2877	Khuru Thị Giao	Linh	1979	308/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2878	Phạm Lý	Tường	20/01/1988	309/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2879	Nguyễn Kim	Ngọc	1985	309/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2880	Nhan Minh	Trí	11/10/1991	31/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
2881	Đình Công	Toàn	19/01/1994	310/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2882	Nguyễn Huỳnh Thu	Tâm	1989	310/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2883	Huỳnh Thị Dịu	Vàng	08/8/1994	311/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2884	Hồ Thị Cẩm	Vân	1983	311/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2885	NGUYỄN VŨ HOÀNG	TRANG	06/02/1991	312/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2886	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1981	312/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2887	Nguyễn Thị Thúy	Kiều	08/3/1990	313/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2888	Nguyễn Thị	Nhip	1981	313/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2889	Phạm Thị Ngọc	Diễm	10/7/1985	314/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2890	Phan Văn	Lắm	1984	314/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2891	Đặng Thị Ngọc	Diễm	13/10/1982	315/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2892	Lê Hoàng Trúc	Lâm	19/01/1989	316/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2893	Lê Huỳnh Tú	Thi	1986	316/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2894	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	09/01/1991	317/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2895	Huỳnh Thị	Hường	1978	317/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2896	Lê Thị Thanh	Lan	10/4/1992	318/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2897	Mai Văn	Khải	1954	318/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2898	Lê Thị Phương	Hằng	20/11/1994	319/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2899	Trần Duy	Trinh	1977	319/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2900	Nguyễn Thị Ngọc	Lành	02/5/1990	32/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2901	Phạm Kim	Loan	1985	32/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2902	Nguyễn Thị	Phi	1960	320/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2903	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	10/4/1982	321/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2904	Nguyễn Vĩnh	Hải	1965	321/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2905	Trần Thị Viễn	Khuyên	08/11/1990	322/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
2906	Nguyễn Thị	Nhường	1980	322/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2907	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	18/7/1993	323/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2908	Nguyễn Minh	Hải	1977	324/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2909	Trần Thị Thu	Trang	1982	324/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2910	Võ Thị Mỹ	Duyên	05/5/1980	326/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2911	Nguyễn Thị	Huê	1983	326/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2912	Trần Thị Thùy	Dương	08/9/1994	327/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2913	Mai Thị Mỹ	Dung	1967	327/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2914	Ngô Thanh	Phương	20/11/1987	329/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2915	Trần Thị Thanh	Tuyền	01/01/1984	33/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2916	Phan Quang	Nhật	1988	330/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2917	Hoàng Thị Quỳnh	My	11/9/1994	331/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2918	Lê Kim	Sang	14/11/1982	332/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2919	Hà Thị	Thu	1976	332/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2920	Đình Minh	Huy	06/02/1987	333/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2921	Nguyễn Thị	Liên	02/8/1974	334/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2922	Đặng Văn	Nghĩa	1987	335/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2923	Nguyễn Thanh	Hoài	1987	335/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2924	Trần Văn	Ngon	22/10/1992	336/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2925	Nguyễn Thanh	Tài	1987	336/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2926	Trần Hữu	Thiện	1974	337/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2927	Nguyễn Thanh	Tuấn	1987	337/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2928	Nguyễn Thành	Thảo	19/11/1985	339/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2929	Trần Kim	Hoàng	1954	339/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
2930	Ngô Hoàng	Anh	12/5/1985	34/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2931	Trần Hữu	Nghĩa	1987	34/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2932	Nguyễn Thị	Thơm	10/01/1986	340/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2933	Bùi Nguyễn Cẩm	Tú	1983	340/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2934	Đỗ Minh	Huệ	11/11/1972	341/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2935	Huỳnh Thị	Thúy	1988	341/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2936	Võ Thị Kim	Liên	16/7/1970	342/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2937	Nguyễn Ngọc	Ánh	10/9/1991	343/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2938	Ngô Cao	Quát	1960	343/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2939	Huỳnh Tú	Loan	06/9/1989	344/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2940	Trần Thị Minh	Diễm	19/11/1993	345/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2941	Võ Hữu	Chí	1989	345/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2942	Lê Thị Hồng	Nhiên	07/10/1993	346/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2943	Trần Thị Ngọc	Bích	1982	346/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2944	Lê Thị Quỳnh	Thư	11/3/1985	347/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2945	Võ Phúc	Hữu	1988	347/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2946	Hồ Thị Thúy	An	15/6/1991	348/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2947	Diệp Hồng	Tân	1985	348/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2948	Huỳnh Ngọc	Cương	02/10/1990	349/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2949	Lương Thị Bé	Mười	1978	349/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2950	Phùng Thanh	Thương	18/01/1994	35/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2951	Trần Kim	Quyển	1956	35/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2952	Đàm Tuyết	Nhung	1984	350/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2953	TRẦM PHƯỚC	HUÔNG	16/9/1993	351/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2954	Nguyễn Thị	Ghi	20/12/1994	352/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2955	Lê Thị Hồng	Hoa	1988	353/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2956	Bùi Thanh	Phong	1972	353/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2957	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	25/9/1995	354/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2958	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1983	354/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
2959	Nguyễn Quốc	Nam	24/9/1988	355/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2960	Hồ Thị Ngọc	Trang	1985	355/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
2961	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	02/3/1994	356/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2962	Nguyễn Văn	Lợi	1987	358/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2963	Huỳnh Thị Minh	Thư	16/3/1983	359/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
2964	Võ Thị Lệ	Huyền	1968	359/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2965	Trần Phương	Thảo	01/5/1993	36/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2966	Võ Thị Thanh	Lan	1978	36/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
2967	NGUYỄN TRUỜNG	THI	28/7/1996	360/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2968	Trần Nhật	Linh	1987	360/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2969	Nguyễn Thị	Hiệp	27/4/1983	361/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2970	Lê Thị Anh	Đào	1988	362/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2971	Trần Thanh	Triều	20/7/1985	363/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2972	Lê Văn	Nu	1982	363/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2973	Nguyễn Kim	Uyên	1991	364/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2974	Huỳnh Thị Diễm	Trang	24/3/1989	365/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2975	Trần Đỗ Mộng	Huyền	1986	365/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2976	Trần Thị Mỹ	Tiên	03/4/1992	366/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2977	Huỳnh Kim	Đón	1988	366/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2978	Lê Ngọc Mỹ	Duyên	16/6/1994	367/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2979	Phạm Ngọc	Thơ	12/5/1972	368/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
2980	Lê Thu	Thảo	08/11/1994	369/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2981	Lương Thị	Kiều	1976	369/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2982	TRẦN THỊ BÍCH	TUYỀN	27/8/1987	37/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
2983	Huỳnh Thanh	An	28/10/1993	370/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2984	Nguyễn Văn	Thống	1967	370/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2985	Nguyễn Thị Trúc	Phương	02/11/1993	371/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2986	Đào Thanh	Thái	1989	371/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2987	Võ Thị Ngọc	Huyền	24/8/1993	372/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2988	Nguyễn Trung	Cang	1978	372/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2989	Trần Thị Ngọc	Anh	01/02/1987	373/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2990	Nguyễn Thị Thanh	Tùng	1968	373/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2991	Nguyễn Diễm	Phú	20/02/1986	374/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2992	Nguyễn Quốc Trung	Vinh	1981	374/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2993	Trần Thị Bích	Ngọc	10/11/1994	375/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2994	Nguyễn Trung	Phú	1957	375/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2995	Trần Thanh	Vân	18/01/1989	376/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2996	Võ Thị Hồng	Thảo	1988	376/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2997	Nguyễn Kim	Hiền	20/9/1991	377/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
2998	Lê Thị Diệu	Hiền	1970	377/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
2999	Nguyễn Thanh	Tuyền	22/02/1990	378/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3000	PHẠM PHƯỚC	TRUNG	07/5/1983	379/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3001	Nguyễn Thị Khánh	Đoan	1988	379/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3002	Nguyễn Thị Trúc	Phương	19/01/1992	38/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3003	Trần Thị	Thúy	1967	38/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3004	Trần Thị Hương	Thùy	17/8/1990	380/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3005	Nguyễn Thị Mai	Nương	1982	380/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3006	Nguyễn Thanh	Dũng	26/5/1984	381/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3007	Đặng Thu	An	18/8/1981	382/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3008	Nguyễn Chí	Linh	1982	382/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3009	Nguyễn Thị Trúc	Hà	15/3/1993	383/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3010	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1982	383/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3011	Phạm Thị Bích	Hạnh	1980	384/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3012	Trần Thị Trúc	Mai	10/3/1994	385/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3013	Nguyễn Văn	Bánh	1986	385/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3014	Ngô Diễm	Thúy	21/02/1967	387/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3015	Bùi Thị Mỹ	Hương	1982	387/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3016	Phạm Thị Hương	Sen	1982	388/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3017	Trần Thị Đoan	Trang	30/10/1986	389/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3018	Nguyễn Trọng	Tín	1980	389/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3019	Trần Thị Hương	Giang	06/6/1993	39/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3020	Lê Nhã	An	1983	39/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
3021	Võ Thị Thùy	Trang	1992	390/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3022	Phạm Thành	Dương	1984	390/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3023	Nguyễn Hiếu	Thuận	25/06/1979	391/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3024	Lê Thị Ngọc	Dung	1976	391/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3025	Trương Thị Thanh	Tâm	02/12/1985	392/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3026	Võ Hoàng	Nhanh	1980	392/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3027	Nguyễn Minh	Nhì	19/12/1987	393/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3028	Nguyễn Mỹ	Phượng	1979	393/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3029	Nguyễn Thị Xuân	Vinh	27/01/1983	394/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3030	Nguyễn Hồng	Thoại	1982	394/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3031	Dương Kim	Cúc	15/03/1984	395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3032	Phạm Ngọc	Ảnh	1986	395/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3033	PHẠM NGUYỄN THANH	LIÊM	04/8/1992	396/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3034	Trần Hoài	Hận	1981	396/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3035	Trần Nguyễn Bình	An	03/4/1981	397/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3036	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	16/02/1989	398/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3037	Nguyễn Hải	Đặng	1985	399/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3038	Lê Thanh	Bách	1990	399/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3039	TRẦN THỊ TUYẾT	NHUNG	13/9/1982	40/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3040	Lê Thị Tường	Vi	1983	40/ĐT-CCHND	Đại lý bán lẻ thuốc
3041	Nguyễn Phó	Vân	1993	400/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3042	Trần Phạm Huy	Vũ	1964	400/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3043	Trần Phúc Diễm	Trinh	28/8/1993	401/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3044	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1976	401/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3045	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	01/01/1986	402/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3046	Phạm Sơn	Giang	1983	402/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3047	Nguyễn Minh	Thông	25/11/1990	403/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3048	Nguyễn Thị Ngọc	Liên	1980	403/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3049	Đỗ Thị	Lụa	15/7/1993	404/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3050	Nguyễn Thị Phương	Trang	1979	404/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3051	Phan Minh	Hòa	04/10/1991	405/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3052	Huỳnh Thị Hồng	Nhung	26/9/1993	406/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3053	Nguyễn Tấn	Đạt	1984	406/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3054	Trần Thị An	Trinh	07/6/1978	407/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3055	Ngô Ngọc	Muội	08/5/1994	408/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3056	Nguyễn Xuân	Lan	1984	408/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3057	Phạm Thị Kiều	Mai	1981	409/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3058	Trương Phước	Điện	20/6/1981	41/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3059	Ngô Hồng	Son	1980	410/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3060	Phạm Kim	Ngọc	1986	410/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3061	Trương Duy	Nhân	22/5/1977	411/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3062	Phạm Thị	Giàu	1980	412/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3063	Nguyễn Ngọc	Duyên	1981	412/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3064	Hồ Thị Kim	Hương	18/11/1970	413/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
3065	Trần Thị Hồng	Phượng	1978	413/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3066	Nguyễn Thị	Đúng	1963	415/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3067	Bùi Thị	Lợi	1959	415/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3068	VÕ THỊ THU	BÍCH	22/4/1983	416/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3069	Đặng Minh	Son	1983	416/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3070	NGUYỄN THỊ DIỆU	HIỀN	19/5/1991	417/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3071	Lê Nguyễn Huỳnh	Anh	1990	417/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3072	Tô Nữ Ngọc	Trinh	28/5/1982	418/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3073	Đặng Thị Hồng	Vân	17/9/1993	419/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3074	Đặng Hoàng	Anh	1987	419/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3075	PHAN THỊ KIM	THÙY	20/5/1991	42/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3076	Nguyễn Thị	Thoa	1970	42/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3077	Nguyễn Văn	Thuận	13/8/1977	420/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3078	Phạm Thị Thanh	Loan	27/4/1984	421/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3079	Lê Thị Lâm	Chúc	1986	421/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3080	Trần Thị Thu	Hường	15/9/1976	422/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3081	Phan Đại	Lãnh	1988	422/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3082	Dương Minh	Hiếu	10/10/1970	423/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3083	Nguyễn Bá	Tông	1964	423/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3084	Nguyễn Thị Hoàng	Dung	15/8/1994	424/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3085	Huỳnh Anh	Kiệt	1983	424/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3086	Nguyễn Hồ Xuân	Thanh	28/10/1995	425/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3087	Lê Văn	Toàn	20/5/1974	426/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3088	Nguyễn Thị Vân	Nhi	21/12/1993	427/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3089	Võ Thị Cẩm	Trinh	1980	427/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3090	NGUYỄN THỊ NGÂN	HÀ	24/11/1990	428/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3091	Phùng Khắc	Minh	1951	428/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3092	Đỗ Chiêu	Bình	09/6/1992	429/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3093	Nguyễn Thị Anh	Đào	1980	429/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3094	Nguyễn Văn	Tỳ	1969	430/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3095	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	10/12/1987	431/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3096	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1978	431/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3097	Huỳnh Tiêu	Phương	20/11/1995	432/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3098	Trần Phúc Vinh	Quang	1990	432/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3099	Lê Trung	Nguyên	16/7/1995	433/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3100	Đỗ Thị Ngọc	Thơ	1981	433/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3101	Võ Thị	Tuyền	01/01/1993	434/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3102	Nguyễn Thị Kim	Quyên	1985	434/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3103	NGUYỄN KIM HƯƠNG	THẢO	29/7/1990	435/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3104	Trần Thị Thu	Thùy	1984	435/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3105	Nguyễn Thị Thúy	Quyên	07/5/1989	436/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3106	Nguyễn Thị Thanh	Bình	1985	436/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3107	Nguyễn Mai Ngọc	Uyên	01/7/1993	437/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3108	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	1987	437/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3109	Lê Thị	Thùy	01/01/1967	438/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3110	Nguyễn Phát	Huy	1987	438/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3111	Nguyễn	Dũng	02/4/1986	439/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3112	Cao Phước	Hải	02/3/1973	44/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3113	Lê Thị Hồng	Vân	1985	44/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3114	Bùi Thị Diễm	Thu	10/12/1979	440/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3115	Lê Thị Kim	Cương	1990	440/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3116	NGUYỄN THANH	THUẬN	21/3/1982	441/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3117	Nguyễn Thị Diễm	Tú	1990	441/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3118	Võ Trí	Thông	25/5/1905	442/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3119	Phạm Thị Thanh	Phương	20/11/1994	443/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3120	Đỗ Thị	Kiều	1985	443/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3121	Nguyễn Quang	Hiển	17/01/1975	444/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3122	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	16/11/1995	445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3123	Trần Hoàng	Lâm	1985	445/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3124	Võ Minh	Thư	10/12/1984	446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3125	Vũ Thị	Hiển	1967	446/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3126	TRẦN THỊ THÚY	HUỶNH	21/02/1985	447/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3127	Lê Hoàng	Lý	1986	448/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3128	Ngô Minh	Nhật	23/12/1991	449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3129	Quách Thị	Gét	1974	449/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3130	Trần Lê Ngọc	Tuyền	09/6/1975	45/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3131	Trần Thị Ngọc	Dung	1979	45/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3132	Nguyễn Xuân	Trường	15/7/1993	450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3133	Lý Ngọc	Quyên	1988	450/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3134	Mai Thị	Hồng	08/5/1985	451/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3135	Nguyễn Thanh	Thúy	04/8/1986	452/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3136	Trần Thị Mai	Xuân	1985	452/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3137	Trần Thị Tiểu	Mai	25/6/1994	453/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3138	Huỳnh Nhật	Phong	1989	453/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3139	Lê Thị Mai	Quyên	27/02/1996	454/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3140	Võ Thị	Thừa	1986	454/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3141	Huỳnh Thị	Hồng	01/01/1981	455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3142	Lê Qui	Kỳ	1984	456/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3143	Lâm Lệ	Hân	22/4/1991	457/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3144	Bùi Thị	Nhạn	1953	457/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3145	Nguyễn Thị Bé	Huệ	07/6/1990	458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3146	Trương Minh	Tuyết	1973	458/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3147	PHẠM THỊ THÚY	NGỌC	07/02/1996	459/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3148	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	18/3/1992	46/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3149	Trần Minh	Tiến	31/7/1994	460/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3150	Đoàn Nguyễn Thanh	Vũ	1985	460/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3151	NGUYỄN THÀNH	NAM	20/5/1978	461/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3152	Nguyễn Tấn	Khoa	1976	461/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3153	Lê Thị Kim	Sua	18/8/1988	462/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3154	Hà Minh	Trung	1986	462/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3155	Phan Thị Tuyết	Trinh	28/5/1905	463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3156	Võ Thị	Linh	1984	463/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3157	Mai Thị Mỹ	Tiên	21/02/1992	464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3158	Lê Thị Ý	Nhi	29/4/1995	465/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3159	Huỳnh Thị Nguyệt	Ánh	1958	465/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3160	Phạm Thị Thùy	Trang	22/10/1995	466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3161	Trần Anh	Tuấn	17/8/1993	467/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3162	Phạm Thị Thúy	Hằng	1978	467/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3163	Võ Thụy Thùy	Linh	06/10/1983	468/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3164	Hồ Thị Thanh	Phương	1984	468/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3165	Nguyễn Hồng	Thúy	27/6/1967	47/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3166	Nguyễn Thanh	Ngân	1985	47/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3167	Lê Thị Ánh	Thương	20/8/1994	470/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3168	NGUYỄN THỊ ANH	THU	11/3/1990	471/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3169	Nguyễn Hồ Diễm	My	25/3/1991	472/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3170	Trần Thị Mai	Hiền	10/5/1988	473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3171	Lê Thị Trúc	Duyên	1988	474/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3172	Võ Thị Cẩm	Tuyết	1988	475/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3173	Đặng Kim	Anh	09/10/1990	476/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3174	Lý Kim	Lán	1982	476/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3175	Tạ Kiều Phương	Trang	1987	477/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3176	Lý Tài	Lén	1984	477/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3177	Trương Thanh	Tuyết	08/12/1993	478/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3178	Nguyễn Thị Thúy	Phượng	1986	478/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3179	Nguyễn Thị	Thùy	1968	479/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3180	PHAN NGUYỄN HOÀI	VŨ	25/8/1987	48/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3181	Nguyễn Tấn	Dũng	1978	48/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3182	TRẦN THỊ THÚY	DUYÊN	17/02/1994	480/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3183	Nguyễn Ngọc	Án	1982	480/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3184	Đình Thị Thúy	Ngân	04/5/1992	481/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3185	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	07/7/1986	482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3186	Lê Tú	Trình	10/11/1985	483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3187	Nguyễn Ngọc	Thùy	1979	484/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3188	Ung Phước	Mỹ	30/8/1992	485/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3189	Mật Bích	Ảnh	1964	485/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3190	Nguyễn Thị Kim	Anh	13/11/1994	486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3191	Võ Thị	Ngọt	1977	486/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3192	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	09/9/1993	487/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3193	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1980	487/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3194	Nguyễn Văn	Hồng	21/12/1980	488/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3195	Chung Hữu	Khá	10/10/1992	489/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3196	Chung Ngọc	Hồ	1985	489/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3197	Trần Thị Quế	Anh	12/02/1991	49/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3198	Huỳnh Minh	Triết	1970	49/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3199	Lê Huỳnh Thúy	Ngọc	11/02/1994	490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3200	Lê Thị Minh	Ý	1984	490/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3201	Nguyễn Thị Thúy	Vân	29/5/1968	491/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3202	Thạch Quý	Sane	1981	492/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3203	Trần Ngọc	Hòa	1965	492/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3204	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	27/5/1994	493/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3205	Hoàng Hà Duy	Thanh	1985	493/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3206	Võ Thị Hồng	Việt	04/11/1985	494/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3207	Quách Thị Mộng	Tuyền	1970	494/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3208	Võ Văn	Bay	1970	495/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3209	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1981	495/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3210	Thái Thùy	Nga	12/5/1986	496/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3211	Mai Thị Cẩm	Linh	1972	496/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3212	Tô Ngọc Như	Mai	20/02/1993	497/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3213	Nguyễn Văn	Đô	1982	497/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3214	NGUYỄN MINH	TÂN	18/02/1993	498/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3215	Ngô Thị Xuân	Hương	1970	498/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3216	Nguyễn Thị Kim	Ngân	28/3/1993	499/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3217	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	1988	499/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3218	Võ Thị Bảo	Hồng	08/9/1995	50/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3219	Nguyễn Hoàng	Trinh	1984	50/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3220	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	20/7/1995	500/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3221	Nguyễn Thị Trúc	Đào	1990	500/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3222	Phạm Đức	Vinh	1986	501/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3223	Võ Thị Ngọc	Thùy	09/8/1982	502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3224	NGUYỄN THỊ	EM	08/7/1973	503/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3225	Huỳnh Văn	Thảo	1985	503/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3226	Nguyễn Thị	Diễm	1970	504/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3227	Nguyễn Thị	Nhị	10/11/1988	505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3228	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	1983	505/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3229	Nguyễn Thị Huỳnh	Anh	24/12/1996	506/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3230	Nguyễn Minh	Dương	1982	506/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3231	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	1980	507/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3232	Ngô Thị Tuyết	Nhung	1984	507/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3233	Lê Hoàng	Trung	14/3/1978	508/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3234	Tô Cẩm	An	1967	508/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3235	HUỶNH	TRÂM	18/02/1984	509/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3236	Hồ Văn	Lập	1984	51/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3237	Dương Thị Phong	Lan	1978	51/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3238	Nguyễn Tường	Duy	25/12/1991	510/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3239	Đặng Thị Kim	Nha	1984	510/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3240	Nguyễn Ngọc Bảo	An	02/9/1993	511/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3241	Trần Tuấn	Khải	1980	511/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3242	Trần Trung	Trực	20/8/1993	512/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3243	PHẠM TRẦN MAI	VI	14/7/1980	513/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3244	Trần Thị Mai	Lan	1952	513/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3245	Nguyễn Phan Ngọc	Hiền	19/5/1992	514/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3246	Đỗ Nguyễn Thúy	Vi	1982	514/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3247	Trần Thị Kim	Loan	23/2/1987	515/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3248	Dương Thị Xuân	Huyền	1967	515/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3249	Nguyễn Lam	Thanh	11/6/1993	516/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3250	Nguyễn Trọng	Nguyên	1966	516/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3251	Trần Quốc	Chiến	27/3/1993	517/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3252	Nguyễn Huỳnh Thu	Vân	1991	517/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3253	Trương Ngọc	Thiện	1972	518/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3254	Nguyễn Thị Anh	Thảo	10/9/1973	519/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3255	Trương Trị	Thanh	1956	519/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3256	Nguyễn Thị	Ngọc	10/7/1987	52/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3257	Huỳnh Thị Huyền	Anh	1985	52/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3258	Cao Hồng	Thắm	20/8/1992	520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3259	Quách	Ái	1960	520/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3260	Trần Thị Kiều	Diễm	1993	521/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3261	Trương Thanh	Hùng	1959	521/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3262	Nguyễn Thị Thanh	Liên	03/12/1993	522/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3263	Ngô Thị	Dung	1954	522/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3264	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	6/10/1988	523/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3265	Trương Quế	Hoa	1967	523/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3266	Nguyễn Thị Mộng	Phương	11/9/1987	524/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3267	Nghiêm Ái	Quốc	1978	524/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3268	Trần Nguyễn Bích	Ngọc	05/7/1986	525/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3269	Võ Tuấn	Kiệt	1987	525/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3270	Nguyễn Ngọc Minh	Hiếu	01/01/1991	526/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3271	Lê Phương	Hồng	20/01/1993	527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3272	Quách Tuyết	Chi	1976	527/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3273	Nguyễn Minh	Pháp	10/12/1982	528/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3274	Lý Thị Nhựt	Phượng	1968	528/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3275	NGUYỄN MỘNG	HIỀN	05/9/1992	529/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3276	Phan Thị	Thùy	1967	529/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3277	ĐÀO NGỌC	TRAI	16/5/1991	53/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3278	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1984	53/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3279	Phạm Thị Tú	Quyên	21/01/1994	530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3280	Nguyễn Trung	Trúc	1969	530/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3281	Lâm Minh	Viễn	1962	531/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3282	Huỳnh Mông	Tuyền	1985	532/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3283	Nguyễn Thị Huệ	Minh	18/09/1995	533/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3284	Võ Thị	Hạnh	1980	533/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3285	Lê Thị Anh	Đào	1981	534/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3286	Lê Thị Diệu	Liên	10/7/1995	535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3287	Lê Thành	Nhon	1979	535/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3288	Nguyễn Thị Minh	Sương	25/11/1985	536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3289	Võ Thị Tấn	Thị	1959	536/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3290	Ngô Hòa	Nhân	1971	537/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3291	Trần Thị Xuân	Định	1995	538/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3292	Phạm Thị Thanh	Hương	1983	538/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3293	Lâm Thị Bạch	Tuyết	25/07/1989	539/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3294	Nguyễn Văn	Phương	1980	539/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3295	Nguyễn Trung	Tín	14/11/1993	54/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3296	Phạm Thị Hồng	Gấm	1988	54/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3297	Lê Thị Bích	Trâm	12/12/1990	540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3298	Võ Thị Mai	Thảo	29/04/1978	541/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3299	Phan Thị Bích	Phi	10/07/1982	542/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3300	Võ Văn Vũ	Linh	1991	542/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3301	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	25/12/1993	543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3302	Đặng Thị Trúc	Ly	1989	543/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3303	Nguyễn Văn	Giang	31/12/1991	544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3304	Bành Thị Thu	Ấn	1974	544/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3305	Tổng Hoàng	Dương	21/07/1994	545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3306	Lương Thị	Mỹ	29/11/1995	546/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3307	Nguyễn Thị Hạ	Quyên	30/9/1993	547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3308	Vương Nguyễn Yến	Oanh	1984	548/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3309	Huỳnh Thanh	Tuấn	1971	549/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3310	Nguyễn Thị Bé	Ngọc	01/6/1994	55/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3311	NGUYỄN THỊ	DIỄM	01/01/1985	550/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3312	Huỳnh Thanh	Hải	1969	550/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3313	Nguyễn Thành	Phương	15/04/1985	551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3314	Hà Thị Như	Chuyên	30/4/1984	552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3315	Huỳnh Văn	Toàn	01/01/1990	553/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3316	Trần Duy	Phương	1984	553/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3317	Võ Thị Hồng	Diệu	30/07/1993	554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3318	Lâm Thị	Hằng	1983	554/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3319	Lương Thị Ánh	Tuyết	16/03/1993	555/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3320	Lê Nguyễn Tuấn	Anh	1979	555/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3321	Nguyễn Từ Thế	Bảo	24/3/1993	556/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3322	Trần Thị Kim	Oanh	1987	556/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3323	ĐỖ THỊ MỸ	TIẾNG	28/3/1984	557/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3324	Phan Thị Phước	Tâm	1984	557/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3325	Nguyễn Minh Thanh	Uyên	04/8/1992	558/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3326	Phạm Thị Hồng	Vân	1981	558/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3327	NGUYỄN THỊ QUỲNH	THU	23/12/1990	559/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3328	Nguyễn Thị Diễm	Hương	04/02/1993	56/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3329	Huỳnh Hoàng Dung	Anh	1979	56/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3330	Đặng Quý	Cường	13/8/1990	560/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3331	Cao Sĩ	Lợi	1977	560/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3332	Lê Thị Bích	Liên	22/7/1989	561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3333	Huỳnh Thị Thùy	Duyên	1983	561/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3334	Nguyễn Văn	Hoàng	1967	562/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3335	Huỳnh Thời	Nhiệm	1983	562/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3336	Phạm Thị Kiều	Yên	23/8/1993	563/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3337	Phan Thị Hồng	Diễm	20/01/1986	564/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3338	Trương Hoàng	Sử	1962	565/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3339	Nguyễn Phạm Hải	Minh	1991	566/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3340	Cao Văn	Đáng	1965	566/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3341	Nguyễn Kim	Đang	1990	567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3342	Đoàn Thanh	Ngọc	1987	567/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
3343	ĐOÀN VĂN	PHỤNG	1996	568/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3344	LÊ HOÀNG	GIANG	28/10/1984	569/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3345	Phạm Huy	Vũ	1980	569/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3346	Trần Thị Hồng	Hạnh	08/8/1987	57/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3347	Phạm Thị	Sáu	1965	57/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3348	Hồ Phạm Ngọc	Hiền	1971	570/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3349	Nguyễn Đăng	Khoa	1991	570/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3350	Trần Thị Thiên	Trang	09/02/1995	571/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3351	Huỳnh Thị	Nhờ	1979	571/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3352	Huỳnh Phú	Hiền	01/02/1988	572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3353	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	1981	572/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3354	Nguyễn Văn	Tòng	1969	573/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3355	Võ Văn	Tường	1934	573/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3356	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	10/09/1990	574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3357	Lê Thị Thu	Hồng	1967	574/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3358	Bùi Thị Ngọc	Thanh	1985	575/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3359	Hồ Thế	Cường	1989	576/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3360	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1969	576/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3361	Nguyễn Thị Tuyết	Thanh	1984	577/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3362	Nguyễn Thị Ngọc	Lý	1990	578/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3363	Nguyễn Thị Thùy	Linh	1984	578/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3364	Trần Thị Hải	Yến	30/7/1994	579/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3365	Ngô Thanh	Sang	12/11/1993	58/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3366	Nguyễn Thị Huệ	Thanh	08/4/1991	580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3367	Nguyễn Văn Vĩnh	Thụy	1969	580/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3368	Nguyễn Cao Thanh	Mỹ	18/7/1993	581/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3369	Lâm Minh	An	1948	581/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3370	Nguyễn Thị Diễm	My	18/8/1995	582/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3371	Đỗ Nam	Quan	1973	582/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3372	Lý Thị	Trang	1996	583/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3373	Hồ Thị Bạch	Vân	1969	583/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3374	Lý Quế	Nhi	03/10/1986	584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3375	Mai Phương	Hồng	1988	584/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3376	Lý Ngọc	Trâm	29/9/1992	585/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3377	Nguyễn Thị Tường	Vân	02/5/1994	586/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3378	Nguyễn Thị Kim	Thúy	1960	586/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3379	LÊ THỊ XUÂN	MAI	25/01/1981	587/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3380	Nguyễn Thị Hồng	Nga	1965	587/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3381	Huỳnh Thị Ngọc	Hạnh	1981	588/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3382	Nguyễn Thành	Long	1977	588/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3383	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	1977	589/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3384	Nguyễn Thị	Khoán	1989	589/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3385	Lê Ngọc	Trình	08/3/1990	59/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3386	Nguyễn Thị	Loan	1979	59/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3387	Lương Thị Cẩm	Thu	14/02/1975	590/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3388	Hồ Lê Bảo	Ngọc	15/9/1993	591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3389	Đặng Hữu	Hòa	1988	591/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3390	Ngô Đắc	Tâm	25/6/1993	592/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3391	Nguyễn Ngọc	Hà	19/10/1993	593/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3392	Lê Thị Thuý	Mỹ	17/11/1993	594/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3393	Lê Phạm Đỗ	Quyên	1987	594/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3394	Nguyễn Trần	Chinh	1987	595/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3395	Nguyễn Văn	Thành	29/3/1988	596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3396	Lê Thị Ngọc	Hân	1983	596/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3397	HỒ THỊ XUÂN	MAI	01/8/1987	597/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3398	Nguyễn Thị	A	1968	598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3399	Nguyễn Hoàng	Phúc	1988	598/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3400	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	25/9/1996	599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3401	Nguyễn Thị	Phi	1985	599/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3402	LÊ CÔNG	TRẠNG	12/10/1981	60/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3403	Tông Thị	Chọn	1965	60/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3404	Nguyễn Lê Anh	Hậu	1983	600/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3405	Ngô Thế	Dinh	1984	600/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3406	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHUƠNG	10/3/1993	601/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3407	Phạm Văn	Vũ	1988	601/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3408	Nguyễn Hoàng	Giang	1987	602/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3409	Trương Thị	Xiều	1978	602/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3410	Võ Phước	Toàn	08/6/1992	603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3411	Cao Thị	Hạnh	1979	603/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3412	Nguyễn Hải	Đặng	1991	604/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3413	Nguyễn Văn	Biển	1969	604/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3414	Nguyễn Phước	Thuận	24/8/1993	605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3415	Nguyễn Văn Kế	Tám	1961	605/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3416	Nguyễn Đắc	Thắng	20/11/1983	606/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3417	Huỳnh Trung	Chánh	1947	606/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3418	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	19/11/1989	607/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3419	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	1968	607/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3420	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	1985	608/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3421	Nguyễn Văn	Hòa	1981	608/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3422	Đình Văn	Chí	1986	609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3423	Trần Văn	Hùng	1975	609/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3424	Trần Trọng	Nhân	11/8/1989	61/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3425	Nguyễn Trọng	Hiếu	1986	61/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3426	Nguyễn Ngọc	Nhị	15/11/1981	610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3427	Nguyễn Đăng	Hiếu	1986	610/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3428	Nguyễn Thị Bích	Ngân	1986	611/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3429	Lê Thị Hồng	Hà	1985	611/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3430	Lê Khánh	Dương	24/7/1993	612/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3431	Võ Thị	Hạnh	1984	612/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3432	Nguyễn Thị	Nhanh	05/10/1966	613/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3433	Lý Văn	Dũ	1984	613/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3434	Trần Trung	Hiếu	1986	614/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3435	Nguyễn Tấn	Khương	1985	615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3436	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	1983	615/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3437	Lê Thị Tường	Vi	25/9/1991	616/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3438	Nguyễn Thành	Tuân	1982	616/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3439	Lê Thị Thiên	Thảo	15/02/1994	617/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3440	Thái Thị Thoại	Hoa	20/8/1994	618/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3441	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	07/3/1994	619/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3442	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	1982	619/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3443	BÙI THỊ NGỌC	TRINH	22/11/1983	62/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3444	Cao Quốc	Việt	1982	62/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3445	Nguyễn Thị Huỳnh	Giao	09/02/1992	620/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3446	Phạm Thị Vũ	Hoàng	26/11/1963	621/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3447	Nguyễn Thị	Thường	1960	621/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3448	Kiều Minh	Tuấn	29/01/1987	622/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3449	Nguyễn Thị Diễm	Thúy	1985	623/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3450	Trần Văn	Đàn	1967	623/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3451	Nguyễn Phước	Tài	19/02/1992	624/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3452	Phan Thị	Nhớ	1988	624/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3453	Nguyễn Lê Bảo	Trần	22/09/1994	625/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3454	Huỳnh Quang	Đạo	1990	625/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3455	Lại Hoàng	Mai	1967	626/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc (dược chất, tá dược, vỏ nang)
3456	Lâm Hoàng	Thơ	01/10/1993	627/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3457	Nguyễn Văn	Theo	1985	627/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3458	Phù Thị Thư	Thư	11/8/1994	628/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3459	Phạm Thị Kiều	Diễm	1967	628/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3460	Đoàn Hữu	Phước	11/10/1990	629/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3461	Nguyễn Bích	Hiền	1982	629/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3462	Nguyễn Thanh	Thùy	02/6/1905	63/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3463	Trương Hữu	Nhân	20/6/1987	630/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3464	Nguyễn Phúc	Thịnh	03/5/1989	631/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3465	Bùi Thị Hoàng	Yến	1989	631/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3466	Huỳnh Thị	Liễu	06/6/1964	632/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3467	Lê Thu	Minh	06/9/1987	633/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc, dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
3468	Nguyễn Lâm Hiếu	Thào	03/11/1993	634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3469	Bùi Duy	Linh	20/8/1993	635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3470	Nguyễn Kiều	Nhung	1983	635/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3471	Trần Thành	Phúc	12/12/1990	636/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3472	Đỗ Minh	Vương	1987	636/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc
3473	Nguyễn Ngân	Giang	1988	637/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3474	Trần Mỹ	Ngọc	1953	637/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3475	Lê Thị Bích	Nga	1982	638/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3476	Đỗ Hữu	Lộc	17/8/1989	639/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3477	Nguyễn Thị Thúy	Oanh	1970	639/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3478	Bùi Thị Tố	Nga	10/8/1956	64/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3479	Trần Thôi	Nhược	1972	64/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3480	Nguyễn Hữu Phú	Quốc	1989	640/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3481	Huỳnh Phước	Nguyên	1986	640/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3482	Vương Trường	Viên	9/11/1985	641/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3483	Lý Thị Mỹ	Loan	1981	642/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3484	Nguyễn Bá	Trường	15/02/1983	643/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3485	Phan Ngọc	Xuyến	1984	643/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3486	Nguyễn Bùi Thảo	Nguyên	04/07/1996	644/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3487	Huỳnh Nguyễn Đông	Oanh	1983	645/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3488	Phan Thị Bích	Tài	1980	645/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3489	Lê Hoài	Nhân	1993	646/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3490	Võ Thị	Lọt	1972	646/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3491	Nguyễn Đăng Sao	Khuê	17/6/1993	647/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3492	Bùi Thanh	Sang	1985	647/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3493	Nguyễn Mỹ	Kin	13/11/1988	648/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3494	Nguyễn Thành	Nhân	01/7/1992	649/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3495	Võ Thành	Hải	1976	649/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3496	Nguyễn Văn	Hậu	02/3/1965	65/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3497	PHAN VĂN TẤN	EM	1988	650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3498	Lê Văn	Nghĩa	1988	650/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3499	Nguyễn Thị Hồng	Vân	1985	651/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3500	Đặng Thị	Hiền	1956	651/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3501	Đào Thị Diễm	Kiều	1978	652/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3502	Phạm Tú	Anh	14/10/1990	653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3503	Phạm Hồng	Hương	1965	653/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3504	Trương Thị Mỹ	Chi	12/02/1994	654/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3505	Nguyễn Thị	Trinh	1984	654/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3506	Trương Thị Huỳnh	Như	30/4/1990	655/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3507	Cao Minh	Huy	1979	655/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3508	Nguyễn Minh	Đức	10/02/1997	656/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3509	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	656/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3510	Nguyễn Nhật	Triết	05/12/1993	657/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3511	HUỶNH THỊ	LỰU	01/01/1986	658/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3512	Lâm Thị Ngọc	Thúy	1984	658/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3513	Đường Thị Diệu	Hiển	1988	659/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
3514	Nguyễn Thanh	Tuấn	1988	659/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3515	Nguyễn Thị	Bé	03/7/1966	66/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3516	Phan Thị	Thúy	1979	66/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3517	Lê Thị Lệ	Hằng	10/10/1992	660/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3518	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1972	661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3519	Trịnh Cẩm	Tú	1987	662/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3520	Hồ Thị Như	Tuyền	08/02/1976	663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3521	Nguyễn Văn Thanh	Anh	1997	664/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3522	Đặng Khánh	Thúy	19/5/1992	665/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3523	Nguyễn Thị Mỹ	Quyển	1984	665/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3524	Nguyễn Hồ	Trọng	27/9/1990	666/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3525	Trần Thị Bích	Liên	1980	666/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3526	Hồ Thị Bích	Vân	10/11/1965	667/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3527	Bùi Thị Minh	Thư	1990	667/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3528	Nguyễn Trần Khánh	Tuyền	21/01/1985	668/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3529	Nguyễn Thanh	Phong	1984	668/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3530	Võ Thị Huyền	Chi	17/12/1978	669/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3531	Lê Minh	Kiệt	1972	669/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3532	PHAN QUANG PHƯỚC	LỘC	01/9/1988	67/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3533	Đỗ Anh	Tuấn	1983	67/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3534	Trần Lâm Mỹ	Liên	28/02/1988	670/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3535	Lê Thị Ái	Vân	1967	670/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3536	Trần Thị	Phuong	1984	671/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3537	Phạm Quốc	Huy	02/9/1996	672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3538	Trần Hữu	Tính	1982	672/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3539	Nguyễn Hòa	Bình	05/11/1980	673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3540	Trần Hữu	Tài	1974	673/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3541	Nguyễn Ngọc	Kiều	15/7/1989	674/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3542	Đặng Văn	Luận	1982	674/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3543	Nguyễn Thanh	Sang	1985	675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3544	Bùi Thị Tuyết	Minh	25/02/1977	676/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3545	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	11/01/1992	677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3546	Đỗ Thị Kim	Thoa	1965	677/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3547	Nguyễn Thị	Mai	1966	678/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3548	Nguyễn Thị	Điệp	1986	678/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3549	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	25/12/1987	679/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3550	Đoàn Nhị	Giang	1968	679/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3551	Trần Thị	Nguyệt	30/8/1959	68/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3552	Nguyễn Trinh	Nữ	16/8/1993	680/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3553	Phạm Thị Thanh	Thảo	1979	680/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3554	Đàm Thị Thiên	Hương	13/7/1992	681/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3555	Trần Ngọc	Thùy	1984	681/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3556	Trần Minh	Duy	06/7/1989	682/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3557	Đỗ Tuyết	Nhung	1967	682/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3558	Nguyễn Thị Ngọc	Bích	1979	683/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3559	Phan Thị Ngọc	Hạnh	1971	683/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3560	Võ Nguyễn Thị Tuyết	Duyên	21/9/1987	684/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3561	Nguyễn Thành	Lợi	1968	684/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3562	Phan Thị Diễm	Ngọc	08/7/1993	685/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3563	Nguyễn Phước	Hiển	1983	685/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3564	Lê Thị Kim	Phượng	02/7/1962	686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3565	Lê Kim	Duyên	1989	686/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3566	TƯỜNG THỊ THANH	VI	30/01/1993	687/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3567	Lê Thị Hồng	Loan	1986	687/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3568	Nguyễn Thị	Mỹ	10/8/1984	688/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3569	Nguyễn Văn	Tý	1971	688/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3570	Nguyễn Văn	Tâm	30/6/1980	689/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3571	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	1985	689/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3572	Lục Ngọc Liên	Hoa	24/11/1987	69/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3573	Nguyễn Lê Thúy	Như	17/6/1996	690/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3574	Nguyễn Tố	Anh	1984	690/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3575	Đặng Thành	Lợi	06/7/1994	691/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3576	Lê Thị Tuyết	Hoa	1983	691/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3577	Châu Thị	Tốt	19/4/1983	692/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3578	Nguyễn Thị Hồng	Cúc	1980	692/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3579	Lê Thạch	Xuyên	25/7/1993	693/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3580	Nguyễn Phi	Hùng	1988	693/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3581	Nguyễn Thị Tố	Uyên	02/3/1996	694/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3582	Nguyễn Thị Bích	Thảo	1987	694/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3583	Lê Hồng	Thái	1982	695/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3584	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	03/4/1993	696/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3585	Vũ Thị	Tươi	1964	696/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3586	Bùi Thị Thúy	Kiều	19/12/1994	697/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3587	Phạm Quang	Tuấn	1971	697/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3588	Ngô Văn	Ba	1988	698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3589	Trần Duy	Thanh	1971	698/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3590	Lê Quốc	Sử	25/10/1996	699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3591	Nguyễn Văn	Chen	1973	700/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3592	Trần Thị Túy	Hoa	1952	700/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3593	Trần Trung	Thành	05/4/1993	701/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3594	Võ Văn	Hải	1982	701/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3595	Nguyễn Thị Thùy	Linh	04/11/1989	702/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3596	Dương Châu Hòa	Bình	1975	702/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3597	Nguyễn Văn	Thuận	1996	703/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3598	Trần Anh	Vũ	1982	703/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3599	Nguyễn Tuyết	Lan	1977	704/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3600	Nguyễn Hoàng	Trung	1989	704/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3601	Lê Thị	Thắm	1988	705/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3602	Đình Hoàng	Nhã	1983	705/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3603	DƯƠNG VĂN	PHÁP	1985	706/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3604	LÂM THỊ	KIỀU	05/3/1983	707/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3605	Nguyễn Phương	Lan	24/4/1995	708/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3606	Nguyễn Đắc	Khoa	1982	709/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3607	Nguyễn Thị Cẩm	Hằng	04/3/1992	71/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3608	Nguyễn Văn	Dạ	1981	71/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3609	Nguyễn Thị Bích	Liên	30/12/1994	710/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3610	Lê Thị	Thơm	1985	710/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3611	Trần Thị Bích	Ngọc	27/7/1992	711/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3612	Nguyễn Ngọc	Hân	1987	711/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3613	Trần Thị Huỳnh	Như	23/01/1997	712/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3614	Võ Kim	Tuyển	1972	712/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3615	Lê Quốc	Khương	1965	713/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3616	Nguyễn Thị Thùy	Trang	29/6/1996	714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3617	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	10/02/1996	715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3618	Ngô Phước	Tòng	1985	715/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3619	Võ Trung	Nguyên	13/4/1996	716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3620	Lương Văn	Vui	1983	716/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3621	Lương Thị Diễm	Trang	02/12/1996	717/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3622	Lê Thị Trọng	Lý	1986	717/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3623	Ngô Thị Kim	Vàng	16/02/1995	718/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3624	Ngô Hữu	Phú	05/10/1994	719/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3625	Bùi Thị Mộng	Thu	1983	719/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3626	Nguyễn Tấn	Lưu	01/01/1978	72/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3627	Nguyễn Văn	Queel	1988	72/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3628	Trương Thị	Én	10/3/1984	720/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3629	Nguyễn Thị Yến	Phượng	1987	720/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3630	Nguyễn Thiện	Dương	20/3/1996	721/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3631	Đình Minh	Điện	04/8/1983	722/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3632	HUỲNH THỊ KIM	LIÊU	15/01/1983	723/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3633	Phạm Thị Mỹ	Phượng	27/12/1980	724/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3634	Hồ Ngọc	Giàu	1970	724/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3635	Hứa Thị Hồng	Ngân	02/8/1980	725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3636	Hà Thị Thanh	Thúy	1981	726/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
3637	Dương Thị Thùy	Dương	24/9/1989	727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3638	Nguyễn Thị Phương	Lan	1985	727/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3639	Nguyễn Xuân	Thào	05/02/1995	728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3640	Nguyễn Quốc	Đạt	1979	728/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3641	Tô Thanh	Di	1984	729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3642	Trần Ý	Nhi	1985	729/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3643	Thái Thị Thúy	Ngân	01/11/1992	73/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Được	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3644	Lưu Đức	Linh	1986	73/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3645	Nguyễn Kim	Thoa	1984	730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3646	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	1988	730/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3647	Huỳnh Văn Nguyễn	Em	1987	731/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3648	Võ Thị	Diệu	1976	731/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3649	Đặng Thị Hồng	Liên	1981	732/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc
3650	Mai Ngân	Bình	20/11/1978	733/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3651	Phạm Tấn	Huy	1988	733/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3652	Trần Thị Kim	Cương	1984	734/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3653	Nguyễn Văn	Thào	1985	734/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3654	Tô Thanh	Tuấn	08/5/1990	735/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3655	TRẦN HỒNG	YÊN	20/12/1994	736/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3656	Trương Thị	Nhi	14/4/1994	737/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3657	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	1984	737/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3658	Bùi Thanh	Tín	17/9/1994	738/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3659	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	05/6/1980	739/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3660	Trần Thị Kim	Loan	1985	739/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3661	Nguyễn Thị Thanh	Hương	1970	74/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3662	Nguyễn Minh	Trạng	01/5/1971	740/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3663	Nguyễn Thanh	Thùy	1969	741/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3664	Dương Thị Mộng	Linh	13/9/1992	742/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3665	Nguyễn Văn	Mười	1981	742/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3666	Lê Hòa Thùy	Nhân	05/12/1981	743/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3667	Nguyễn Thị Minh	Trang	15/8/1988	744/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3668	Trần Thị Bé	Sáu	1986	744/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3669	Nguyễn Thị Hồng	Châu	16/7/1981	745/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3670	Từ Ngọc	Châu	1965	745/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3671	NGUYỄN HOÀI	NHÂN	14/11/1989	746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3672	Lê Văn	Ly	1989	746/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3673	Lê Thị Xuân	Trang	21/4/1995	747/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3674	Lê Thị Mai	Trung	1984	747/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3675	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên	10/5/1996	748/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3676	Trương Ngọc	Hiếu	1971	748/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3677	Phạm Thị	Sen	24/8/195	749/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3678	Phan Hoàng	Thường	23/6/1993	75/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3679	Huỳnh Thị Thu	Trang	1988	75/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3680	Phạm Thị	Mai	01/9/1996	750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3681	Huỳnh Thị Cẩm	Tiên	1983	750/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3682	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	29/3/1991	751/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3683	Phạm Thị	Tú	27/4/1996	752/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3684	Huỳnh Thị Xuân	Hồng	1979	752/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3685	Huỳnh Minh	Trị	10/5/1981	753/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3686	Nguyễn Lê Yên	Nhi	1989	753/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3687	Nguyễn Thị Phương	Dung	09/01/1988	754/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3688	Dương Thị Hồng	Gấm	1990	754/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3689	NGUYỄN THU	TRANG	04/4/1992	755/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3690	Đỗ Thị Cẩm	Thúy	1964	755/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3691	NGUYỄN MAI DIỄM	THÚY	20/7/1981	756/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3692	Hà	An	1967	756/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3693	Trương Phúc	Trí	1984	757/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3694	Phạm Thị Minh	Trang	1981	758/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3695	Lê Hồng	Nhung	1987	759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3696	Huỳnh Trung	Hiếu	1985	759/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3697	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	12/01/1991	76/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3698	Nguyễn Thị Phương	Thúy	1983	76/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3699	NGUYỄN LÊ	QUYÊN	17/11/1986	760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3700	Võ Minh	Hữu	1981	760/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3701	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	1984	761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3702	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	11/10/1992	762/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3703	Đào Thanh	Nguyệt	1986	763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3704	Lê Văn	Thương	1982	763/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3705	DƯƠNG MINH	HIỂN	30/4/1989	764/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3706	Nguyễn Hồng	Diễm	1980	764/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3707	Phù Duy	Phương	08/8/1982	765/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3708	Lê Thúy	An	1984	765/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3709	Trần Thị Trúc	Xinh	1985	766/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3710	Bạch Văn	Mút	1969	767/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3711	Nguyễn Tâm	Thành	1987	768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
3712	Mã Thanh	Bách	1991	769/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3713	Võ Thị Thúy	Duy	13/01/1992	77/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3714	Võ Hoàng	Hải	1985	770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3715	Võ Hà Xuân	Diễm	1970	771/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3716	Nguyễn Trung	Hiếu	1989	771/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3717	Nguyễn Thị Quỳnh	Giao	04/8/1995	772/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3718	Võ Thị Gia	Như	1981	773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3719	LÊ NGỌC	DIỄM	25/01/1986	774/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3720	Ngũ Hồng	Phuong	14/10/1991	775/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3721	NGUYỄN THỊ	LOAN	02/12/1971	776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3722	Tăng Ngọc	Sương	1987	776/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3723	Nguyễn Ngọc	Thúy	16/12/1989	777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3724	Lê Tấn	Lực	1987	777/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3725	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	10/12/1966	778/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3726	Phạm Khắc	Qui	1987	779/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3727	Huỳnh Thị Bé	Loan	1981	779/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3728	Tổng Thanh	Bạch	25/12/1987	78/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3729	Phan Thị Kim	Loan	1986	78/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3730	Phan Thị Kim	Tuyền	1983	780/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3731	Nguyễn Cao Phương	Trang	1973	780/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3732	Lê Văn	Liên	02/10/1969	781/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
3733	Nguyễn Công	Danh	01/01/1992	782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3734	Trần Thị	Phước	1984	782/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3735	Nguyễn Quốc	Khang	25/5/1993	783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3736	Võ Tuyết	Linh	1981	783/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3737	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	07/9/1993	784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3738	Lê Thị Thanh	Tuyền	1981	784/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3739	Văn Thị Diệu	Hiển	30/3/1991	785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3740	Nguyễn Thị Cẩm	Rồng	1966	785/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3741	Nguyễn Thị	Quyên	04/3/1977	786/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3742	Lê Thị Kiều	Oanh	1975	786/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3743	Tô Giang Hoàng	Oanh	16/7/1986	788/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3744	Trần Thị Bích	Ngọc	1985	788/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3745	Phạm Thị	Tươi	14/9/1988	789/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3746	Mai Ngọc	Hân	10/02/1994	79/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3747	Phan Thị Kim	Dung	30/12/1980	790/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3748	Trần Thị Hồng	Tươi	1967	790/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3749	Nguyễn Yến	Nhi	23/9/1996	791/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3750	Võ Ngọc	Thanh	1977	791/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3751	Nguyễn Thị Thu	Ba	20/8/1996	792/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3752	Nguyễn Thành	Công	1954	792/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3753	Nguyễn Thị Thu	Hà	1978	793/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3754	Phạm Thị	Giới	1990	793/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3755	Phan Minh	Tuấn	1988	794/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3756	LÊ ĐĂNG	KHOA	18/11/1991	795/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3757	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	1972	795/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3758	Nguyễn Phạm Sơn	Huỳnh	01/01/1994	796/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3759	Trần Thị Trúc	Phuong	1984	796/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3760	NGUYỄN THÙY	LINH	25/11/1981	797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3761	Từ Tiến Quang	Hào	1983	797/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3762	Phan Kim	Đồng	1987	798/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3763	Dương Thừa	Phong	1984	799/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3764	Lê Văn	Vinh	1966	799/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3765	Lê Thu	Hà	08/4/1995	80/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3766	Đặng Thị Bích	Ngân	02/6/1988	800/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3767	Lê Nguyễn Minh	Thanh	1984	801/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3768	Trần Thị Thu	Nhiều	22/7/1995	802/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3769	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1984	803/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3770	Lý Tuấn	Kiệt	1970	803/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3771	Võ Thị Kim	Mỹ	1978	804/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3772	Hồ Thanh	Điện	1982	805/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3773	Lê Thị Ngọc	Thanh	07/10/1973	806/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3774	Trần Thị Tố	Quyên	1983	806/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3775	Phạm Thị Bích	Thùy	1982	807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3776	Huỳnh Minh	Trang	1982	807/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3777	Huỳnh Thị Thùy	Nguyễn	1983	808/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3778	Tạ Thị Thanh	Thắm	1985	808/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3779	Ngô Thanh	Hòa	15/7/1985	809/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3780	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	01/01/1985	81/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3781	Đỗ Thị Tuyết	Nhung	1989	810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3782	Đỗ Thị Nguyệt	Minh	1983	810/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3783	Đặng Ngọc Hoài	Thương	12/12/1993	811/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
3784	Nguyễn Hoàng	Tân	1990	811/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3785	Đặng Kim	Ngọc	15/02/1987	812/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3786	Nguyễn Hữu	Bằng	1986	812/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3787	Nguyễn Bích	Nhiên	01/5/1985	813/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3788	Nguyễn Lệ	Thùy	1967	813/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3789	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc Lan	Thanh	24/01/1996	815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3790	Lưu Ngô Kim	Ngọc	1988	815/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3791	Trần Thị Huỳnh	Như	10/02/1995	816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3792	Nguyễn Thị Tiểu	Mi	1987	816/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3793	Phạm Thị Minh	Thùy	1980	817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3794	Phan Thị Tuyết	Ngọc	1983	817/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3795	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	23/9/1989	818/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3796	Trần Quang	Thắm	1966	818/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3797	NGUYỄN THỊ KIM	NGUYỄN	27/10/1987	819/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3798	Nguyễn Thị	Mai	1976	819/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3799	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/9/1988	82/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3800	Nguyễn Tuyết	Phương	1982	82/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3801	Huỳnh Thị Tuyết	Lan	01/11/1994	820/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3802	Ngô Quốc	Văn	1988	820/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3803	NGUYỄN THỊ MAI	TRĂM	02/9/1987	821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3804	Trương Thị Mộng	Thắm	1988	821/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3805	Trần Chí	Nguyễn	23/02/1991	822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3806	Lê Thị Bích	Thu	1985	822/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3807	Phùng Thị Hoàng	Oanh	1983	823/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3808	Phạm Thị Bé	Mười	1986	823/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3809	Nguyễn Thị Thúy	Ngọc	28/5/1993	824/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ: vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3810	Cùng Thị Hồng	Ngân	09/7/1996	825/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3811	Nguyễn Thị Thùy	Trang	1982	826/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3812	Trần Nhật	Trường	1984	826/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3813	Phan Thị	Hào	28/11/1984	827/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3814	Thái Thị Mỹ	Hạnh	1983	828/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3815	Nguyễn Thị	Hương	1982	829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3816	Đỗ Kim	Danh	25/3/1963	83/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3817	Nguyễn Thị Thúy	Nhi	01/01/1992	830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3818	Trần Thị	Tím	1986	830/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3819	Nguyễn Thị	Lợi	1987	831/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3820	PHAN THANH	MỸ	01/01/1986	832/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3821	Nguyễn Minh	Phương	1981	832/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3822	Lê Thị Việt	Trinh	14/3/1993	833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3823	Đỗ Thanh	Bản	1989	833/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3824	Phạm Thu	Vân	15/6/1983	834/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3825	Nguyễn Văn	Em	1964	834/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3826	Nguyễn Khánh	Hòa	1975	835/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3827	Nguyễn Thị Thanh	Lựu	1986	836/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3828	Võ Minh	Phúc	1986	836/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3829	Hồ Duy	Linh	1988	837/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3830	Trần Văn	Rộng	1979	837/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3831	Trần Thị Kim	Liên	16/5/1994	838/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3832	Trần Thị Kim	Duyên	1986	838/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3833	Huỳnh Thị	Trâm	1971	839/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3834	Lê Quang	Thái	1988	839/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3835	Lê Văn	Kha	1968	84/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3836	Võ Thị Hồng	Seng	1983	84/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3837	NGUYỄN THỊ THANH	BÍCH	15/11/1987	840/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc.
3838	Nguyễn Thị Thu	Thào	1976	840/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3839	Trần Thị	Hoa	1974	841/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3840	Nguyễn Lê Thị Mỹ	Duyên	13/02/1995	842/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3841	LÊ PHẠM THANH	HẬU	07/02/1996	843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3842	Châu Thị Cẩm	LìnL	1988	843/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3843	Nguyễn Thị Kim	Thùy	26/02/1994	844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3844	Trần Bảo	Thanh	1982	844/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3845	Lộ Minh	Thảo	1988	845/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3846	Phạm Hồng	Phúc	16/3/1985	846/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3847	Phan Minh	Đức	22/11/1986	847/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3848	Lê Thị Thảo	My	03/01/1993	848/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3849	Phạm Thị Kim	Mỹ	1984	849/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3850	Nguyễn Anh	Dũng	1965	85/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3851	Nguyễn Thị Kim	Ý	1986	85/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3852	Nguyễn Xuân	Hoa	25/11/1965	850/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3853	Trần Ngọc	Trâm	02/10/1977	851/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3854	La Thị Thanh	Hương	1965	851/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3855	Lê Thị Trúc	Mơ	05/8/1996	852/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3856	Trần Kim	Phượng	1978	853/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3857	THÁI THỊ KIM	NGÂN	08/10/1987	854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3858	Nguyễn Minh	Thái	1987	854/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3859	Trần Thị Thu	Thào	26/4/1994	855/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3860	Nguyễn Ngọc Thanh	Tuyển	1985	855/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3861	Nguyễn Phước Bảo	Trần	02/5/1994	856/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3862	Nguyễn Lâm	Son	1991	856/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3863	Lê Văn	Phúc	12/12/1994	857/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc
3864	Đặng Văn	Tước	1962	857/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3865	Hồ Quang	Nhân	1981	858/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3866	Quách Chí	Lịch	1969	858/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3867	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	1989	859/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3868	Lê Thị Hồng	Phượng	1979	859/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3869	Nguyễn Đỗ Thị Thu	Yêm	02/3/1993	86/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3870	Lê Thị	Huỳnh	1974	86/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3871	Lê Thị Hồng	Ngọc	05/5/1978	860/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3872	Trương Thị Hồng	Phượng	1981	860/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3873	Nguyễn Văn Quyền	Ngọc	28/3/1995	861/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3874	Nguyễn Chí	Công	1985	862/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3875	Võ Tấn	Lợi	07/7/1985	863/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3876	Phan Văn	Thanh	1981	863/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu
3877	Phạm Văn	Bắc	20/6/1983	864/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3878	Lộ Như	Vy	1985	865/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3879	Nguyễn Thành	Tam	1983	865/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3880	Lê Thanh	Nhàn	06/5/1989	866/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3881	Nguyễn Thúy	Hằng	17/4/1982	867/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3882	Dương Tài	Linh	28/12/1995	868/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3883	Châu Thanh	Giàu	1978	868/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3884	Nguyễn Thị	Liễu	18/9/1995	869/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3885	Nguyễn Đăng Hoàng	Mỹ	28/8/1991	87/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3886	Diệp Chấn	Phong	10/11/1996	870/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3887	Nguyễn Thị Thúy	An	26/6/1997	871/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3888	Nguyễn Ngọc	Huệ	20/10/1993	872/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3889	Lê Hoàng	Linh	1983	872/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3890	Nguyễn Thị Minh	Hiên	27/3/1985	873/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3891	Lê Ngọc	Phúc	10/11/1956	874/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3892	Nguyễn Hoàng Đức	Em	1990	875/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3893	Huỳnh Thị Minh	Nga	1984	875/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3894	Nguyễn Thành	Trí	15/7/1974	876/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3895	HUỲNH THỊ CẨM	THÚY	19/02/1982	877/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3896	Đỗ Thị	Quyên	1982	877/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3897	Phạm Thị Tuyết	Lê	1975	878/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3898	Phạm Thị Vân	Anh	1982	878/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3899	Phan Văn Bé	Tám	05/11/1981	879/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3900	Đào Tuấn	Tâm	1977	879/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
3901	Đình Thị Thúy	Hằng	22/7/1992	88/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3902	Phan Thị Mộng	Ngọc	1976	88/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3903	Nguyễn Thị Tú	Trinh	20/10/1988	880/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3904	Trần Lương	Đình	1976	880/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3905	Nguyễn Thị Thùy	Như	18/4/1994	881/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3906	Nguyễn Kim	Tuyển	1963	881/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3907	Huỳnh Thị Tú	Uyên	02/7/1994	882/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3908	Huỳnh Thị Kim	Giao	1984	882/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3909	Huỳnh Minh	Viện	12/8/1994	883/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3910	Lê Thị	Trang	1990	883/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3911	Huỳnh Thị Châu	Tuyển	09/9/1996	884/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3912	Nguyễn Thị	Lý	1974	884/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3913	Nguyễn Diễm	Trang	07/8/1990	885/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3914	Nguyễn Thị Nghiêm	Quân	08/9/1988	886/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3915	Phạm Thanh	Em	1966	886/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3916	Bùi Công	Minh	1983	887/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3917	Đỗ Thị Kim	Tím	1974	887/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3918	Nguyễn Hữu	Dự	1973	888/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3919	Ngô Khánh	Huy	1983	888/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3920	Khru Tuyết	Vân	29/8/1994	889/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3921	Bùi Ngọc	Dung	1965	889/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3922	Trần Nguyễn Thu	Uyên	21/5/1985	89/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3923	Nguyễn Kim	Xuyến	1966	89/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3924	Lê Quốc	Hoàng	1981	890/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3925	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	1988	890/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3926	Huỳnh Hoa Hạnh	Nguyên	1990	891/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3927	PHẠM THỊ BÍCH	NGỌC	26/6/1989	892/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3928	Nguyễn Thị Thu	Trang	1978	892/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3929	Nguyễn Trường	An	11/10/1994	893/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3930	Lê Văn	Lộc	1972	894/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3931	Võ Thị Hồng	Vân	1986	895/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3932	Huỳnh Đệ	Nhất	03/9/1994	896/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3933	Ngô Phú	Nhật	15/5/1995	897/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3934	Nguyễn Thanh	Luân	30/9/1994	898/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3935	Nguyễn Hồng	Thư	03/4/1987	899/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3936	Trần Thị Kim	Em	08/5/1985	90/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3937	Huỳnh Tấn	Phát	20/5/1989	900/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3938	Nguyễn Văn	Quý	17/11/1986	901/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3939	Trịnh Hoàng Ngọc	Lan	17/01/1994	902/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
3940	Ngô Thị	Nhanh	19/4/1980	903/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3941	Nguyễn Thị Thùy	Linh	13/8/1986	904/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc
3942	Nguyễn Đình Minh	Thư	1984	904/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3943	Đình Hữu	Tâm	01/3/1987	905/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3944	Nguyễn Thị Thúy	Vân	1981	905/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3945	Nguyễn Đăng	Khoa	17/6/1996	906/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3946	Phạm Thị Kim	Chi	12/11/1994	907/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3947	Lê Thị Kim	Tùng	1981	907/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3948	NGUYỄN THỊ TUYẾT	ANH	20/4/1994	908/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3949	Phạm Văn	Trú	1957	908/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3950	Nguyễn Thúy	Hằng	1987	909/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3951	Huỳnh Thị Phương	Dung	29/9/1989	91/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
3952	Nguyễn Lê	Trí	1970	91/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3953	Huỳnh Thị Diệu	Nhon	04/8/1994	910/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3954	Nguyễn Thị Như	Viên	1988	910/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3955	Lê Minh	Duy	07/02/1993	911/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3956	Trần Bá	Duy	1981	911/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3957	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	16/01/1997	912/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3958	Nguyễn Thị Ngọc	Luyến	1987	912/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3959	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	26/8/1995	913/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3960	Trần Quốc	Thắng	1990	914/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3961	Lâm Thị Hải	Yến	05/12/1996	915/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3962	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	1958	915/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3963	Trần Thị Diễm	Trang	12/9/1978	916/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3964	Trương Đình	Khả	1977	916/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3965	Nguyễn Dương Hồng	Yến	04/4/1990	917/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3966	Thái Hoàng	Lâm	1963	917/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3967	Trần Quốc	Công	1982	918/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3968	Dương Văn	Chín	1955	918/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
3969	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	1985	919/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3970	Đỗ Thành	Nhu	1988	919/ĐT-CCHND	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3971	Trần Thanh	Tâm	1984	92/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3972	Nguyễn Thị Diễm	An	1989	920/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3973	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1981	920/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3974	Nguyễn Thị	Phượng	1970	921/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3975	Nguyễn Bảo	Trần	1987	921/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3976	Phạm Mỹ	Duyên	09/3/1995	922/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
3977	Huỳnh Thị Thúy	Khuân	1987	922/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3978	Nguyễn Thị Mỹ	Hân	03/7/1988	923/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3979	Trần Ngọc	Liên	26/7/1983	924/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3980	Văng Thị Ngọc	Hân	1984	924/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3981	Đặng Thị	Ngoan	1984	925/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc
3982	Trần Thị Bích	Hạnh	1988	925/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3983	Đình Nguyễn Phú	An	21/5/1994	926/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3984	Lê Thị Tuyết	Loan	1981	926/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3985	Lê Văn	An	11/3/1982	927/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã.
3986	Nguyễn Thanh	Tùng	1988	927/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3987	Nguyễn Văn	Trí	10/6/1994	928/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
3988	Nguyễn Minh	Thắng	14/4/1989	929/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Cơ sở bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
3989	Trần Phát	Đạt	1984	929/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3990	Lê Thị Ngọc	Diệu	29/10/1987	93/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3991	Trương Trần Phước	Vinh	17/01/1994	930/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3992	Nguyễn Quỳnh	Hương	11/6/1995	931/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3993	Nguyễn Thị Ngọc	Thu	1978	931/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3994	Lê Thanh	Khiêu	10/02/1966	932/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3995	Lê Thị Tuyết	Nhung	1980	932/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3996	Nguyễn Trí	Nhân	17/10/1979	933/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3997	Hồ Nguyễn Phương	Hồng	1983	933/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
3998	Vô Văn	Long	27/4/1971	934/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
3999	Đoàn Thị	Bé	1964	934/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4000	Nguyễn Thị Kim	Loan	25/9/1992	935/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4001	Nguyễn Thị Thu	Cúc	1988	935/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4002	Trần Bảo	Khanh	1995	936/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4003	Trần Sơn	Hải	25/6/1974	937/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược, người phụ trách về bảo đảm chất lượng của hộ kinh doanh, hợp tác xã sản xuất dược liệu; Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền.
4004	Nguyễn Thị Kim	Ngân	1987	937/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4005	Huỳnh	Mai	10/02/1994	938/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4006	Phạm Minh	Tú	1980	938/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc đông y, thuốc từ dược liệu

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4007	Ngô Văn	Giáp	24/6/1983	939/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4008	Nguyễn Trần	Nguyễn	1986	939/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4009	Lê Minh	Thông	10/02/1989	940/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4010	Lữ Thiện	Phúc	1986	940/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4011	Hoàng	Long	1987	941/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4012	Trịnh Thanh	Son	1983	942/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4013	Nguyễn Thị Trúc	Phương	20/01/1995	944/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4014	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	1990	944/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4015	Nguyễn Tuấn	Kiệt	1981	945/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4016	Nguyễn Xuân	Hoa	1970	945/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4017	Đào Ngọc	Xuyên	30/10/1997	946/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4018	Nguyễn Thị	Chinh	1986	946/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4019	TRẦN THỊ THANH	LOAN	25/11/1986	947/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4020	Nguyễn Thị Thu	Chi	1988	947/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4021	Huỳnh Thị Mỹ	Linh	1983	948/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4022	Nguyễn Thị Yến	Nhi	1990	948/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4023	Lê Thị Thu	Ba	1983	949/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4024	Thái Văn	Hùng	1963	949/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4025	Nguyễn Thị	Chắc	06/6/1905	95/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4026	Lê Hoàng	Dũng	17/11/1966	950/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4027	Hà Thị Bảo	Yến	1987	950/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4028	Thiệu Thị Bích	Ly	10/8/1985	951/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4029	Trần Thị Hải	Lý	01/4/1976	953/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4030	Trần Thị Anh	Thư	1979	953/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4031	Nguyễn Thị Trúc	Hằng	1983	954/CCHN-D-SYT-ĐT	Người chịu trách nhiệm chuyên môn về dược của Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4032	Phạm Thị Bé	Năm	1980	954/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4033	ĐẶNG THANH THÚY	AN	27/7/1986	955/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4034	Nguyễn Thị Bạch	Tuyết	1982	955/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4035	PHAN THỊ ÁNH	HỒNG	30/01/1982	956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4036	TIẾT KIM	OANH	22/8/1975	957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4037	Huỳnh Thị	Thắm	1988	957/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4038	Phạm Thị Diễm	Thúy	29/10/1989	958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4039	Lưu Thúy	Vy	1989	958/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4040	Bạch Thị Hồng	Huệ	01/5/1993	959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4041	Nguyễn Thanh	Hà	1973	959/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4042	Nguyễn Thị Cẩm	Loan	01/09/1983	96/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4043	Phạm Thị	Khéo	1964	960/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4044	Đặng Văn	Khanh	1967	960/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4045	Lăng Thị Thu	Sương	24/02/1986	961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4046	Đặng Hoàng	Anh	1988	961/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4047	Lê Minh	Bạch	1976	962/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4048	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	1970	962/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4049	Lê Văn	Vũ	1984	963/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc (trừ vắc xin, sinh phẩm; dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền); Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4050	Trương Ngọc	Lũy	05/6/1969	964/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4051	Trần Đắc	Khánh	1979	964/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4052	Nguyễn Tấn	Kiệt	1991	965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4053	Lê Thị	Nhàn	1980	965/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4054	Nguyễn Thanh	Phong	04/8/1982	966/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4055	Nguyễn Thị Thu	An	01/7/1987	967/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4056	Phạm Thị Hồng	Phúc	1985	967/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4057	Nguyễn Thị	Cầm	1989	968/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4058	Nguyễn Văn	Phúc	1958	968/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4059	Nguyễn Thị Phương	Quyên	11/5/1989	969/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4060	Hồng Thị Bích	Liên	1986	969/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4061	Châu Bá Phước	Duẩn	1987	97/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4062	Đỗ Anh	Dũng	1965	970/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc
4063	Nguyễn Hoàng	Thiện	1950	970/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4064	Lê Thanh	Cúc	24/6/1990	971/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4065	Nguyễn Thị Thái	Thanh	1984	971/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4066	Phạm Thị Bích	Ngọc	09/6/1992	972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4067	Lê Tấn	Đạt	30/7/1989	973/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4068	Phạm Thị Ngọc	Dung	1983	973/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4069	Bùi Văn	Nhi	03/01/1994	974/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4070	Phạm Thị Thùy	Linh	1987	974/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4071	Nguyễn Kim	Ngọc	18/01/1986	975/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4072	Phan Thái	Hiền	1982	975/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc
4073	Lê Huỳnh Thúy	Oanh	05/11/1991	976/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4074	Huỳnh Thị Yến	Nhi	27/10/1993	977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4075	Lê Thị Huỳnh	Hoa	1958	979/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4076	Đặng Hoàng	Bửu	16/8/1992	98/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4077	Phạm Minh	Phương	1988	98/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4078	Lưu Thị Cẩm Tú	Em	1986	980/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4079	Nguyễn Thị	Điểm	16/11/1983	981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4080	Trần Thị Mộng	Cầm	02/02/1993	983/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4081	Phan Hoàng Ngọc	Trang	01/02/1985	984/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4082	Trần Thị Ngọc	Mai	1982	984/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4083	Giảng Đặng Ngọc	Hân	15/3/1993	985/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4084	Đồng Thị Phát	Tài	1988	985/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4085	Tổng Phan	Duy	1989	986/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4086	Võ Trần	Trung	15/5/1996	987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4087	Nguyễn Quang	Huy	1988	987/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4088	Nguyễn Hữu	Thông	09/10/1968	988/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4089	Nguyễn Minh	Trọng	1983	988/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4090	Huỳnh Nguyễn Như	Bình	22/12/1990	989/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4091	Mai Hoàng	Linh	15/9/1992	99/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế
4092	Trần Thị Ngọc	Phượng	1980	99/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4093	Nguyễn Huỳnh Hồng	Ngọc	12/10/1994	990/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở sản xuất dược liệu; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc
4094	Trần Hùng	Phong	1990	991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4095	Trần Sinh	Phúc	1972	991/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4096	Huỳnh Minh	Trị	15/9/1991	992/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4097	Nguyễn Trường	Giang	1984	992/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4098	Lê Thành	Hiệp	27/9/1988	993/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4099	Lê Minh	Tâm	18/12/1991	994/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4100	VÕ KIM	BẰNG	10/9/1979	995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4101	Nguyễn Thành	Long	1988	996/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4102	Nguyễn Văn	Ngân	1961	996/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)
4103	Nguyễn Hoàng	Oanh	13/12/1993	997/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4104	Mai Minh	Luân	1989	997/ĐT-CCHND	Cơ sở bán lẻ thuốc (trừ nhà thuốc)

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4105	Bùi Thị Kim	Thùy	1981	998/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4106	Bùi Thị Hồng	Ngoan	1990	998/ĐT-CCHND	Quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4107	Nguyễn Thị Thúy	Nga	1983	999/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4108	Lê Thanh	Hòa	1959	999/ĐT-CCHND	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc; Doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ bảo quản thuốc; Doanh nghiệp làm dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4109	QUAN PHÚ	LONG	24/6/1982	2540/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4110	TRẦN VĂN	TRUNG	19/6/1990	2539/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4111	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	03/11/1987	2538/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4112	NGÔ HOÀNG	YẾN	25/7/1972	2537/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4113	NGUYỄN THANH	HUYỀN	25/9/1994	2536/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4114	VÕ THỊ NHƯ	HUỶNH	10/11/1998	2535/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4115	HỒ NGUYỄN	PHÚC	27/01/1996	2534/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4116	NGUYỄN CHÍ	TÂM	19/10/1975	2533/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4117	PHẠM PHƯỚC	NHIỀU	29/5/1997	2532/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4118	HUỶNH NGỌC	LIÊN	11/02/1994	2531/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4119	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	27/4/1998	2530/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4120	NGUYỄN THỊ TUYẾT	DUYÊN	27/4/1998	2529/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4121	NGUYỄN THỊ	HỒNG	06/02/1987	2528/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4122	LƯƠNG THỊ KIỀU	TIÊN	15/4/1997	2527/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4123	LÂM TRƯƠNG LAN	PHƯƠNG	08/6/1982	2526/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4124	TRẦN THỊ TUYẾT	NGA	21/12/1983	2525/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4125	PHẠM THỊ	NGA	06/4/1970	549/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4126	HUỶNH THỊ BÍCH	TUYỀN	08/3/1993	2524/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4127	LÊ THÀNH	ĐẠT	09/9/1994	2523/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4128	ĐẶNG THỊ VÂN	ANH	01/01/1997	2522/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4129	TRẦN HUỶNH	ANH	07/10/1996	2521/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4130	LÊ Ý	NHƯ	21/01/2000	2520/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4131	HỒ BIÊN	THÙY	02/6/1990	2519/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4132	HUỶNH THỊ MỸ	CHI	29/4/1999	2518/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4133	TỪ KIM	DU	22/01/1992	2517/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4134	CHÂU THỊ KIỀU	QUANH	20/4/1992	2516/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4135	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	21/10/1996	2515/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4136	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	19/5/1991	2514/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4137	PHẠM HỮU	TÀI	15/5/1971	2513/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4138	LÂM TÂN	TRUNG	04/4/1970	2512/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4139	LÊ THỊ	LAN	08/10/1983	2200/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4140	LƯƠNG TRUNG	KIÊN	24/12/1995	2511/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4141	TRẦN LÊ THIÊN	HUY	06/11/1997	2510/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4142	VÕ TRƯỜNG	AN	02/4/1983	2509/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4143	LÝ THỊ THÚY	AN	19/6/1986	2508/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4144	LÊ THỊ	TRANG	23/01/1996	1691/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4145	NGUYỄN NGỌC PHƯƠNG	TRANG	02/4/1990	1278/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4146	HỒ THỊ THANH	NHƯ	20/5/1989	1591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4147	NGUYỄN MAI THẢO	NGUYỄN	26/8/1982	709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4148	NGUYỄN BẢO	THƯƠNG	09/11/1999	2507/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4149	LÊ VÕ TRIỀU	DUƠNG	27/10/1994	2506/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4150	HỒ THỊ XUÂN	ĐÀO	06/10/1992	2505/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4151	LÂM THỊ	THU	15/11/1990	2504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4152	PHAN THỊ YẾN	NGỌC	03/4/1997	2503/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4153	ÂN THÁI HUỖNH	AN	25/7/1985	2502/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4154	PHẠM THỊ NGỌC	HẠNH	08/12/1981	2501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4155	NGUYỄN THỊ THÙY	DUYÊN	15/4/1990	2458/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4156	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	08/02/1989	2499/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4157	TRẦN THỊ CẨM	NHUNG	21/8/1991	2498/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4158	DƯƠNG THANH	HOÀI	10/6/1999	2497/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4159	NGUYỄN LONG	HIỀN	13/01/1993	2496/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4160	DƯƠNG THỊ KIM	TUYẾN	14/3/1996	2495/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4161	TRƯƠNG KIM	NGÂN	29/11/1992	2494/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4162	DƯƠNG THỊ HƯƠNG	DUƠNG	01/01/1987	2493/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4163	PHẠM HỒNG	NHUNG	12/8/1981	2492/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Nhà thuốc
4164	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	25/6/1990	2491/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4165	HUỖNH TRÚC	LINH	26/02/1998	2490/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4166	BÙI BẢO	NGUYỄN	20/3/1997	2489/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4167	LỮ NGỌC QUỐC	THÁI	18/4/1997	2488/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4168	NGUYỄN LÊ MAI	PHƯƠNG	19/01/1994	2487/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4169	TRƯƠNG NGUYỄN HOÀNG	HIẾU	19/01/1998	2486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4170	VÕ THANH	LIÊM	11/11/1989	2485/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4171	PHẠM THỊ KIM	TIỀN	20/7/1994	145/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4172	TRẦN HỮU	NGHĨA	23/7/1990	2484/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4173	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	17/01/1986	2483/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4174	LÊ MINH	KHÁI	11/01/1992	2482/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4175	NGUYỄN THỊ	LY	14/02/1984	2481/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4176	LÊ MINH	THU	14/5/1997	2480/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4177	TRƯƠNG HUỖNH	THU	13/7/1999	2479/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4178	NGUYỄN YẾN	LINH	14/8/1999	2478/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4179	TRẦN THỊ THANH	TRANG	31/01/1978	2477/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4180	NGUYỄN HOÀNG	TÂM	06/11/1992	2476/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4181	LÊ THỊ KIỀU	HOANH	01/01/1992	2475/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4182	TRƯƠNG THỊ THU	NGA	10/6/1992	2474/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4183	PHAN THỊ THANH	TUYỀN	24/8/1975	2473/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4184	LÂM NGỌC	QUÝ	28/12/1987	2472/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4185	LÊ THỊ HUỖNH	TRÚC	05/6/1969	2471/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4186	LÊ THÁI	PHONG	02/11/1984	2470/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4187	PHẠM THỊ KIỀU	OANH	30/5/1983	2469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4188	LÂM BẢO	NGỌC	20/5/1993	217/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4189	TRẦN THỊ THU	TRANG	26/6/1982	1002/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4190	TRẦN THỊ THÙY	MỸ	03/6/1996	2468/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4191	TRƯƠNG THỊ ĐIỂM	TRINH	01/12/1996	2467/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4192	LÝ TUẤN	KIỆT	01/8/1997	2466/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4193	PHẠM THỊ THẢO	QUYÊN	04/9/1997	2465/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4194	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	18/4/1995	2464/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4195	TRẦN MINH	TUẤN	01/01/1998	2463/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4196	PHAN VĂN	Y	16/3/1979	2462/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4197	NGUYỄN NGỌC	KHÁI	09/7/1976	2461/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4198	NGUYỄN THỊ	HẢO	10/9/1980	2437/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4199	HOÀNG NAM	LONG	01/11/1997	2460/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4200	TRẦN ĐẶNG KIM	TÂM	26/9/1986	2459/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4201	NGUYỄN THỊ CẨM	TIẾN	19/02/1997	2457/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4202	MAI THANH	MỸ	26/11/1978	2456/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4203	LÊ THỊ	PHƯƠNG	13/02/1965	2455/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4204	MAI NGUYỄN KIM	NGÂN	15/02/1997	2454/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4205	HUỖNH NGUYỄN NHƯ	NGỌC	17/01/1997	2453/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4206	LÊ NGUYỄN THANH	TRANG	20/9/1970	2452/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4207	PHẠM TRỌNG	TÂN	19/3/1997	2451/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4208	MAI THỊ TUYẾT	LAN	03/5/1977	2450/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4209	CHÂU THANH	HẰNG	24/4/1995	2449/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4210	NGUYỄN HOÀI QUỲNH	ANH	17/4/1996	2448/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4211	LÊ NHƯ	Ý	26/02/1997	2447/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4212	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	MI	15/4/1990	2446/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4213	PHẠM NGUYỄN ÁNH	NGỌC	01/01/1977	2445/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4214	NGUYỄN THỊ KIM	TUYỀN	06/9/1993	243/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4215	NGUYỄN THÀNH	HIỆP	10/5/1970	202/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4216	PHẠM TRẦN HỮU	LỄ	05/01/1997	2643/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4217	VÕ THỊ BÍCH	DUYÊN	07/7/1999	2642/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4218	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	20/5/1984	2641/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4219	TRẦN THỊ	QUÍ	06/5/1982	2640/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4220	NGUYỄN VĂN	CHIÊN	01/01/1987	2347/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc
4221	ĐỒNG NGUYỄN TƯỜNG	VY	09/4/1993	474/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4222	LÊ DƯƠNG	LỘC	04/9/2000	2639/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4223	NGUYỄN KIỀU	HOA	12/3/1995	2638/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4224	NGUYỄN CHÍ	THANH	25/11/2000	2637/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4225	HUỶNH MAI	TRANG	03/02/1996	2636/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4226	TRẦN THANH	HUYỀN	17/01/1987	2635/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4227	TRẦN HỮU	PHÚC	06/01/1997	2634/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4228	NGUYỄN HOÀNG THẢO	OANH	04/3/1995	2633/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4229	HUỶNH CHÍ	HIẾU	11/9/1974	2632/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4230	HUỶNH PHƯƠNG	THẢO	27/01/1993	758/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4231	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THANH	06/11/1999	2631/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4232	TRẦN CÔNG	THỨC	20/11/1989	2630/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4233	NGUYỄN TÁT	ĐẠT	04/10/1988	2629/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4234	LƯU THỊ KIM	YẾN	01/01/1986	2628/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4235	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	THÚY	14/02/1997	2627/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4236	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	19/7/1998	2626/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4237	TRẦN KIM	HẠNH	20/01/1984	2625/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4238	NGUYỄN MINH	THIỆN	11/11/1984	2624/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4239	NGUYỄN THỊ CẨM	THANH	31/7/1983	2623/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4240	VÕ ĐÔNG	SƠ	20/10/1984	2622/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4241	LÊ QUỐC	HẢI	22/8/1984	2621/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4242	QUÁCH THỊ MINH	THU	10/10/1996	2620/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền
4243	BÙI LÊ LAN	ANH	10/7/2000	2619/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4244	VÕ NGỌC LAM	UYÊN	27/9/1992	2222/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4245	VÕ NGUYỄN TRÚC	ĐÀO	18/01/1995	2618/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4246	TRẦN THỊ HỒNG	DIỄM	29/11/1999	2617/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4247	TRỊNH CÔNG	MINH	29/01/1992	2616/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4248	TỔNG THỊ KIM	PHỤNG	24/12/1982	2615/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4249	NGUYỄN THỊ	QUYÊN	16/9/1989	2614/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4250	NGÔ THẢO	NGỌC	24/3/1995	2613/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4251	TỔNG THỊ HƯƠNG	GIANG	19/01/1997	2612/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4252	NGUYỄN VIỆT	QUÂN	19/11/1997	2611/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4253	NGUYỄN HUỖNH ÁI	NHƯ	05/9/1995	2610/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4254	LÊ THỊ THÙY	DUNG	05/5/1991	2609/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4255	NGUYỄN THỊ	KHÍCH	02/6/1986	2608/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4256	BÙI NGỌC	DUYÊN	30/12/1991	1460/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4257	ĐOÀN THỊ	TRÂM	01/12/1992	1305/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4258	TRẦN THỊ NGỌC	HÀ	07/01/1989	787/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4259	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	15/9/1987	614/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4260	NGUYỄN TUẤN	TÚ	23/10/1982	97/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4261	HUỖNH THỊ NGỌC	BÍCH	17/9/1990	74/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4262	LÊ THANH	SANG	11/3/1983	2607/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4263	PHAN THỊ	PHƯƠNG	10/01/1982	2606/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4264	NGUYỄN HỮU	THÁI	24/4/1999	2605/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4265	TRẦN LÊ ANH	THU	07/11/1996	2604/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4266	NGUYỄN THỊ ANH	THU	15/4/2000	2603/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4267	TRẦN THỊ NGỌC	DUNG	16/10/1989	2602/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4268	LÊ THỊ	ĐỊNH	03/12/1976	1037/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4269	CHÊ THỊ PHƯƠNG	LINH	16/8/1984	2601/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4270	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚC	15/01/1994	2600/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4271	MÃ	NGUYỄN	07/6/1995	2599/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4272	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	28/9/1994	2598/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4273	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	25/7/1992	2597/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4274	VÕ THỊ MINH	THU	16/4/1999	2596/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4275	NGUYỄN THỊ HIỆP	NGÔN	28/11/1971	2595/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4276	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	HẠNH	04/11/1991	2594/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4277	NGUYỄN THỊ	KIÊM	30/01/1983	2593/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4278	NGUYỄN THỊ DỊU	THANH	20/9/1990	2592/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4279	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	30/12/1992	183/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4280	TRẦN THỊ	ĐIỀU	20/8/1982	982/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4281	NGUYỄN THỊ	ĐẾN	11/12/1983	448/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4282	NGUYỄN THỊ HUỖNH	ANH	21/3/1971	2591/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4283	NGUYỄN THẢO	VY	28/01/1997	2590/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4284	ĐÌNH ĐẮC	LỘC	01/01/1997	2589/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4285	THÁI THỊ PHƯƠNG	THẢO	28/4/1966	2588/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4286	BÙI THỊ	HẠNH	03/01/1970	2587/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4287	HÀ NGUYỄN HOÀNG	DUY	21/3/1997	2586/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4288	LÊ CẨM	TIÊN	24/4/1992	2585/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4289	HUỖNH TRẦN XUÂN	HƯƠNG	10/10/1988	2583/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4290	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	MY	22/6/1992	2582/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4291	LÊ NGUYỄN HOÀNG	PHƯƠNG	28/01/1991	2581/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4292	LƯƠNG THỊ MỸ	LINH	22/12/1981	841/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4293	VÕ THỊ TRÚC	UYÊN	03/7/2000	2580/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4294	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/4/1979	2579/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4295	LÊ VĂN	DƯƠNG	28/7/1978	979/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4296	TRẦN CHÉ	LINH	01/01/1981	980/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4297	LÊ HỒ HẢI	LÝ	17/9/1990	2578/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4298	NGÔ NGỌC QUYÊN	VÂN	15/12/1989	2577/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4299	PHAN THỊ	HẰNG	06/9/1997	2576/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4300	PHẠM QUỐC	THÁI	12/10/1997	2575/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4301	VÕ THỊ THÚY	LIÊU	07/7/1989	2574/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4302	NGUYỄN ĐƯƠNG TƯỜNG	VY	15/10/1996	2573/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4303	NGUYỄN THỊ HUỆ	TRÂM	18/02/1996	2572/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4304	TRẦN THỊ	THẠO	12/5/1997	2571/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4305	PHẠM HỮU	THANH	13/3/1973	2570/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4306	TRẦN ÁI KIỀU	KHANH	30/5/1990	2569/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4307	NGUYỄN KIM	HUỆ	09/02/1989	2568/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4308	NGÔ THANH	NHÀN	01/01/1982	2567/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4309	LÊ TRỌNG	NGHĨA	24/9/1991	2395/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4310	LÊ THỊ THU	TRÚC	15/6/1980	757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4311	PHAN THỊ MAI	TRÂM	11/4/1983	1036/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4312	NGUYỄN TRUNG	KIÊN	14/5/1997	2565/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4313	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỄN	20/3/1993	2564/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4314	HUỶNH THỊ YẾN	NHI	19/6/1999	2563/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4315	ĐẶNG	PHÚC	19/10/1997	2562/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4316	PHẠM THỊ	THIỆT	28/11/1991	2561/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4317	PHAN MINH	TRUNG	25/11/1980	978/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4318	HUỶNH PHƯỚC	SANG	11/5/1981	575/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4319	DƯƠNG THỊ ÁI	MY	09/02/1994	209/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4320	ĐINH NGUYỄN MINH	TÂN	05/3/1994	1049/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4321	BÙI THỊ HUYỀN	TRÂN	10/7/1994	2559/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4322	NGUYỄN THỊ KIM	XUÂN	22/01/1991	2558/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4323	ĐÀO THỊ THÚY	NGÂN	14/02/1997	2557/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4324	TRẦN VĂN	QUỐC	03/4/1994	2556/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4325	NGUYỄN ĐĂNG	NGUYỄN	05/12/1997	2555/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4326	LƯU THỊ NGỌC	DUNG	02/11/1999	2554/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4327	THÁI HỮU	LỘC	20/8/1988	2553/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4328	HÀ THU	HUỶNH	11/3/1986	2552/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4329	NGUYỄN HỮU	THÀNH	07/02/1993	308/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4330	LÊ TRÍ	THỊNH	02/7/2000	2551/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4331	NGUYỄN ĐÀO MỘNG	HUYỀN	01/3/1996	2550/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4332	LÊ QUỐC	VIỆT	23/4/1993	2549/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4333	PHẠM VĂN	KHÂM	22/4/1991	2548/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4334	ĐẶNG THỊ	NỖ	22/02/1994	2547/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4335	NGUYỄN THỊ XUÂN	PHƯƠNG	03/6/1981	814/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4336	MAI THỊ THU	BA	18/5/1985	338/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4337	TRẦN THỊ	ĐÀO	01/5/1952	767/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4338	VÕ THANH	LIÊM	17/12/1995	1006/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4339	HUỶNH THỦY	TIẾN	03/9/1997	2546/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4340	VĂN THỊ THẢO	SƯƠNG	13/9/1997	2545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4341	NGUYỄN HOÀNG ĐÌNH	YẾN	09/12/1990	2544/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4342	LÊ THỊ	XUÂN	19/9/1986	2543/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4343	TRẦN THỊ	LIÊN	01/01/1975	2542/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4344	NGUYỄN ANH	TUẤN	20/01/1990	2541/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4345	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	12/02/1966	254/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4346	NGUYỄN NGỌC VÂN	KHANH	06/7/1996	2752/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4347	NGUYỄN THANH	TUẤN	16/4/1991	2751/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4348	PHAN THỊ MỘNG	XUYỀN	24/4/1990	2750/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4349	TRƯƠNG VĂN ĐỀ	ANH	25/02/1973	2714/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4350	NGUYỄN CHÍ	LINH	13/02/1991	287/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4351	HUYỄN THỊ KIM	THẢO	02/6/1983	1112/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4352	TRẦN KIM	ANH	28/8/1997	2749/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4353	NGUYỄN THỊ THANH	GIANG	09/01/1980	2748/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4354	PHAN THỊ LAN	ANH	06/12/1999	2747/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4355	BÙI NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	14/02/1996	2746/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4356	CAO HOÀNG PHƯƠNG	ANH	19/5/1998	2745/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4357	VÕ THỊ KIM	LIÊN	09/9/1986	2744/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4358	NGUYỄN NGỌC ÁNH	TUYẾT	29/10/1990	2743/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4359	NGUYỄN HÌNH NGỌC	THANH	18/9/1990	2742/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4360	ĐỖ THANH	SANG	18/12/1977	2741/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4361	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẠNH	08/10/1996	1659/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4362	HUYỄN THỊ TÚ	TRINH	01/10/1998	2740/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4363	HUYỄN LÊ KIM	QUYÊN	19/5/1998	2739/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4364	LÊ THỊ KIM	XUÂN	22/11/1995	2738/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4365	MAI XUÂN	THỦY	30/9/1992	2737/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4366	PHẠM THỊ HOÀNG	NU'ONG	26/02/2000	2736/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4367	NGUYỄN KIM	DUYÊN	27/9/1997	2735/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4368	PHAN THÁI DƯƠNG	HUYỀN	03/11/1983	2734/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4369	VÕ THỊ DIỆU	THẢO	24/12/2000	2733/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4370	BÙI THẾ	TRUNG	04/5/1949	2732/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4371	LÊ THỊ	THÀNH	11/7/1988	2731/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4372	NGUYỄN THỊ	NHÀN	24/02/1983	2730/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4373	PHẠM LÊ	HUÊ	26/6/1999	2729/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4374	NGUYỄN THANH	VŨ	08/01/1988	537/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4375	TRẦN THỊ KIỀU	HẠNH	10/4/1983	124/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4376	HUỶNH THỊ KIM	NGỌC	25/8/1983	577/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4377	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	TRINH	25/7/1994	330/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4378	NGUYỄN VĂN QUÍ	EM	01/01/1986	1307/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4379	PHAN THỊ MINH	THƯ	16/3/1997	2728/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4380	NGÔ THỊ	ÚT	06/01/1985	2727/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4381	NGUYỄN HOÀNG	GIANG	15/02/1988	2726/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4382	VÕ THÀNH	NGUYỄN	04/02/1963	2725/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4383	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	22/4/1992	220/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4384	NGUYỄN HIẾU	NGHĨA	03/02/1994	952/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4385	HỒ VŨ	EM	16/02/1989	2247/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4386	TÀO LÊ QUANG	MINH	16/7/1982	1562/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4387	HUỶNH THỊ NGỌC	PHÚC	09/4/1994	2724/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4388	ĐỖ THỊ	THOÀ	20/9/1995	2723/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4389	HỒ NGUYỄN VẠN	PHÁT	16/10/1997	2722/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4390	LÊ TRẦN THÙY	TRANG	12/11/1995	2721/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4391	NGUYỄN THANH	XUÂN	15/02/1997	2720/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4392	ĐOÀN TUẤN	VŨ	01/01/1993	2719/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4393	LÊ THỊ HỒNG	HÀ	12/4/1995	2718/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4394	ĐỖ THỊ CẨM	THU	26/01/2000	2717/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4395	LƯU THỊ	NHI	26/9/1999	2716/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4396	ĐOÀN DUY	PHƯƠNG	22/11/2000	2715/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4397	NGUYỄN THỊ KHÁNH	VÂN	14/11/1990	1273/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4398	TRƯƠNG THỊ CẨM	THI	20/8/1991	2713/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4399	VÕ THỊ KIỀU	NGÂN	11/12/1983	2712/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4400	PHẠM THANH THẢO	UYÊN	08/5/1982	2711/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4401	NGUYỄN LÊ THU	HÀ	02/10/1975	2710/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4402	ĐÀO THỊ THÙY	TRANG	29/11/1981	2709/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4403	NGUYỄN VĂN	DÀO	22/01/1982	2708/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4404	NGUYỄN THỊ	LIÊN	01/02/1985	2707/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4405	LÊ THỊ HUỶNH	NHƯ	15/6/1997	2706/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4406	THẠCH THỊ NGỌC	TRÂN	08/02/1997	2705/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4407	NGUYỄN TÂN	HỮU	04/6/1997	2704/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4408	TRẦN THANH	TRÚC	10/10/1995	2703/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4409	TRẦN VĂN	GỎI	26/02/1983	2702/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4410	MAI LAN	THANH	16/10/1992	154/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4411	VƯƠNG THỊ THẢO	UYÊN	28/5/1984	2701/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4412	NGUYỄN THỊ BẢO	HUYỀN	18/4/1999	2700/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4413	NGUYỄN KHƯƠNG	DUY	24/12/1996	2699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4414	LÊ ĐỖ XUÂN	UYÊN	22/11/1989	2698/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4415	HỒ NGỌC BÍCH	CHÂU	28/4/1997	2697/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4416	NGUYỄN THÚY	VĂN	01/01/1979	2696/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4417	HỒ THỊ MỸ	KIM	16/7/1987	2695/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4418	NGUYỄN TRẦN KHƯƠNG	DUY	13/9/2000	2694/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4419	HỒ THỊ MỸ	TIỀN	04/02/2000	2693/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4420	TRẦN ĐỨC	THỊNH	20/12/2000	2692/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4421	NGUYỄN THU	THANH	08/3/2000	2691/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4422	VÕ THỊ NHƯ	THẢO	02/12/1996	2690/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4423	PHẠM THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/4/1999	2689/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4424	NGÔ TẤN	PHƯƠNG	10/6/1985	2688/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4425	LÊ THỊ KIM	SƯƠNG	29/4/2000	2687/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4426	NGUYỄN PHẠM BẢO	UYÊN	12/6/1997	2686/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4427	HỒ THỊ MỸ	LINH	16/02/1989	2685/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4428	TRẦN MINH	HIỆU	12/8/1996	2684/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4429	VÕ THỊ NGỌC	HUYỀN	08/5/1999	2683/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4430	NGUYỄN THÀNH TỔ	NI	08/4/1999	2682/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4431	TRẦN THỊ NGỌC	HIỀN	10/5/1990	2681/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4432	NGUYỄN QUỲNH	HOA	07/4/2000	2680/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4433	NGUYỄN MINH	TUYÊN	12/5/1995	2679/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4434	NGUYỄN THỊ THANH	LAN	17/01/1973	2678/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4435	VÕ BẢO	NHI	01/8/1999	2677/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4436	LÊ THỊ THANH	TRÚC	05/02/1997	2676/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4437	HUYỄN QUANG	ĐÔNG	13/02/1998	2675/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4438	NGUYỄN KIỀU	LOAN	05/6/1990	2674/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4439	PHAN THỊ	CHI	29/11/1988	2673/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4440	TRẦN THỊ	THÚY	01/01/1991	2673/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4441	LÊ HỒNG	NGA	21/9/1990	2672/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4442	MAI THỊ THANH	DIỆU	27/9/1992	2671/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4443	ĐẶNG THỊ HẠNH	NGUYỄN	01/01/1996	2670/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4444	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	08/8/1999	2669/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4445	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	04/12/1988	2668/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4446	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	HẠNH	02/12/1988	2667/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4447	NGUYỄN THỊ HUỠNH	NHƯ	19/5/1995	2666/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4448	ĐÀM QUANG	VINH	23/02/1982	2665/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4449	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	20/9/1986	2664/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4450	TRỊNH ĐỨC	HUNG	06/6/1960	2663/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4451	LÊ ĐỨC	TÀI	19/9/1978	1072/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4452	NGUYỄN THỊ CẨM	XUYẾN	10/3/1993	986/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4453	NGUYỄN THỊ XUÂN	TUỔI	09/9/1985	2662/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4454	HUỠNH CẨM	HUỠNG	22/4/2000	2661/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4455	NGUYỄN MINH	CHÁNH	20/02/1998	2660/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4456	LÝ THỊ KIM	PHỤNG	01/01/1998	2659/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4457	NGUYỄN MINH	NGỌC	29/6/1999	2658/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4458	NGUYỄN KIỀU	PHƯƠNG	04/4/1987	2657/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4459	TRẦN LỘNG	NGỌC	03/8/1996	2656/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4460	PHẠM LÊ BẢO	MINH	13/4/1997	2655/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4461	TRẦN THỊ MAI	HÀ	19/8/1997	2654/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4462	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHỚ	04/4/1991	2653/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4463	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	PHƯƠNG	27/3/1992	2652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4464	NGUYỄN NGỌC THANH	SON	04/6/1968	2651/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc.
4465	HUỠNH CHÍ	HẬU	20/12/1968	1486/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4466	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	01/01/1993	456/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4467	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	21/6/1985	1140/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4468	TRẦN NHỰT	LINH	27/4/1997	2650/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4469	VÕ THỊ HỒNG	NGA	18/9/1998	2649/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4470	ĐÀO THỊ THÙY	TIÊN	10/01/1999	2648/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4471	DƯƠNG THÚY	VÂN	20/3/1991	2647/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4472	NGUYỄN NAM	THUẤN	21/12/1988	2646/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4473	TRẦN THỊ	NHỰT	30/8/1980	2645/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4474	ĐẶNG HUỠNH	NHƯ	12/10/1985	2644/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4475	CAO TÙNG	BÁCH	16/8/1987	2796/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4476	ĐOÀN THỊ	NGỌC	01/11/1996	2795/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4477	LÊ THỊ TUYẾT	MAI	10/3/1993	2794/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4478	ĐÌNH NGỌC	TRÂM	15/10/1997	2793/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4479	ĐẶNG THỊ DIỄM	HỒNG	08/5/1988	2792/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4480	NGUYỄN THỊ THÚY	LIỄU	22/7/1993	2791/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4481	HUỶNH VĂN	BẮC	10/11/1967	2790/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4482	ĐỖ THỊ THÙY	LOAN	29/10/1991	2789/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4483	ĐẶNG VĂN	ÚT	28/01/1974	1296/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4484	NGUYỄN BÌNH	TRÍ	18/7/1985	943/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã
4485	HÀ THỊ KIM	HOÀNG	20/6/1992	2788/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4486	TRẦN KIỀU	PHƯƠNG	11/11/1996	2787/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4487	THẠCH THƯỢNG	TÍN	19/3/1998	2786/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4488	PHẠM KIM	THÀNH	10/01/1995	2785/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4489	ĐOÀN HOÀI	NAM	12/01/1986	2784/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4490	MAI TRUNG	NGHĨA	21/9/1999	2783/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4491	NGUYỄN THỊ BẢO	TRÂN	20/3/1999	2782/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4492	LÊ THỊ DIỄM	MY	18/10/1992	2781/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4493	HOÀNG THỊ MỸ	DUYÊN	19/8/1997	2780/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4494	PHAN THỊ BĂNG	TRINH	13/5/1981	2779/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4495	ĐOÀN VĂN	ĐA	24/4/1964	2778/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4496	HỒ THỊ	SEN	30/01/1997	895/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4497	ĐẶNG THỊ TƯỜNG	DUY	17/12/2000	2777/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4498	NGUYỄN THỊ THẠCH	THẢO	25/6/2000	2776/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4499	THÁI THỊ HUỶNH	NHƯ	25/10/1997	2775/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4500	LA TẤN	KIỆT	08/8/2000	2774/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4501	LƯU THỊ KIỀU	TRINH	22/8/2000	2773/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4502	NGÔ THỊ PHƯƠNG	THANH	05/7/1995	2772/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4503	HUỶNH THỊ	PHÚC	03/12/1981	2771/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4504	LƯU THỊ THÚY	HẰNG	02/3/1981	2770/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4505	NGUYỄN THỊ NHẬT	TIỀN	10/7/1986	92/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4506	PHẠM MINH	QUÍ	02/11/1990	140/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4507	TRẦN HOÀNG	THIỆN	06/10/1998	2769/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4508	NGUYỄN THỊ	ÚT	25/10/1983	2768/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4509	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	13/02/2000	2767/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4510	TRẦN THỊ LAN	DUYÊN	30/7/1997	2766/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4511	ĐOÀN PHÚ	ĐỨC	01/01/1991	2765/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4512	NGÔ THỊ NGỌC	TRÂM	12/7/1997	2764/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4513	ĐỖ THỊ CẨM	NHI	07/8/1999	2763/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4514	NGUYỄN PHAN PHÚ	QUÍ	06/02/1997	2762/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4515	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	11/6/1987	2761/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4516	TRẦN MINH	THU	07/9/1990	2760/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4517	QUANG THỊ KIM	PHÍ	04/3/1995	1185/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4518	PHẠM THỊ TƯỜNG	VÂN	18/01/1998	2759/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4519	HÀNG NGỌC TUYẾT	TRÂM	13/3/1991	2758/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4520	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	27/10/1986	2757/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4521	LÊ THỊ KIM	NGỌC	01/01/1989	2756/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4522	PHẠM THỊ MAI	CHI	15/12/1993	2755/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4523	NGUYỄN VĂN	SĨ	05/8/1977	2754/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4524	TRẦN THỊ	PHƯỚC	11/02/1984	2753/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4525	ĐẶNG THỊ ANH	THU	09/4/1995	1863/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4526	TỪ THỊ CẨM	TIÊN	15/8/1993	531/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4527	TRẦN NGUYỄN THUY	DUÔNG	28/5/1997	2824/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4528	LÊ TUẤN	ANH	16/11/1999	2823/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4529	THÁI PHƯƠNG	HĂNG	24/12/1990	2822/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4530	HỒ HOÀNG	NGUYỄN	01/01/1998	2821/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4531	KHÔNG THỊ MINH	ĐÀI	20/11/1992	2820/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4532	LÊ THỊ TRANG	EM	24/7/1988	2819/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4533	LÊ ĐỨC	LONG	16/10/1996	2818/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4534	BÙI THỊ CẨM	HOÀI	20/5/1990	2817/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4535	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	29/12/1987	2816/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4536	LÊ THỊ	THẨM	01/01/1977	2815/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4537	TRANG THỊ NGỌC	TÂM	23/01/1986	2814/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4538	ĐỖ TẤN	TÀI	19/10/1967	2813/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4539	ĐẶNG THỊ THANH	THÚY	05/12/1987	2812/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4540	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	01/9/1993	2811/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4541	VÕ NGỌC	BÍCH	06/4/1985	2810/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4542	TRẦN VĂN	NU	01/01/1982	671/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4543	TRẦN THỊ TUYẾT	HẰNG	16/11/1988	198/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4544	MAI THỊ NHƯ	NGỌC	30/9/1998	2809/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4545	LÊ THỊ Á	TIÊN	24/4/1997	2808/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4546	TÔN THỊ KỶ	DUYÊN	19/8/1997	2807/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4547	PHAN ĐOÀN THANH	VY	04/8/1991	2806/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4548	LÊ THỊ DIỄM	MY	02/6/1997	2805/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4549	HUỶNH NGỌC	THU	05/11/1998	2804/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4550	LÊ THỊ THU	THẢO	27/5/1994	2803/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4551	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHI	04/7/1995	2802/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4552	HUỶNH TRÂM HUYỀN	TRÂN	24/10/1995	2801/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4553	LÊ THỊ THÙY	TRANG	06/6/1987	2800/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4554	PHẠM THỊ BÍCH	TRÂM	10/5/1985	1370/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4555	ĐỖ THỊ BÍCH	NGUYỆT	03/02/1982	141/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4556	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	07/12/1989	2799/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4557	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	21/6/1994	2798/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4558	LÊ THỊ TÂM	NHI	23/9/1999	2797/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4559	NGUYỄN NGỌC ANH	PHƯƠNG	14/9/1994	1699/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4560	NGUYỄN THÁI	THỌ	16/12/1987	43/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4561	TRƯƠNG THỊ MỸ	HUYỀN	12/11/1998	1865/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4562	LÊ HOÀNG	TÂM	14/4/1987	2859/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4563	PHAN THỊ HUYỀN	THI	20/11/2000	2858/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4564	ĐẶNG THỊ HỒNG	NGÂN	19/8/1984	484/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4565	MAI THỊ	THẨM	01/01/1976	504/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4566	NGUYỄN THỊ PHƯỚC	HUỆ	05/11/1994	909/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4567	ĐẶNG ĐÌNH HUY	MÃN	17/10/2000	2857/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4568	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	25/3/1993	2856/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4569	ĐÌNH THỊ NHƯ	NGỌC	20/6/1997	2855/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4570	NGUYỄN THỊ	TRINH	04/6/1991	2854/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4571	HUỶNH THỊ BÍCH	PHỤNG	17/10/1989	2853/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4572	LÊ THỊ	MỸ	29/10/1980	2852/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4573	NGUYỄN THẾ	PHI	30/10/1961	2851/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4574	TRẦN THỊ ANH	THU	01/11/1994	2850/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4575	PHẠM THỊ NGỌC	ÁI	29/6/1994	1211/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4576	NGUYỄN VĂN	THUẬN	13/11/1979	325/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4577	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	09/4/1996	652/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4578	NGUYỄN THỊ MỸ	LAN	14/01/1994	1171/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4579	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	08/02/1966	501/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4580	VÕ TRẦN	CHÍ	06/11/1993	384/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4581	TRẦN MINH	THU	27/7/1996	2849/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4582	NGÔ QUANG	HUỖNG	20/12/1991	2848/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã; cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4583	PHAN VĂN TUẤN	KIỆT	17/3/2000	2847/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4584	VÕ THỊ HUỖNH	GIAO	22/02/1985	2846/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4585	NGUYỄN LÊ KHÁNH	AN	02/9/1994	2845/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4586	HUỶNH THỊ THÚY	LOAN	23/4/1982	2844/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4587	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỖNG	21/7/1977	2843/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4588	NGUYỄN THỊ TRÚC	LINH	20/02/1980	2842/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4589	LÊ THỊ HỒNG	GẮM	18/6/1986	469/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4590	HUỶNH THỊ DƯƠNG	LINH	10/7/1984	1172/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4591	TRƯƠNG TUẤN	KIỆT	06/02/2000	2841/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4592	UNG THỊ	THAO	16/02/1991	2840/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4593	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	28/9/1988	2839/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4594	TRẦN KIỀU	MY	19/8/1996	2838/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4595	BÙI ĐỨC	HẠNH	02/5/1985	2837/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4596	NGUYỄN THỊ	NHÂN	09/01/1997	2836/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4597	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRANG	19/4/1984	2835/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4598	HUỶNH THỊ SEN	HỒNG	15/8/1988	1362/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4599	LÊ THỊ	TIỀN	15/9/1995	2124/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4600	LÊ THỊ NGỌC	NHU	15/5/1995	328/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4601	TRƯƠNG SƠN	VŨNG	08/6/1991	357/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4602	HỨA PHÚC	ANH	05/8/1993	1023/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4603	NGHIÊM VĂN	HAI	02/5/1974	2834/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4604	TRẦN THỊ XUÂN	YẾN	27/9/1997	2833/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4605	LÊ THANH	VIỆT	22/12/1986	2832/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4606	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	19/02/1985	70/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4607	NGUYỄN THỊ MỘNG	LIÊN	18/6/1999	2831/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4608	TRẦN THỊ THU	DUYÊN	25/02/1990	2830/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4609	LÊ DIỄM PHÚC	ẤN	23/12/1998	2829/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4610	HUỶNH ĐỨC	ĐẠT	01/8/1985	2828/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4611	NGUYỄN THIÊN	PHƯỚC	12/6/1991	2827/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4612	LÊ THỊ	THO	20/4/1988	2826/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4613	NGUYỄN THÀNH	PHÚ	14/4/1984	2825/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4614	VÕ THỊ NHƯ	THẢO	20/6/1983	565/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4615	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	01/7/1984	1280/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4616	NGUYỄN PHƯỚC	HẬU	02/01/1986	801/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4617	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHỐ	30/10/1986	1259/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4618	NGUYỄN THỊ	THẨM	28/02/1985	143/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4619	NGUYỄN NGỌC TÚ	QUYÊN	05/5/1982	2903/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4620	TÔ NGỌC	YẾN	21/8/1977	2902/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4621	ĐẶNG THỊ	DUNG	22/9/1996	2901/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc
4622	PHẠM PHƯỚC	THIỆN	31/01/1997	2900/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4623	VÕ VĂN	KHOA	25/01/1996	1847/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4624	NGUYỄN THỊ KIM	THẢO	19/5/1983	191/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4625	NGUYỄN HỮU NHỰT	TRƯỜNG	23/6/1989	2899/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc
4626	TRẦN ĐẠI	HOÀNG	28/4/1995	2898/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4627	MAI MINH	HIẾU	19/01/1987	2897/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4628	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	05/5/1990	2896/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4629	NGUYỄN THỊ BÍCH	TUYỀN	17/7/1989	2895/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4630	NGUYỄN THỊ MỘNG	TRINH	13/12/1994	2584/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4631	PHẠM VĂN	NU	23/6/1996	1154/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4632	HUỲNH THỊ KIM	HUỆ	13/9/1996	2894/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4633	LÊ THỊ QUỲNH	THƯ	14/02/2000	2893/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4634	LẠI THỊ HÒA	HƯƠNG	07/4/1995	2892/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4635	LÊ THỊ BẢO	YẾN	24/7/2000	2891/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4636	ĐINH NGUYỄN HỒNG	HẠNH	04/3/1999	2890/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4637	PHAN THỊ	LÀNH	08/10/1986	2889/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4638	LÝ KIẾN	HOA	28/3/1994	2888/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4639	TRẦN KIM	LÀI	12/10/1985	2887/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4640	LƯƠNG THỊ TUYẾT	NGA	14/8/2000	2886/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4641	LÊ THỊ HỒNG	LAN	07/5/1984	2885/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4642	NGUYỄN KHÁNH	LINH	28/8/1995	2884/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4643	DƯƠNG THỊ KIM	CHÂU	18/3/2000	2883/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4644	LÊ THỊ DƯƠNG	LINH	18/4/2000	2882/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4645	NGUYỄN ĐĂNG VÕ TUYẾT	ANH	26/7/1985	2881/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4646	NGUYỄN NGỌC NHƯ	Ý	30/7/1998	2880/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4647	LÊ THỊ MỸ	HUYỀN	21/7/1997	2879/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4648	NGUYỄN BẢO	ẤN	01/01/1985	2878/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4649	TRƯƠNG NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	04/5/1995	2877/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4650	TRẦN TRỌNG	PHƯỚC	24/3/1984	2876/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4651	VÕ TÂN	LỢI	10/10/1992	2875/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4652	NGUYỄN VĂN	LINH	23/8/1995	2874/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4653	NGUYỄN THỊ KIM	CƯỜNG	12/5/1995	2873/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4654	PHAN NGỌC	NỮ	26/8/1997	2872/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4655	VÕ KIM	TUYỀN	30/10/1994	2871/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4656	NGUYỄN THỊ KIỀU	NGÂN	18/3/1996	2870/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4657	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	08/02/1979	2869/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4658	ĐẶNG MINH	PHÚ	20/9/1990	2868/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4659	NGUYỄN THỊ MAI	TRINH	19/01/2000	2867/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4660	NGUYỄN THỊ THÚY	TIẾN	01/12/1995	2866/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4661	NGUYỄN THỊ LỆ	TRANG	16/12/1992	2865/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã.
4662	HUYỀN THỊ THÙY	TRANG	04/8/1997	2864/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4663	HUYỀN NGỌC	PHÍ	15/10/1981	2863/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4664	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	22/6/1980	2862/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4665	LÊ NGỌC	QUÝ	05/9/1992	276/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4666	NGUYỄN THỊ A	DƯ	08/8/1993	2861/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4667	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	14/3/1989	2860/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4668	PHAN KIM	NHI	23/02/2000	2921/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4669	LỘ VĂN	HÓA	18/8/1990	2920/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4670	LÊ THỊ BÉ	GỌN	20/02/1983	2919/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4671	NGUYỄN QUANG	HUY	12/12/1998	2918/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4672	TRẦN THỊ THÚY	AN	15/7/1988	2917/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4673	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	17/6/1989	205/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc
4674	NGÔ THỊ MỸ	TRINH	11/3/1997	914/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4675	NGUYỄN MINH	CHÂU	23/01/1989	2566/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4676	NGUYỄN QUỐC	TRÍ	05/9/1992	1327/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4677	VÕ THỊ NHƯ	QUỲNH	10/8/1994	2916/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4678	NGUYỄN TUẤN	CÁNH	12/01/1997	2915/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4679	CHẾ THỊ HỒNG	LOAN	18/10/1998	2914/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4680	ĐỖ THỊ	TRÂM	23/6/1991	2913/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4681	PHẠM THỊ QUÊ	TRẦN	29/4/2000	2912/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4682	ĐỖ THỊ HUYỀN	TRANG	15/11/1996	2910/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4683	TRƯƠNG VĨNH	NHÀN	07/04/1985	2909/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4684	HỒ THỊ	THÚY	01/01/1992	2908/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4685	NGUYỄN THỊ CẨM	NGÂN	30/8/1994	2907/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4686	NGUYỄN THỊ	HỒNG	02/01/1991	2906/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã
4687	NGUYỄN HỒNG	HẠNH	09/10/1983	2905/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4688	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	01/3/1978	1309/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4689	NGÔ THỊ KIM	ANH	02/4/1997	2904/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4690	NGUYỄN LÊ TƯỜNG	VI	10/8/1993	595/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4691	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	19/6/1984	1361/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4692	MAI NGUYỄN THANH	TÀI	08/11/1994	1545/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4693	NGUYỄN THỊ ÁI	HÀ	05/12/1999	2945/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4694	TRẦN KIM	DUNG	13/7/1988	2944/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4695	NGUYỄN THỊ ĐIỂM	MY	05/7/1996	2943/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4696	TRƯƠNG THỊ HUỠNH	NHƯ	27/4/1994	2942/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4697	HỨA YẾN	CHY	12/02/1993	2911/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4698	NGUYỄN MINH	TRÍ	19/7/1992	2941/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4699	LÊ HỒNG	HẠNH	18/8/1981	2940/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4700	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	19/7/1994	2939/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4701	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	20/10/1995	2938/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4702	TẠ THỊ	TOÀN	15/5/1991	2937/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4703	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	15/4/1977	2936/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4704	DƯƠNG THỊ KIM	THANH	03/02/1968	2935/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4705	HUỠNH LÊ KIM	PHỤNG	15/10/1994	766/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4706	NGUYỄN NGỌC	SANG	24/01/1986	2934/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4707	LÂM NGỌC	TIẾN	13/01/1989	2933/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4708	PHẠM THỊ NGỌC	NGÂN	16/4/1993	518/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4709	NGUYỄN THỊ KIM	THÔNG	20/8/1994	2425/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4710	NGUYỄN THÁI	QUÍ	25/02/1988	2932/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4711	TRẦN HỮU	PHÚ	23/4/1998	2931/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4712	HUYỀN PHẠM YÊN	NHI	05/9/1995	2930/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4713	NGUYỄN HOÀI	HẬN	14/5/1997	2929/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4714	NGUYỄN THỊ HẰNG	NI	13/5/1984	2928/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4715	LÊ HOÀNG QUÊ	TRẦN	12/4/1997	2927/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4716	PHẠM MINH	NHỤT	17/3/1996	2926/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4717	PHAN THỊ	LÝ	18/02/1974	2925/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4718	NGUYỄN PHÚC	KHOA	25/11/1987	2924/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4719	TRẦN LỆ	UYÊN	09/02/1978	2923/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở xuất nhập khẩu dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền; Nhà thuốc; quầy thuốc; tủ thuốc trạm y tế xã.
4720	ĐẶNG THỊ KIM	THO	01/10/1991	2922/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4721	LÊ ĐÀO MINH	TRÍ	08/7/1990	2560/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4722	PHAN THỊ BÍCH	TRÂM	22/02/1999	2961/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4723	ĐỖ THỊ THANH	PHƯƠNG	30/12/1982	2167/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4724	VÕ THỊ MỸ	TIỀN	24/7/1993	2960/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4725	THÁI THU	THẢO	23/9/1992	2959/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4726	NGUYỄN THỊ BẢO	MINH	15/8/1996	2958/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4727	LÊ HOÀI	BẢO	14/6/1997	2957/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4728	NGUYỄN THỊ	ĐẶNG	06/9/1981	2956/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã; Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4729	NGUYỄN MINH	NHỤT	08/8/1997	2955/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4730	TRẦN THANH	NGỌC	22/5/1993	2954/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4731	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	07/5/1998	2953/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4732	PHAN THỊ MINH	THU	24/01/1993	2952/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4733	NGUYỄN THỊ	LANH	26/8/1996	2951/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4734	HỒ KIM	LOAN	16/3/1993	2950/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4735	TRẦN LÂM	TÂN	19/02/1999	2949/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4736	PHAN THỊ HỒNG	LOAN	16/02/1983	148/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4737	NGUYỄN THỊ HOÀNG	OANH	27/01/1995	144/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4738	HUYỀN THỊ ANH	ĐÀO	05/7/1990	2948/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4739	VÕ HỒNG	NHUNG	06/02/1984	2947/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4740	TRƯƠNG KIM	TIỀN	30/12/1983	2946/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4741	NGUYỄN THỊ CÀ	NU	30/3/1985	3001/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4742	ĐOÀN NGỌC	TRỰC	19/6/1982	3000/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4743	LÊ MINH	QUANG	12/4/1987	2999/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4744	PHAN THỊ MỸ	XUYỀN	24/4/1992	2998/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4745	TRẦN THỊ KIM	CƯỜNG	29/01/1999	2997/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4746	ĐẶNG VĂN	ĐẬM	03/5/1993	2996/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4747	DƯƠNG THỊ THIÊN	LÝ	30/10/1999	2995/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4748	LÊ QUANG	HUY	15/6/1987	2994/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4749	NGUYỄN NGỌC TÚ	ANH	20/4/1992	638/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4750	QUÁCH HOA	TẤN	05/12/1989	2993/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền
4751	HUỖNH THỊ THÙY	TIÊN	15/11/1991	2992/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4752	VÕ NGỌC	XUYẾN	26/3/2000	2991/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4753	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	13/2/1996	2990/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4754	NGUYỄN THANH	KHỐI	26/6/1999	2989/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4755	THÁI THỊ MỸ	LINH	24/3/1997	2988/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4756	NGUYỄN QUỐC	KIỆT	17/8/2001	2987/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4757	NGUYỄN THANH	TÂM	19/6/1997	2986/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4758	NGUYỄN BẢO	NGỌC	23/9/1995	2985/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4759	THÁI THỊ KIM	SIÊNG	12/02/1994	2984/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4760	LÊ NGÂN	HÀ	10/02/1997	2983/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4761	NGUYỄN THỊ NGỌC	AN	25/6/1998	2982/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm nghiệm thuốc
4762	BÙI VĂN	LINH	01/7/1993	2981/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4763	TRẦN THỊ DIỄM	TRINH	27/9/1988	2980/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4764	ĐẶNG TRUNG	HIỆU	01/12/1999	2979/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4765	LÊ THỊ	THANH	01/01/1990	2978/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4766	LÊ THỊ	THOÀ	16/9/1999	2977/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4767	BÙI NHƯ	HUỖNH	24/11/1994	2976/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4768	HUỖNH PHƯỚC	TẤN	21/4/1999	2975/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4769	NGUYỄN THANH	NHÂN	23/7/1986	2974/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4770	NGUYỄN THỊ CẨM	HƯƠNG	18/11/1987	2973/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4771	HOÀNG THỊ	LÊ	29/11/1975	2972/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4772	HUỖNH HỒNG	HẠNH	20/4/1990	2971/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4773	VÕ PHAN THANH	LIÊM	05/6/1984	2970/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4774	VÕ LÂM CHÁNH	TÍN	20/8/1996	2969/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4775	LÊ THỊ THÚY	HIỀN	10/02/2000	2968/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4776	NGUYỄN THỊ THANH	HẰNG	02/6/1976	2967/CCHN-D-SYT-ĐT	Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4777	ĐOÀN THỊ KIM	NGOAN	23/10/1991	2966/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã

STT	Họ, tên, ngày tháng năm sinh của người được cấp CCHND			Số Chứng chỉ hành nghề Dược	Phạm vi hoạt động chuyên môn
	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh		
4778	VÕ THỊ THẢO	LY	31/01/1990	2965/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4779	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	24/4/1984	2214/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4780	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	28/11/1981	862/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4781	NGUYỄN THỊ THU	TRƯỜNG	16/10/1998	2964/CCHN-D-SYT-ĐT	Nhà thuốc; Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4782	PHAN THỊ	VỆ	01/01/1983	2963/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4783	VÕ THỊ KIM	PHUƠNG	16/10/1982	2962/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã
4784	NGUYỄN THU	NGÀ	17/11/1995	1378/CCHN-D-SYT-ĐT	Quầy thuốc; Tủ thuốc trạm y tế xã